

an lạc

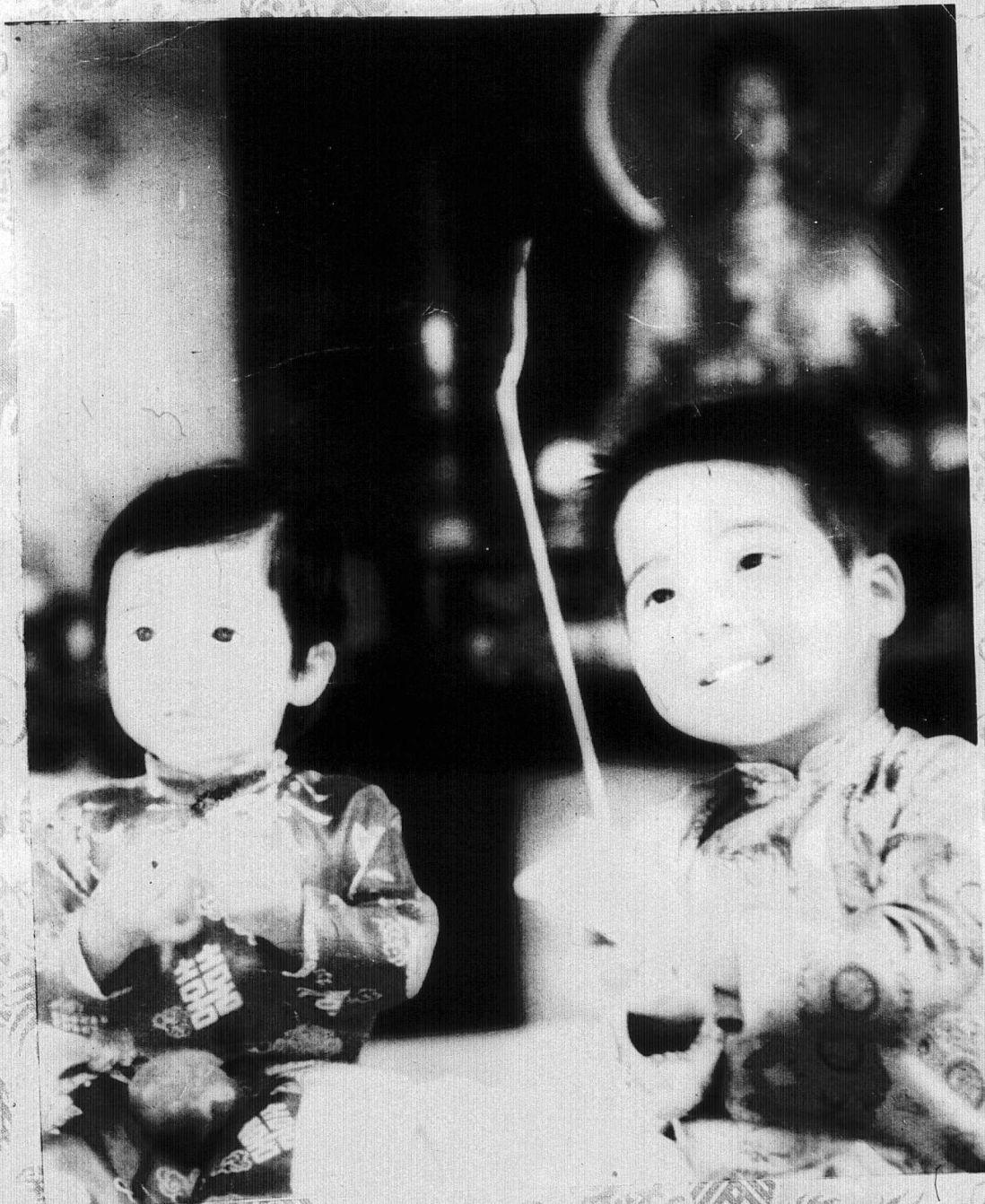
khăn

tuần báo

KỶ ĐÀU

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT VƯƠN LÊN

Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Đại - Đức THÍCH - THÔNG - BỬU



SỐ ĐẶC BIỆT

an lạc tuần báo

BỘ MỚI SỐ XUÂN KỶ DẬU
Tờ báo ra ngày thứ sáu hàng tuần
Chủ - Nhiệm kiêm Chủ - bút
Đại-Đức THÍCH - THÔNG - BỬU

HIẾNG NƠI CỦA NGƯỜI VIỆT VƯỜN LÊN

Số 205 BMTTC-ND.13-7-68
Quán-Thế-Âm
68, N. Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Saigon
Điện - Thoại : 49151

QUÀ XUÂN

Năm nay người Việt-nam thường Xuân, không phải chỉ bằng pháo nổ rộ nong câu đối đỏ, mà lại còn thêm vui hưởng một món quà quý giá vô tận: «Món quà tinh thần».

Bàn tay và trí óc người Việt đã làm nên trang sử Việt. Còn oai hùng hơn cả mùa xuân con gà của nhà Nguyễn Quang-Trung.

Tết năm nay ngoài danh từ Tết Hòa bình, thì mình còn phải gọi là tết cách mạng. Vì mọi người đều bước qua giai đoạn cách-mạng thật sự.

Những tâm thiệp chúc tết đã được đổi thành màu dân-tộc trang nhà. Những chữ chúc Hòa-bình và tự chủ hiện lên thay thế cho các chữ chúc sang chúc giàu. Những chiếc Ca-Sa màu vàng*giải thoát, thay vì ngày xưa chỉ gói trọn thân hình quý vị thiên-sư, thì mùa tết này cũng được vung phủ, tỏa hương thơm ngào ngạt để che nắng che mưa cho vạn triệu dân lành. Những hòng súng đã gục đầu, nhường cho các cây bút thân vườn dấy. Diều hâu xếp cánh. Bỏ-câu trắng hiện về. Luôn cái vườn rau không còn sợ thuốc khai quang nữa, nó đã vươn lên để đón xuân và hòa cùng nhịp sống của người.

Mùa tết con gà vô tiền khoáng hậu của trang sử Việt-nam. Mùa tết mà cả thế giới đều hiểu biết Việt nam và đặt Việt nam lên hàng trên, trên hết cả các bậc danh nhân quốc tề.

Con gà Việt nam đã hóa Phượng, Phượng bay càng cao, càng nhẹ nhàng siêu thoát. Đạo đã dẫn đời và đời đã nhiệm đạo. Những dòng nước tinh thương, bắt đầu thấm ướt hết thấy các thửa ruộng hận thù; biển những thửa ruộng này trở thành nơi quy tụ của ngàn hoa.

Một mùa xuân ngọt ngào trong tình dân tộc và nhuần đượm trong hào quang sáng tỏa của đảng Điều-Ngự-Sư.

Người Việt vườn lên xin dâng báo vật «QUÀ XUÂN KHAI TRIỂN». Kính cúng dường Chánh-pháp và mền tặng quê-hương nhân dịp đầu xuân đức Di-Lạc hiện về.

Xuân hoan hi, xuân Hòa-Bình và An-Lạc của mọi người.

★ THÔNG-BỬU

Số
Đặc biệt
Xuân
KỶ DẬU



Trong số này:

- 2 Qua Xuân THÔNG - BỬU
- 3 Sự canh-tân Tôn-giao
Thượng-Tọa ĐỨC-NHUẬN
- 4 Thơ Xuân An-lạc Hòa-bình
Hòa-thượng TRÍ-THỦ,
T.T. NHẬT-HẠNH, THÔNG-
BỬU, TUỆ-HẢI, GIÁC-
HẠNH, PHÁP-MINH,
ĐỨC-NIỆM
- 5 Đêm giao thừa nguyên với sao
bằng TRỤ-VŨ
- 7 Hào quang trên sóng Xuân
VŨ-HÂN
- 8 Tình Trăng-nước (giải Nobel)
KAWABATA YASUNARI
(TT MÃN-GIÁC dịch)
- 10 Bánh Tết hay Bánh Tết
TÔN-NỮ HOÀNG-ĐIỆP
- 10 Ca thần trà nghĩa TRẦN-THIỆN-ÂN
- 13 Chiếc áo dài người đẹp Việt-nam
THÀNH-CHÂU
- 15 Mùa Xuân cây cối và quê hương
của KIÊM-MINH
- 16 Cảnh Hạt Non Nam
Hòa-Thượng TRÍ-THỦ
- 17 Sa mạc mở rộng
PHẠM-THIỆN-THU
- 18 Dấu năm Xong đất
của BAO-BỐC-ĐÔNG
- 20 Quyên với tờ lòng
NƠ-SƯ QUỲNH-LIÊN
- 25 Hai mùa xuân con gà huy hoàng
trong lịch sử Việt-Nam
của QUANG-NGUYỄN
- 27 Mùa Xuân với người thơ bốn
phương
HOÀNG-HOA-THƯƠNG
- 29 Thăng Vui diện Xứ Huế
của PHONG-SƠN
- 30 Thân Kê Linh Từ
của DA-GIAO-ĐĂNG
- 31 Những phong tục cổ truyền về
Tết Nguyên Đán của Dân tộc
Việt-Nam của ĐÔNG-TÙNG
- 32 Dấu Kê trường của Hội chợ
Hà Nội 1919 XUÂN-BÔNG
- 34 Mùa Xuân trên đôi cánh huyền
THÀNH-TRÚC
- 35: Thơ: VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG,
TRỤ-VŨ, MINH-THỂ, PHONG-SƠN,
PHỤNG-HOÀNG.
- 39: Tìm sao hạn tốt xấu: ĐD. THIÊN-TU

Những cây viết của

Tuần báo AN - LẠC

(hiện diện từ số 1 đến 20)

★ QUÝ HỌA-THƯỢNG THƯỢNG-TỌA ĐẠI-ĐỨC

Hòa-Thượng TRÍ-THỦ, Thượng-Tọa ĐỨC-NHUẬN, Thượng-Tọa
MINH-CHÂU, T.T. MÃN-GIÁC, T.T. QUANG-LONG, T.T.
NHẬT-HẠNH, T.T. GIÁC-NHIÊN, Đ.D. THÔNG-BỬU, Đ.D. Đ
NIÊM, Đ.D. GIÁC-TUẤN, Đ.D. PHÁP-MINH, Đ.D. CHON-Đ
Đ.D. NHƯ-CHÁNH, Đ.D. GIÁC-HẠNH, Sư cô HUYNH-LI
Sư cô DIỆU-TRÍ.

★ QUÝ VỊ LÃNH ĐẠO CÁC TÔN-GIAO

(Nhô-giáo: cụ A-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI, cụ SONG-TH
(Thiên-chùa-giáo: Linh-mục NGUYỄN-NGỌC-LAN - (Thống-th
Nguyên-hội-trưởng PHẠM-VÔ-KY (Học giả) - (Hòa-Hào Ông
Trưởng TRẦN-VĂN-PHÚC) - (Cao-dài Ông MINH-THIÊN (c
hóa hội) - Hòa-dồng Ông LỸ-VĂN-THANH)

★ QUÝ VỊ HỌC GIẢ, GIÁO-SƯ, CHỦ-NHIỆM, KÝ GIẢ VĂN-M THI-SĨ, SINH-VIÊN, HỌC-SINH, NỮ-SĨ, NỮ-SINH

Tam-lịch, Hoàng-trọng-Miền, Nguyễn-dâng-Thúc, Nguyễn-bình-
Vũ-hoàng-Chương, Nguyễn-duy-Hình, Nguyễn-Quang-Thiền-S
Đông-Tùng, Lưu-Nghị, Phong-Sơn, Tru-Vũ, Sơn-Nam, Kiên-Gi
Hà-huy-Hà, Nguyễn-văn-Hàm, Trần-thượng-Hiền, Tăng-thu
Lệnh-hồ-Xung, Người-Thức, Minh-Đương, Đan-quốc-Phùng-dinh-L
L.X. Trần-như-Nguyễn, Kiêm-Minh, Nguyễn-bảo-Tung, Hồng-L
Phạm-côn-Sơn, Phạm-thien-Thu, Hồ-trưởng-A, Vũ-Hoàng, T
nhất-Nguyệt, Thủy-dương-Tử, Hoài-vân, Thiên-Trục-Ty, Ng
cát-Đông, Hoàng-Thảo-Lư, Trình-Chi, Đình-Hoai, Duy-Việt, Ng
văn-Phụng, Hoàng-thoai-Châu, Yên-Hà, Vương-thư-Sang, H
Vũ-Dức, Sao-Biên, Hoàng-vân, Hoàng-hoa-THƯƠNG, Phan
Quang, Hoàng-minh-Phụng, Minh-lành, Nguyễn-V
Lê-nguyên-Hạnh, Cỏ-việt-Tử, Khương-An, Bửu-T
Vũ-Quang, Lê-Quán, Thiên-Mai, Phan-như-Ty, Ng
ngọc-Minh, Lê-vân, Băng-Nguyên, Nguyễn-Hà, Đặng-Giang, Ng
văn-Phụng, Minh-Thể, Nam-Sơn, Băng-Tâm, Mong-Tuyệt, H
Ngọc, Hương-nguyên, Minh-Quân, Phương-Dai, Kiêu-mong
Phượng-Thu, Tôn-nữ-Hy-Khương, Tục-Mai, Phùng-Hoàng, Kim-H
Nữ-Ruê, Tâm-Tấn, Tôn-nữ-Hoàng-Diệp, Trần-thị-Bà, K
Kiêu-Chon, Kim-Chi, Đoàn-trọng-Yên, Thủy-Trang, Vũ-Ng
Huyền-Chon, Quỳnh-nguyên-Thủy, Nhật-Thành, T.V.T. Bình-B
Bình-Minh.

và bạn đọc bốn phương viết cũng như các mục Sen non, Sinh viên
học sinh không thể ghi hết. An-lạc đang đón nhận nhiều cây bút
và tăng cường sẽ gặp độc giả những số sắp đến.

AN-LAC Luân Báo

AN - LẠC Tuần - báo

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT VƯƠN LÊN

Chúc mừng độc giả
một năm

An vui và mãn nguyện

SỰ CẠNH - TÂN TÔN - GIÁO

★ ĐỨC NHUẬN

L.T.S. Dưới đây là bài diễn văn của Thượng Tọa ĐỨC NHUẬN đọc trong ngày Tân Giáo Hoàn Cầu do Hội Đồng Tinh Thân Đạo BAHAI tổ chức tại rạp Thống Nhất Saigon ngày 26-01-1969.

TÔN giáo là nhu cầu vươn lên trường cửu vinh phúc của tâm thức con người. Thiếu tôn giáo, con người sẽ sống trong cảnh tuyệt vọng, cũng đang giữa thực tại đầy khổ lụy của cuộc đời. Bởi vậy mục tiêu của bất cứ một tôn giáo chân chính nào cũng nhằm tới việc giải phóng, giải thoát tâm tư con người, mở lối vươn lên cho con người, ổn định tâm hồn con người, rồi từ sự ổn định đó con người tu sửa tâm tính để cùng nhân loại xây dựng một cuộc sống yên vui tiến bộ.

Tôn giáo do đó là con đường giải thoát của con người, nên tôn giáo đương nhiên phải thường xuyên canh tân để đáp ứng với nhu cầu tâm thức con người. Khi một tôn giáo không luôn luôn canh tân hoặc không có khả năng canh tân, thì hiển nhiên tôn giáo đó khó có thể bền vững lâu dài. Vì rằng trình độ nhận thức của con người luôn luôn tiến bộ, không bao giờ chịu ngưng nghỉ trong những tín nhận cố định. Chứng cứ là cho tới nay, các tôn giáo mang tính cách đa thần đã bị biến dạng trong sinh hoạt tôn giáo của nhân loại.

Xét về các tôn giáo lớn còn sinh hoạt hiện nay trên thế giới ta có thể dễ dàng nhận thấy, chính các tôn giáo đó đã có nhiều sự canh tân lớn lao. Ảnh hưởng của sự canh tân tôn giáo đó đã làm thay đổi mạnh mẽ tới cuộc sống tinh thần cũng như thực tế của nhân loại, đã tạo ra các vùng văn minh xán lạn cho thế giới. Nhưng bất cứ một cuộc canh tân tôn giáo nào cũng dẫn tới tình trạng phân phái nghiêm trọng. Sự phân phái như vậy đã làm suy vi giáo quyền, nhưng mặt khác đã làm cho sinh hoạt tâm thức con người trở nên phong phú, khoáng đạt, tự do.

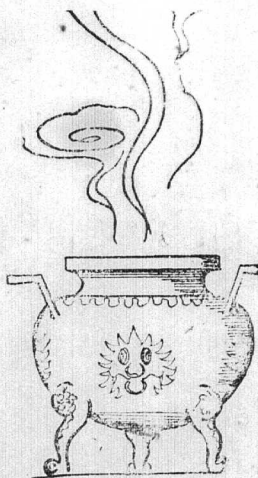
Có thể nói sự canh tân tôn giáo là nhu cầu tiến bộ của tâm thức con người. Mỗi cuộc canh tân là một lần biểu hiện sự đi lên của chính các tôn giáo được canh tân, và cũng là dịp thúc đẩy sự đi lên của tâm thức con người. Dù cho các tôn giáo canh tân đã chịu sự hy sinh, nhưng là sự hy sinh cần thiết, một sự hy sinh phục vụ nhu cầu siêu việt của con người.

Lịch sử tôn giáo của nhân loại đã chứng minh rằng: Tất cả các tôn giáo lớn hiện đang sinh hoạt hôm nay, đều là các tôn giáo đã được canh tân, hoặc là đã phát xuất từ những cuộc cách mệnh tôn giáo lớn lao trong lịch sử. Và từ khi xuất hiện tới nay, trên bản thân các tôn giáo đó cũng đã thường xuyên có sự canh tân để đáp ứng với nhu cầu lịch sử. Trong số các tôn giáo đó hiện có Đạo Phật, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, và gần đây là Đạo Baha'i.

Đạo Phật, là một tôn giáo kết tinh của nền văn hóa Ấn độ, biểu hiện thật đầy đủ nhu cầu giải thoát toàn diện của con người trong vùng văn minh Ấn độ. Đạo Phật xuất hiện như một cuộc cách mệnh tôn giáo của xứ Ấn. Vì Ấn độ cổ xưa cũng đã trải qua các giai đoạn tín nhận đa thần, để rồi tiến lên tín nhận một vị thần Brahma, đáng thượng đế toàn

năng. Nhưng tư tưởng giới Ấn độ không chịu ngưng nghỉ trong sự tín nhận đẳng Phạm thiên duy nhất. Bởi vậy đã phát sinh tư tưởng hoài nghi, rồi từ hoài nghi của phái Upanishad, đã nảy sinh cái học phái Duy tâm, Duy Vật, Duy Linh, và các học thuyết giải thích hầu hết các hiện tượng vào hữu. Chính trong không khí phân tạp phong phú đó, đạo Phật đã hình thành vừa mang tính cách Tổng hợp, vừa đặt cơ sở cho sự giải thoát của con người.

Đạo Phật không nhận tôn giáo mình như một chân lý tuyệt đối. Đạo Phật chỉ nhận mình là con đường giải thoát của con người, con người dùng đạo Phật như một phương tiện trong việc tự chủ giải thoát tâm thức tự thân và giải phóng tâm thức đồng loại. Đạo Phật dùng tất cả lý giải của mình nhằm vào việc giúp con người phá bỏ mọi chấp trước để tâm hồn hoàn toàn thanh thoát sáng suốt rộng mở, không bị gò ép trong bất cứ sự tín nhận nào. Tất cả chúng sinh đều có khả năng tự thân thành Phật. Không có một đức Phật duy nhất. Phật chỉ là một con người đã giác ngộ và tự giải thoát.



Chính vì đạo Phật đặt trên căn bản vô chấp đó, nên đặc tính của đạo Phật là sự cách mạng thường xuyên. Cách mạng hiểu theo nghĩa toàn diện từ nội dung tới hình thức. Tất cả đều nhằm vào việc giải thoát con người và chúng sinh ra khỏi đau khổ phiền muộn. Cũng vì căn bản rộng rãi đó, đạo Phật rất dễ dung hợp với mọi nền văn minh, mọi dân tộc và mọi thời đại. Khi bản thân của đạo đã chỉ là phương tiện để giúp con người Giải thoát, thì tư Giáo lý, Giáo lễ tới Giáo hội cũng chỉ là phương tiện giúp cho sự giải thoát của con người, tất cả sẽ được biểu hiện theo nhu cầu tâm thức của con người, tùy từng địa phương và từng thời đại.

Đấng giáo chủ của đạo Phật do đó thường được xưng tụng là «Thiên nhân sư» tức là thầy của chư thiên và loài người. Ngài là bậc thầy, là người chỉ đạo, là nhà văn hóa hướng dẫn, chứ không phải là nhà thống trị dù là cai trị thiên quốc hay nhân gian, dù là thống trị tinh thần hay thể xác. Vì giáo lý có ghi rõ: Đạo Phật chỉ giúp cho con người tự giác ngộ, chứ không buộc tín đồ phải tin theo bất

cứ một tín điều nào. Với bản chất đó, đạo Phật đã trở thành vô cùng phóng khoáng, tự tại. Tuy có tăng si vượt hình thái sinh hoạt thường nhân, có vị truyền thừa, nhưng giáo quyền không đặt thành văn đề và hành đạo không đặt ở trung ương mà đặt ở đại chúng. Giáo luật tuy rất khắt khe, nhưng thi hành giáo luật là ở đại chúng, và tùy từng môn phái, có những bản sắc riêng. Đại chúng được hiểu là đa số tăng si ở chung một tu viện hoặc một sơn - môn. Nói rộng ra, đối với toàn thể Phật tử, thì ý lực của toàn thể Phật tử có tính cách quyết định giáo hội và thể cách sinh hoạt của đạo Phật.

Chính vì đặc tính trên, đạo Phật đã tùy thời tùy thế, tùy cảnh, trải ra hòa với nếp sống quần chúng, hoặc tự lại thành các thế lực quyết định vận mệnh từng thời đại. Tuy tôn tu, nhưng vẫn không mất tính cách thường tôn vì các tu sĩ vẫn còn đó, vẫn là một thực tại đại biểu cho truyền thống của Phật Tổ, vẫn duy trì địa vị của «ông Thầy» đối với các vua chúa cũng như quần chúng. Tuy được lợi thế, được độc tôn trong các triều đại Ashoka (Ấn độ), Đường (Trung Hoa) Lý (Việt-Nam), nhưng đạo Phật không lợi dụng ưu thế để nắm quyền thống trị, cũng như không dựa vào thế lực thống trị để truyền đạo, và nhất là không để biến thành công cụ cho phe thống trị mờ mịt để quốc.

Đạo Phật, do đó, đối với các nước Á Đông, là đạo chung của mọi lớp người trong xã hội, là đạo của mọi dân tộc, không phân biệt đế quốc hay thuộc quốc. Riêng tại Việt nam, đạo Phật đã hòa vào với bản chất dân tộc như một thực thể bất khả phân. Dân tộc thịnh, đạo Phật thịnh. Dân tộc suy, đạo Phật suy. Chính vì vậy, mà đạo Phật đã trở thành một thế lực cách mệnh, của dân tộc suốt ngàn năm lệ thuộc Trung hoa, đã hội tụ được lòng người mở cửa tu từ và thời nhất cho xứ sở, vào thời Ngô - Đinh.

Sau một trăm năm lệ thuộc Pháp, đạo Phật đã chìm đi cùng với chủ quyền dân tộc. Cho tới ngày gần đây, sau khi bị các thế lực quốc tế chen lấn, đã trôi dạt cùng với dân tộc hủy chế độ độc tài, và quyết tâm theo đuổi công cuộc phục hồi chủ quyền dân tộc. Những thành công, thất bại đều mang một ý nghĩa: Đạo Phật Việt-nam đang là một thực tại cách mệnh của dân tộc.

Cũng vì những điều kiện trên, không riêng gì ở Việt-Nam, mà ở trên toàn thế giới, đạo Phật cũng đang ứng hợp với thời đại, đang đi dần vào tổ chức thống nhất hành động để góp phần kiến tạo an bình cho thế giới.

Nhưng bản chất của đạo Phật và quá trình của lịch sử đã bảo chúng rằng: Đạo Phật, dù có xây dựng được một thế lực ưu thắng, cũng không bao giờ trở thành lớp người thống trị, mà luôn luôn giữ vai trò hướng dẫn của nhà văn hóa. Nên đạo Phật truyền tới đâu lập tức được địa phương hóa tới đó. Sự phân phái của đạo Phật thực sự đã trở thành phần tạp. Từ chia làm hai ngành Thượng-toạ-bộ (Tiểu-thừa) Đại-chúng-bộ (Đại-thừa), rồi từ hai ngành chính đó đã chia ra rất nhiều môn phái nhỏ, để ứng hợp với các pháp môn tu học, tùy theo nhu cầu của những

(xem tiếp trang 20)



(TRANG THƠ CỦA TU SĨ)

Giỏ Xuân

Tôi nhớ quê tôi sông cực nghèo
Lũy tre soi bóng nước trong veo
Quanh năm phẳng lặng dòng sông Mãn
Đùm bọc thân yêu tâm nhiều điều
Quê tôi xa vắng cánh phồn hoa
Sớm tối chuông ngân khắp mọi nhà
Luồng cải vồng rau sanh hoạt thú
Tiếng cười xen lẫn tiếng dân ca
Quê tôi cát bụi nước hồ trong
Gió mát sen thơm dân một lòng
Chập giỗ sum vầy tình nội ngoại
Buồn vui san sẻ đôi nọ chung
Quê tôi khó tá hết tình yêu
Vì vút trời xanh tiếng sáo diều
Bể rộng trời cao tôi thấy nhỏ
Giỏ xuân đầm ấm biết bao nhiêu!

THÍCH-TRÍ-THÙ

Sáng một Chân trời

Thuở ấy đồng quê rộn chiến chinh
Xôn xao mùa loạn dậy đô thành:
Mưa đời thâm lạnh hai tay áo,
Đã rụng ngàn muôn đợt lá xanh.
Buồn đau, vũ trụ âm-thầm khóc
Nghiệp báo trần-gian đã kết thành:
Gió bắc căm căm niềm uất hận
Mưa sầu vương lệ xóa trắng thanh.
Nhân sinh một kiếp tàn bình lửa.
Nào thấy trăng sao cảnh thái bình!
U-âm sương mù trùm núi hân.
Một chiều rướm đỏ sắc mây xanh
★
Người đi lạc-lỡng trong thiên địa
Bỏ ngỡ bàn chân bước chửa đành.
Đất nóng lên hơi mùa sát tận
Một trời nghiêng ngửa cảnh điêu linh.
Rượu đời lạc thú men sáu-hặn
Chẳng thấy nóng say một ý lành.
Bơ vơ quán trọ miền ba cõi
Một màu máu đỏ rợn hồi tanh

★
Hôm nay, khói lửa còn vương loạn
Bình tĩnh người đi giữa gió lạnh
Đã thấy reo trong nguồn huyết mạch
Một niềm vui nhẹ nắng bình minh
Mùa xưa trắng biếc ngàn cây đẹp.
Hương sắc tràn dâng ngập ý tình.
Nhân loại cười vui mừng giải phóng
Đạo vàng tươi rạng nước non xanh.
Một chân trời rộng xa vừa ngó:
Mạch sông Từ-bì đã hiện hình.

NHẤT-HẠNH

Xuân

Đừng nhìn mai trước ngõ
Hãy nhớ mai trong tâm
Mai trong tâm! mai trong tâm!
Khỏi phải kiếm tìm
Loài mai bắt biến
Mùa xuân thể hiện
Bằng một chữ
Chân

★ THÔNG-BỬU

Cỏ Vàng

Tìm vào suối vắng
kiếm nụ hoa vàng
cỏ thơm lòng núi
thu bay vũ sang
vật nằm cỏ tơ
lâm nổi giỏ ngủ
giàu trong bờ hoa
chim khuyên nằm trọ

tìm lá rừng khô
về khâu áo gió
mây xám sang mùa
trên cón cây đỏ
giòng sông cảm ngọc
thả chim trắng sang
cùng cơn mưa bụi
cón rừng trái vắng
Em ngồi em hát
trên chống đá cao
cho hoa nảy hạt
mây cội chiêm bao
ngắt đóa cảm hồng
trên rừng mộc thạch
cải tóc mẹ hiền
một đồng suối biếc
mẹ ngồi khâu áo
thu vàng chung quanh
em ca em hát
trên rừng mộng xanh

TUỆ-HẢI

★

Tin Xuân

hồn xuân rải bướm khắp mười
thương để gọi ngàn hoa ngủ giấc
sương nhàn nhủ cùng hoa ngày đã
mọc sao hương chửa tỏ, nhụy chưa
trường?

GIÁC-HẠNH

Thành - Đạo

Bao kiếp luân hồi lạc lối xưa
Quán quanh ba cõi sắc hương thừa
Hôm nay rực sáng mùa Hoa Đạo
Bền mộng đường mê đã tiền đưa.

Đầy tiếng Như-Lai đã dểm rồi
Cờ hòa phát phối khắp muôn nơi
Nhìn nhau toàn mặt anh em cả
Ôm chặt vòng tay khóc giữa cười

Vang khắp mười phương một tiếng

Thời gian và khắp cả không gian
Ngán lên tiếng nhạc mừng chân lý
Muôn loại reo vui ánh đạo vàng.

PHÁP MINH

Tinh Quê

Phan Rí đó, có ai về Phan Rí?

Cho nhân lời thăm thấy mẹ quê hương

Vì bạn mang sứ mạng tình thương
Nên chưa hẹn về thăm Thanh lương
Phan Rí dưới

Phan Rí, Phan Rang, tổ đình chùa
xưa ngày trước

Thuở ban đầu tôi đứng bước đi
đầy

Những kỷ niệm xa xưa, còn ghi đây
tháng ngày

Mười chín năm qua, hình ảnh nơi
tường khóc bạn đầu quanh quai

Hai mươi mấy năm rồi, mẹ Vie
Nam nghe ngạo giới lệ

Mã đời tôi chưa toại bước tu hành
Nặng sách đèn, sự nghiệp độ sanh

Nên đành phải âm thầm lối hẹn
Quê hương ơi, Thanh lương... sáu tha

phương còn trào dâng
Vị đã bao năm khói lửa tôi bồi

Ráy chân tôi đất tá khắp nơi,
Nguyễn đem tình thương sưởi ấm bầu

trời khô lạnh
Để con trẻ bật tiếng cười trong trời

của ngày xuân dân tộc
Để mọi nhà đoàn tụ mừng Xuân,

Để người thanh niên thời xông pha
bôn dân, núi rừng

Thay tay súng bằng tay viết của
người dân thanh bình lương thiện

Nguyễn Phan Rí, Phan Rang, khắp nơi
sông

— Thôi đừng thêm tang tóc,

— Nhìn nhau khóc tiếc thương.

Để tình quê hương sống động hai
miền.

Cầu cho dân tộc bình yên,

Bắc Nam thông nhất rộng tiền đồ
đạo.

ĐỨC-NIỆM



BA mẹ ngồi trong bóng tối. Chỗ bà đang ngồi là một cái chái nhà lợp tôn của chị đồng Liêu, ở một khu phố của thị xã Đà Nẵng. Cái chái nhà lợp tôn này bà thuê đã từ tám năm nay, điều ấy có nghĩa là từ tám năm nay bà mẹ đã sống trong cái chái nhà này. Và đã từng « đón Xuân » trong cái chái nhà này, mỗi lần Tết đến.

Nếu nói rằng Tết chỉ đến với « người ta » chứ không đến với bà mẹ, đây là một lời nói sáo. Nhưng sự thật là như thế đấy: từ hai mươi ba năm nay, Tết - Xuân - dường như chưa từng đến với bà mẹ lần nào. Mặc dù, ngày tháng đến, bà vẫn chờ đợi nó, với tất cả cái vẻ trang trọng và thành kính của « một người Việt Nam ».

Vậy thì, bây giờ, thêm một lần nữa, bà mẹ lại ngồi bên cái ngưỡng cửa quen thuộc của cái chái nhà lợp tôn để « đón giao thừa ».

Bên cạnh bà, trong chái, cách một bức phân, thằng Bão đã ngủ rồi. Bà mẹ biết thế, và bà « cầu Trời Phật » cho nó ngủ yên giấc, đừng thức dậy giờ này, đừng thức dậy đêm nay.

Trong cái chái nhà của bà, trong đời sống của bà, hiện giờ chỉ còn thằng Bão, đứa con áp út. Nó đã 27 tuổi. Con bà mắc chứng điên. Con bà, thằng Bão, 27 tuổi, và mắc chứng điên.

Vâng, đó là một điều bất hạnh cho bà, nhưng đồng thời, cũng là một điều may mắn đấy? Vì, nếu không, ngay cả thằng Bão nữa, nó cũng không còn ở bên bà. Ngay cả thằng Bão nữa, nó cũng không còn có mặt trong đời sống của bà.

Bởi vì, cũng như những đứa con khác của bà, thằng Bão « sẽ đi xa », nếu nó không mắc chứng điên. Chính nhờ chứng điên mà ngày nay thằng Bão còn ở lại với bà, trong lúc những anh em nó đều đã bị cuộc đời « rút ra khỏi lòng bà mẹ ».

Bà mẹ sống một cuộc đời bần rận trong cơ cực. Một năm mười hai tháng, không lúc nào bà được nghỉ ngơi. Thế nhưng, mỗi lúc có thể nghỉ ngơi được, bà lại « gác tay nằm nghỉ » đến đứa con áp út của bà. Nó như một vết thương ở trong tim trong phổi. Một vết thương đau đớn và quá quái mà mỗi lúc người bệnh vừa ngưng việc làm tay chân, nó lại bắt đầu xuất hiện. Để ray rứt, để dằn vò.

Mỗi lần bà mẹ rảnh rỗi một chút để có thể để trí óc làm việc, những hình ảnh về thằng Bão lại hiện ra trong ký ức bà. Lúc nào, cũng những màn cảnh ấy! Bà mẹ để những hình ảnh ấy lần

lượt hiện ra trong trí, thật cay đắng, thật xót xa. Cái hình ảnh bà nhớ nhất và dường như lúc nào cũng hiện ra trước mắt trong tâm khảm của bà, là hình ảnh thằng Bão, mũm mĩm, sáng láng, ngồi mờ to « đôi mắt bồ câu » để nhìn ông cậu nó dần, để nghe tiếng đàn thánh thót văng ra từ chiếc Tây ban cầm.

Thủa ấy, cách đây đã lâu lắm rồi, hai mươi bốn năm. Gia đình bà mẹ, « nghe theo tiếng gọi quê hương », đã rời xứ Vạn Tượng để về với quê hương. Một chiếc thuyền xuôi sông Cửu long để đưa gia đình bà đến cái chỗ ầu ỹm thương yêu gọi là nơi chôn rau cắt rốn. Chính ở trong khoang thuyền ấy mà thằng Bão, đứa con áp út của bà năm ấy vừa lên ba tuổi, đã ngồi sững bên cậu nó, nghe đàn.

Đã hai mươi bốn năm qua rồi mà lúc nào bà mẹ cũng vẫn còn « nhìn thấy rõ đôi mắt của thằng Bão, gương mặt của thằng Bão trong lúc ngồi nghe đàn ấy. Đôi mắt lớn, tròn đen long lanh, trên một gương mặt trái xoan rang rỡ đang mỉm cười. Ôi! thằng bé hứa hẹn đường nào! Đã bao lần, mặc dù cuộc sống vô cùng cơ cực, gieo neo, bà mẹ đã thầm cảm ơn trời Phật đã ban tặng cho bà một đứa con khôi ngô như thế, đầy thiên phú như thế.

THẾ MÀ, « đứa con hứa hẹn » ấy, giờ đây đã là một « chàng điên ». Bà mẹ làm lúc nghĩ không khỏi có chút lòng oán hận quê hương bà. Vâng, cũng vì cái quê hương mà bà mẹ cũng với « trường phu » của bà đã không ngớt thương mến... mà trăm điều oan khốc đã xảy ra. Trước hết, nó đã cướp mất « trường phu » của bà, một con người khi khôi nhất, hiếu thảo nhất, và... yêu nước nhất. Con người ấy, đã bao năm, nơi đất khách quê người, hằng khóc than cho « tổ quốc », và đã làm tất cả những gì mà ông có thể làm được để cho « tổ quốc được hồi sinh ». Thế mà, cũng do từ cái « chuyển đồ định mệnh » đã đưa gia đình bà mẹ xuôi về quê hương ấy, quê hương đã cướp mất trường phu của bà. Đã cướp tất cả những đứa con trai của bà.

« Cha chúng nó » thì đã bị chặt đầu, đầu bên giữa chợ. Tất cả « năm anh em chúng nó » thì đều bị rút khỏi lòng mẹ, quăng vào trong « biển lửa chiến tranh ».

Bà mẹ đôi mắt đã kèm nhèm, không phân biệt được màu xanh hay sắc đỏ. Bà chỉ biết một điều rất hiện thực - hiện thực như chính trái tim đang đập của bà - là : chúng nó, năm đứa con yêu dấu của bà, đã rời khỏi lòng mẹ mà đi, mỗi đứa một phương, chìm thân trong khói lửa.

« Thằng Cả, chàng biết hiện giờ nó ở đâu ? » Bà mẹ nghĩ đến đứa con đầu lòng, con tim se sắt. Thằng Cả, tính nó khi khôi như bố nó. Chắc

hắn là đời nó sẽ chịu lắm khổ đau. Bà mẹ nghĩ đến thằng Cả, nhớ tới những ngày xưa, những đêm giao thừa... Thủa xa xưa ấy, đã có những lần bà dắt đứa con đầu lòng đi lễ chùa, ngày mồng một Tết - hàng cả yêu chùa, yêu Phật - chẳng biết bà có ở nơi đâu?

Bà mẹ, trong bóng tối của chái hiên, nghĩ ngợi lan man đến những đứa con của bà. Bà nghĩ đến cái bữa mà ngày xưa bà nội đeo cho thằng cả. Chẳng biết thằng cả còn giữ cái bữa ấy trên cổ hay không? Ngày xưa, bà nội đã nói rằng đeo cái bữa ấy thì sẽ được Phật Trời phù hộ... Và thằng Hai nữa, đêm nay nó đón giao thừa ở phương nào! Thế chất nó yếu đuối, biết là có chịu được những cơn giông bão của đời hay chăng?

Bà mẹ, trong đêm giao thừa, ngồi thu hình bên chái, nghĩ đến những « chàng con ». Đứa nào bà cũng thương yêu - rứt ruột để ra, làm sao không thương yêu cho được? - vì vậy, với đứa nào bà cũng nghĩ đến với tất cả quần quai, xót xa. Một đôi vai gầy của bà mẹ, làm sao gánh hết những nhớ thương này?

Bây giờ, trong căn chái hẹp lợp tôn, chỉ còn lại có một thằng con áp út. Nó đang ngủ bên cạnh bà đây, cách tám p e này. Bà mẹ nghĩ lần thần không biết giờ đây những cái gì đang diễn ra trong giấc ngủ của nó?

Phải, ban ngày thì thằng Bão « đã điên rồi ». Nó không còn tỉnh trí như người thường, nó không phân biệt gì nữa hết. Suốt ngày, nó ngồi lẩn thẩn. Nó hát nghêu ngao. Nó cười với thỉnh không, cười với bóng chim, bóng lá. Độ này, dường như thật là nguy hiểm, đây cơn bầy, đây chết chóc. Thỉnh thoảng thằng Bão lại sống ra đường, đi lang thang, may mà chưa lần nào bị xe cán, bị súng bắn. Vì những điều ấy rất có thể xảy ra. Bà mẹ nghĩ, có lẽ Ông Trên phủ hộ.

Vâng, có lẽ Ông Trên phủ hộ cho con bà thực. Ở đây, trong chái nhà này, trong căn hoang lương này, bà mẹ sống rất gần, thật là gần với Trời Phật, với những « vị linh thiêng ». Chẳng nói gì, những buổi lễ « đồng của chị đồng Liêu cũng đã có những « vị linh thiêng » xuất hiện, hàng này, những vị ấy ấy luôn luôn tỏ ra lưu tâm đến mẹ con bà, không ngừng hỏi han an ủi? Chính « những vị ấy » đã nói cho bà mẹ biết « tại làm sao » thằng Bão bị điên. Theo họ, đây là vị tiền oan nghiệp chướng? Bà mẹ chẳng hiểu tiền oan nghiệp chướng cái gì; nhưng đây là tất cả những « vị linh thiêng », và bà mẹ cúi đầu chấp tay vái A-di đã Phật.

Nhưng, điều quan trọng đối với bà mẹ là con bà, đứa con yêu dấu của bà đã mắc chứng điên. Nghĩa là, nó không thể tự nuôi sống được mình. Nó không có tương lai. Nghĩa là, thật cay đắng nhất trên đời, nó, thằng Bão, con bà, đã không còn biết mẹ. Không phải vì nó cố tình quên mẹ, không phải thế; nó không còn biết mẹ, chỉ vì nó điên.

Thứ hồi trên đời này còn có nỗi đau khổ nào xé ruột bằng nỗi đau khổ của một bà mẹ có đứa con điên. Bà mẹ sẽ ở gần bên con, nhưng đứa con sẽ không bao giờ nhận biết mẹ mình. Bà mẹ sẽ ôm con để trao trút tất cả tình thương của lòng, và đứa con sẽ không nhận biết gì về tình yêu thương ấy. Có con bên cạnh, mà như xa cách nghìn trùng. Xa cách nghìn trùng, còn mong khi gặp mặt. Còn thù xa cách này... e đến chết cũng thế mà thôi.

Bà nghĩ đến thằng Bão, đang ngủ cách bà một bức phân, và bỗng dừng nghe tâm hồn nặng trĩu với cái ý nghĩ là hai mẹ con đang xa cách nhau nghìn trùng. Đã mười mấy năm trường, bà mẹ sống trong tình trạng đau đớn ấy: gần đứa con

yeu dấu, mà vẫn như xưa. Gần đây mà hàng ngày thấy nó không nhận ra mình, để mà thấy nó mỗi lúc một chìm sâu trong "vực thẳm vô tri..." "Đề mà thấy nó tàn tan mà đại..." "Đề mà thấy đôi mắt bồ câu trong sáng như chứa cả trời châu ngọc..." mỗi ngày mỗi lặn dần - đôi mắt của một "thằng điên..." "Đề mà thấy cái gương mặt trái xoan thanh tú nhất mỗi ngày một "teo bẽ ngang lại", riết rồi thành một "quả táo khô..." Không, không phải quả táo khô đâu... Thành gương mặt của một thằng điên, một đúng...

Hai mươi năm rồi... thằng Bào mang bệnh đã hai mươi năm rồi... Sao mà lâu thế nhỉ? Mà cũng chóng thật: mới đây mà đã hai mươi năm. Từ ngày «trượng phu» bà chết đi, bà đã sống cuộc đời vất vả — trời ơi! Chỉ có hai chữ «vất vả» thôi sao? — để nuôi con... Sáu đứa con của bà... Giờ đây, tuần tự, năm đứa đã «rời lòng mẹ...» Cuộc đời tàn nhẫn — chỉ hai chữ tàn nhẫn thôi sao? — đã «rút» chúng nó khỏi bà, ném vào trong biển lửa, trong những tiếng tố tề thật là buồn mà hồi nhỏ bà đã nghe khi bà đi ngang qua đồn «linh thất», cái đồn «linh thất» ở ngoài huyện, cách làng bà ở ba cây số ngàn...

Cuộc đời tàn nhẫn cướp hết năm đũa con lành mạnh của bà, chỉ để lại cho bà tháng Bão. Ủ — bà mẹ nghĩ — nhưng tại sao nó lại đến? Bà lang thang nghĩ đến cái đoạn trường trong mấy mươi năm phải lo chạy chữa thuốc thang cho « tháng con áp út... ». Bà cũng lo nhiều đũa chết trên sức của bà nhiều. Bà lang thang nghĩ đến những lần đem con chữa bệnh nơi ông Ngự Hải. Ông Ngự Hải là ngự y của nhà vua. Ông hót thuốc (Bắc) hay có thời ở trong vùng. Bệnh nào tới ông mà không khỏi.

Bệnh nào mà không khỏi, trừ ra bệnh của
thằng Bão, con bà. Ông Ngự kê toa cho nó mấy
chục thang thuốc rồi, ông bảo: bệnh này là bệnh
điên, "thầy họ trường xưa" khó mà lành được.
Thôi bà đừng lo cho cháu nữa, tốn tiền thêm...
Bà mẹ không nán lại, lại cho thằng Bão đi "đọc
tây". Đốc tờ Tây chữa/cũng không lành. Họ
nói con bà bị bệnh thần kinh (có vài sợi giây
thần kinh bị lệch chi chi đấy) và họ chữa mãi
cũng không lành.

Rồi bà mẹ cho thằng Bảo đi uống thuốc Nam. Rồi bà mẹ cho thằng Bảo đi coi đồng bóng. Mỗi người nói một cách, chẳng biết đâu mà rờ'

Mỗi đây, văn hóa Mỹ thịnh hành, bà mẹ lại đem thúng Bão đi đóc tờ Mỹ. Đóc tờ Mỹ "sôi hình chiếu điện". Ông bảo rằng, con bà, thăng Bão, không phải bệnh thần kinh. Ông bảo trong đời không có bệnh gì gọi là bệnh thần kinh cả. Bà mẹ kinh hãi, hỏi vì sao không bị bệnh thần kinh mà lại mất trí, điên khùng? Thì ông Đóc tờ Mỹ cho bà mẹ biết là "con bà bị bệnh mạch lưu". Mạch lưu trong đầu, mạch lưu trong óc. À, ông đóc tờ Mỹ tả, có một cái màng mù bao quanh bộ óc... Vì vậy nên cháu nó thường hay ngã trong đầu (điều này thì bà mẹ thấy đúng, chẳng là, thăng Bão luôn luôn đưa hai tay lên gối đầu)... Nguyễn luân đây là ý cháu nó học trên đầu, hồi nhỏ... rồi vết thương khép miệng bên ngoài nhưng mù ăn lương trong óc, gọi là mạch lưu...

Tiết lộ của ông đốc tờ làm bà mẹ xúc động tới run rẩy cả người, đôi xanh cả mặt. Đôi môi khô héo của bà bậm lại, và tuy không khóc nước mắt mà lặng lẽ chảy tuôn trên đôi má răn rọc của bà. A, thì ra con bà bị mạch lươn. Một lớp mù bao quanh trong ốc bao quanh trong ốc... Bà mẹ nghe trong đầu ngửa ngáy... Bà tưởng như một lớp mù đang bao quanh trong ốc bà, những con "sâu ghê" đang ăn luồn trong ốc bà... Trời ơi, thằng bé đã bị như thế, từ hai mươi năm nay... A. tưởng Bào không điên, bà làm bà. Thằng Bào không điên...

THẾ MÀ, mình lại ngờ là «thằng Bảo» điên.
Ông Ngự Hải đã nói thế, nhưng ông đốc tờ Tây

đã nói thế... những người bà con trong gia đình
đã nói thế... Mỗi người giải thích một cách
khác, nhưng ai cũng nói thế... Và bây giờ, ông
Đốc tờ Mỹ lại nói rằng con bà bị chứng mạch lươn....

Nhưng ông ta nói thế, bà mẹ thương tâm vô cùng. Nhưng trong mỗi thương tâm ấy cũng có xem lẫn nỗi vui mừng và mãn hy vọng... Phải rồi, thằng Bảo bị mạch lươn óc... Không có cái bệnh gì gọi là bệnh thần kinh cả... Nhưng con bà có thể chữa lành hay không? Đó mới là điều quan trọng.

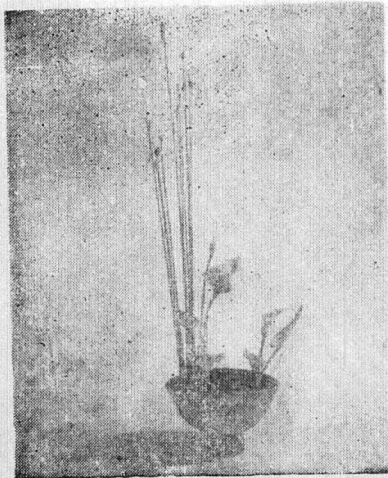
Bà mẹ lên tiếng khẩn nài : «Xin ông Đốc cứu con tôi.»

Ông Đốc tờ Mỹ mỉm cười hiền hậu, thông cảm nỗi đau khổ của bà mẹ. Nhưng ông nói: «Có thể chữa được. Bằng cách rút hết mủ ra, nhưng phải đem ra ngoại quốc»...

Và, thấy thất vọng của bà mẹ, ông nói thêm: «Hay ít ra phải đợi thời bình...»

Bà mẹ không hiểu sao phải đợi thời bình. Có lẽ là vì lúc này là lúc chiến tranh, người ta không có đủ thì giờ, đủ máy móc để lo cho bà được...

Bà mẹ ngồi trong bóng tối, nghĩ miên man. Bà nghĩ đến quá khứ, đến cuộc đời của bà, đến các con của bà.



Bà nghĩ đến thằng Bào. Bà nghĩ đến lời nói của « Ông Đốc tờ ». Ừ, bao giờ nhỉ ? bao giờ thì có hòa bình ? Để cho thằng Cà, thằng Hai, thằng Ba, thằng Tư, thằng Sáu trở về sum họp dưới mái tôn này. Để cho thằng Bào được chữa lành bệnh mạnh luôn.

Đêm Giao Thừa năm nay sao mà im lặng quá, sao mà hoang lương quá. Không một tiếng pháo nổ, không một tiếng trẻ cười. Lũ trẻ trong xóm giờ này trốn đi đâu, Tự nhiên, ba mẹ nghĩ nghe tiếng trẻ. Bà nghĩ rằng tiếng trẻ thơ sẽ làm vui ẩm cuộc đời.

Trong bóng tối mênh mang, dưới mái hiên tôn, giữa khu vườn vắng, chỉ có một mình bà mẹ. Vội trên trời, những vì sao.

Bà mẹ ngược mắt ngó những vì sao,
nguyên cầu.

Chợt, một cánh sao băng hiện ra trước mắt bà. Một tí tít mà thôi, rồi biến mất. Bà mẹ nghe chới với tâm tư, như vừa đánh rơi của báu. Trời ơi, bà mẹ chưa kịp... Cánh sao băng hiện ra nhanh quá, thoáng cái đã tan đi bà mẹ chưa kịp **NÓI LÊN** cái tên

nguyện cầu mà từ hai mươi ba nay bà ấp ủ.

Thửa nhỏ, bà mẹ đã được nghe "người lớn" nói rằng: "hễ ai gặp sao băng trong đêm Giao Thửa mà kịp nói lên một điều may ước thành lời thì điều may ước ấy sẽ thành sự thật". Bà mẹ nhớ lời nói ấy, và từ hai mươi ba năm nay, bà đã đợi một cánh sao băng. Từ hai mươi ba năm nay, cứ một lần đêm Giao Thửa đến, bà mẹ lại thức ngồi đợi một cánh sao băng để nói lên điều bà mẹ ước... Và bây giờ cánh sao băng ấy đã hiện ra, THẾ MÀ BÀ ĐÃ KHÔNG KIỆP NÓI LÊN ĐIỀU MAY ƯỚC ẦY THÀNH LỜI.

Hỏi có còn nỗi thất vọng nào lớn hơn
chăng ?

Câu ước mơ bà mẹ muốn thốt ra, mà bà mẹ thuộc nằm lòng, gồm nam chữ... Thế nhưng, bà chỉ mới thốt được có hai! Vừa thì nhìn thấy cánh sao băng, bà vừa kịp nói lên: «Tôi ước có...» thì sao băng đã biến mất. Nào đến ở phương Tây và biển ở phương Đông, màu đen nổi bà chỉ mới kịp thốt ra ba tiếng... Con hai tiếng, nữa, hai tiếng mà từ «một phần tư thế kỷ», bà mẹ vẫn luôn luôn nâng niu ôm ấp trong lòng...

Thảm nảo, bà gục đầu lên cánh tay, đôi vai gầy run lên theo nhịp khóc.

N H U N G bà tổng quát mình
nín khóc. Có tiếng đáp như đi đến bên
bà. Và tiếng hỏi dịu dàng cũng đồng điệu:
" — Mẹ, sao mẹ khóc ? "

Chị đồng Liễu, chủ nhà tư lư vẫn coi bà như mẹ. Chị cũng đã từng sống cuộc đời mồ côi mồ cút mà chị hiểu nghĩa chữ cô đơn. Chị thương bà mẹ như mẹ ruột của mình và thường sang chăm nom, thăm hỏi:

— Mẹ, sao mẹ khóc? Chị dòng Liễu không thấy bà mẹ trả lời nên lập lại câu hỏi. Bà mẹ ngừng lên, và qua ánh sáng của ngọn đèn dầu cầm trên tay chị dòng Liễu, bà nhìn thấy gương mặt chị tươi sáng, ân cần. Không giữ được tâm sự trong lòng, bà mẹ bèn kể lại... Về điều mà của mình về cảnh sao băng. Về nỗi thất vọng của mình vì không hiểu nói được nên lời điều mà từ hơn hai mươi năm bà ước...

Nhưng, nghe mẹ kể xong, chị đồng Liễu ngồi xuống, cầm tay mẹ. Giọng chị dịu dàng :

— Thôi, mẹ đừng khóc nữa. Vì đâu mẹ ước của mẹ sẽ thành. Mẹ chưa rõ đây? Điều mẹ ước có cần phải được nói lên thành lời đâu? Miễn là trong khi mắt mẹ nhìn thấy sao băng, trong lòng mẹ cũng đang nói lên điều mẹ ước ấy... một cách chân thành... Chỉ từng ấy, là Phật Trời sẽ chứng minh cho mẹ... dễ mẹ được như ý...

Và, mỉm cười, chị tiếp:

— Vội lại, điều mơ ước của mẹ, cũng đang là điều mơ ước của tất cả mọi người Việt Nam. Khi mà trên giải đất này, tất cả mọi người đều cùng chung một niềm mơ ước... thì làm sao niềm mơ ước ấy lại không thành tựu được?

Cần chi phải nói ra lời?

TRU-VŨ

Truyện ngắn

TÌNH TRĂNG NƯỚC

(SUIGETSU)

Tác giả : KAWABATA YASUNARI
được giải thưởng văn chương Nobel 1968,
Dịch giả : HUỲNH-KHÔNG

TIỂU-SỬ TÁC-GIẢ : Kawabata Yasunari
Tiên-Sinh sinh vào ngày 11.6.1899. Thân phụ
mất lúc lên 3 tuổi; thân mẫu qua đời lúc lên
4 tuổi. Lxc 16 tuổi (1914), Tiên sinh đã viết
tập Nhật ký 16 tuổi, làm cho mọi người chú
ý từ đây. Tiên sinh có rất nhiều tác phẩm,
trong số 3 tác phẩm sau đây được dân chúng
Nhật-Bản ưa thích, thứ nhất là cuốn Yuki Kuni,
thứ nhì là cuốn Izu no Odori và cuốn thứ ba
là Koto. Nhưng ba tác phẩm được đưa ra Hàn-
Lâm-Viện Thụy-Điền để so sánh là Yuki Kuni,
Senbazuru và Koto. Cuốn được chấm giải thưởng
văn chương Nobel 1968 là cuốn Yuki Kuni.

Tác giả hiện là Giáo sư Đại Học Sizuoka
và câu chuyện ngắn **TÌNH TRĂNG NƯỚC**
được dịch đăng dưới đây xem như giới thiệu
một thiên tài Nhật-Bản, một nghệ sĩ quốc tế
đến với độc giả Việt Nam của chúng tôi - ,
truyện san « Văn nghệ Xuân thu » số ra tháng 11
năm 1953, lúc tác giả 55 tuổi, Hiện nay tác giả
trên 70 tuổi. L.T.S.

GIỚI THIỆU DỊCH GIẢ

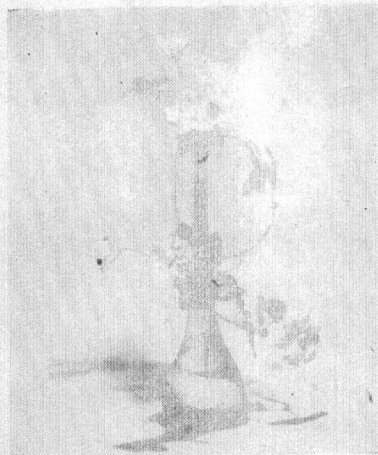
Dịch giả câu chuyện này là Thượng Tọa
Thích-Mãn-Giác, có bút hiệu là Huỳnh-Không.
Dịch giả (đã đi du học Nhật-Bản và đã: TỐT
NGHIỆP LỚP TIẾN-SĨ VĂN-CHƯƠNG tại
Viện Đại Học Toyo ở Đông Kinh, Hiện giáo
sư dạy Triết Ấn-Độ tại Đại Học Văn Khoa
Saigon, dạy Triết Học Đông Phương ở Đại Học
Văn Khoa Huế, và giữ chức vụ Khoa Trưởng
Phân Khoa Phật Học và Triết Học Đông
Phương của Viện Đại Học Vạn Hạnh từ cuối
năm 1965 cho đến nay. Dịch giả cũng đã từng
làm thơ và viết báo trong nhiều năm qua.

MỘT hôm, trên tầng lầu thứ hai, Kinh-
Tứ để chồng nhìn từ giường đến vườn rau của
nàng qua sự phản chiếu gương tay của mình.
Đối với người bị tù túng quá lâu, hôm nay
« chỉ từng này thôi » cũng đủ thấy đây là một
sinh hoạt mới vừa hé mở. Gương tay là một
phần trong đồ nữ trang của Kinh-Tứ. Giá gương
không to lắm. Nó làm bằng gỗ dâu, như
thứ cây của chính khung gương vậy. Cái gương
tay này hãy còn làm cho nàng nhớ lại và e
thẹn trong những năm đầu chiếu chấn khi nhìn
tóc gãy trong gương đứng, tay áo nàng tuột
xuống và phơi trần một khuỷu tay.

Khi nàng từ phòng tắm ra, chồng nàng
như thích thú nhìn trong gương tay cái gáy của
nàng từ muôn ngàn khía cạnh. Lấy gương của Kinh-
Tứ, chàng thường nói: « Gớm em vụng về làm
sao! Thôi, đưa anh cầm cho. » Có lẽ chàng tìm
thấy điều gì mới mẻ trong gương. Không phải
là Kinh-Tứ vụng, mà chỉ vì hơi khó chịu khi
thấy mình bị nhìn trộm từ phía sau.

Màn thời gian chưa đủ làm cho khung gỗ
dầu của giá gương biến sắc. Nó nằm trong một
ngăn kéo. Chiến tranh ào tới, tiếp theo là sự
lấn nạn khỏi thành phố và chồng nàng bỗng làm
bệnh nặng; lần đầu khi Kinh-Tứ để chồng
cúi vườn rau trong gương, mặt gương đã mờ
và đường viền đã bị hoen với những phấn thoa

mặt và bụi bặm. Nhờ nó vẫn còn soi được,
Kinh-Tứ không để ý gì đến sự mờ này - thật
ra nàng cũng chẳng thấy nữa. Chồng nàng cũng
không chịu để gương rời khỏi giường và lau
gương bóng cùng với khung của nó trong những
lúc nhàn rỗi với vẻ bồn chồn đặc biệt của một
phế nhân. Kinh-Tứ đôi khi tưởng tượng rằng
vi trùng o đã xâm nhập vào những lỗ hổng li
ti của cái khung. Sau khi nàng chải tóc chồng



với chút dầu xuân du (tsubaki abura), chàng có
lắc vuốt lông bàn tay lên tóc và rồi lau cạo cái
gương. Gỗ của giá gương vẫn xịn, nhưng gỗ
của gương thì trở nên láng bóng.

Khi Kinh-Tứ tái giá, nàng vẫn đem theo
cái giá gương cũ đó. Chỉ gương tay thì đã
được đốt trong cái hòm của người chồng qua
đời. Bây giờ một gương tay với hình chạm đã
được thay thế vào. Nàng không bao giờ nói chuyện
với người chồng sau về sự việc này.

Theo tục lệ, tay của người chồng quá cố được
chấp lại với những ngón đan lỵ nhau, để tay
không thể cầm lấy gương sau khi anh ta được
nhập quan. Nàng để gương lên ngực chàng.

« Ngực anh làm anh khổ vậy. Chỉ từng này
thời cũng đủ nặng cho anh. »

Kinh-Tứ kéo gương xuống bụng chàng. Vì
nàng nghĩ đến vai trò quan trọng của gương
trong sinh hoạt chiếu chấn, Kinh-Tứ thoát đầu đặt
gương lên ngực chàng. Nàng muốn giữ kín tác động
nhỏ này càng nhiều càng tốt, tránh khỏi những
con mắt của gia đình chồng nàng. Nàng đã chắt
cúc trắng lên trên gương. Không ai để ý đến
việc này. Khi tro được thâu nhặt sau lễ hỏa
táng, người ta nhận thấy gương đã cháy thành
một khối vô dạng, nửa như bồ hồng nửa vàng vang.

Có người nói: « Đây là thủy tinh nhĩ! Thế
là gì, tôi tự hỏi? » Nàng cũng đã đặt một gương
nhỏ hơn trong cái gương tay. Đó là thứ
gương thường có trong một vi diêm trang - một
gương dài, hẹp, hai mặt. Kinh-Tứ đã mơ ước
dùng nó trong chuyến tân hôn lữ hành. Chiến

tranh làm họ không đi hưởng tuần trăng mật
được. Trong sinh thời của chồng, nàng chẳng
bao giờ dùng được gương ấy trong một chuyến
du ngoạn.

Với người chồng thứ hai, nàng lại có đi
hưởng tuần trăng mật. Vì vi trang diêm đã của
nàng bây giờ rất mỏng, nàng mua chiếc mới, coi
một gương soi trong đó nữa.

Ngày ngày đầu của cuộc tân hôn lữ hành,
anh chồng năm Kinh-Tứ và nói: « Em như một
thiếu nữ. Tội nghiệp! » Giọng chàng không có
gì là mai mỉa cả. Lại còn có bề gọi niềm vui
bất chợt. Có thể là chàng ta thích Kinh-Tứ giống
như một thiếu nữ. Với nhận xét này, Kinh-
Tứ bị đẩy vào bởi một tru phiên mạnh mẽ. Mặt
nàng đỏ ửng và nàng ngượng ra. Chàng lại cho đó
là một thiếu nữ tình nua.

Kinh-Tứ không hiểu nàng đã khóc cho chính
mình hay khóc cho người chồng quá cố. Nhưng
cũng không thể hiểu được nữa. Khi cô ý nghĩ
này, nàng rất ái ngại cho anh chồng thứ nhất và
nghĩ rằng nàng phải dùng điệu một chút.

« Không lý lại nhầm chàng! Em đã khóc
vậy sao? » Một nỗi vầy mà nàng cảm thấy thật
về, và sự e thẹn ào tới. Anh chàng coi bề tình
nguyên và nói: « Em chưa bao giờ có con. »
Nhận xét của chàng qua tim nàng. Trước đây
lực lượng nam nhi không phải lực lượng của
người chồng quá cố, Kinh-Tứ cảm thấy bị lép
nhệch. Nàng đang bị chế nhạo.

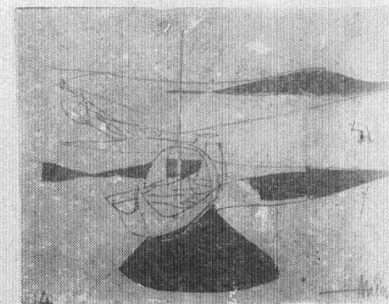
« Dẫu sao, chàng chỉ coi như phải trông nom
đứa trẻ hoài vậy. » Nàng chỉ nói có bấy nhiêu
để phản kháng lại. Làm như chồng đầu của nàng
đã là một đứa trẻ trong người nàng - anh đã
đã khuất núi sau một cơn bệnh hoạn dài. Nhưng
nếu gì thì gì chẳng nữa, chàng ta cũng đã chết
rồi, thì nàng chạy tính làm gì?

« Anh mới được nửa thành phố Mori qua
cửa sổ tàu hỏa mà thôi. Anh chàng thứ hai học
nàng vào lòng mình, khi nói đến tên tình tự của
nàng. « Cứ như nghe tên, thì dường như là một
tình đẹp trong những cảnh rừng. Em ở đó được
bao lâu? »

« Cho đến khi em tới nghiệp Nữ Tòng. »
Rồi em bị điều động làm việc trong một xưởng
chế tạo quân nhu ở Sanjo. »

« Vậy Sanjo gần há? Anh nghe nói rất nhiều
gái đẹp Sanjo. Thảo nào mà em đẹp quá thế. »

« Không, em đâu có đẹp. » Kinh-Tứ đưa tay
lên cổ.



« Tay em đẹp, và anh cho là thân hình em
cũng đẹp nữa. »

« Không đâu. »

Thấy tay mình đó, Kinh-Tứ lảng lạng kéo
tay vào.

"Cho dầu nếu em đã có một con rồi, anh cũng vẫn lấy em như thường. Anh có thể nhận đứa nhỏ làm con nuôi và trông nom nó như con ruột. Con gái thì càng tốt, chàng thì thầm vào tai Kinh-Tử. Có lẽ vì chàng đã có một đứa con trai rồi, nhưng nhìn xét của chàng ngay nếu là một hình trên trần đời thì ai cũng có vẻ kỳ. Có lẽ chàng chỉ hướng tâm trạng mặt đời đến mười lăm tuổi để mang thời sơn phủ đối diện với đứa con trai vợ trước."

Chàng rằng có một bộ đồ rửa mặt để du lịch, nhưng đứng trong bếp làm bằng da tốt thượng đẳng. Đồ dùng của Kinh-Tử không thể bị vết bọc da có được. Bọc da của chàng và chắc, nhưng không mới. Có lẽ chàng thường đi du lịch hoặc vì chàng giữ gìn cẩn thận, làm cho bọc da có một nước gương bóng lộn. Kinh-Tử nghĩ đến cái bọc da cũ, chàng bảo giờ dùng mà nàng để mặc. Chỉ có cái gương nhỏ của cô là chàng đưa nàng dùng và nàng đã bỏ nó vào cùng với chiếc lược xinh biệt. Gương nhỏ đã dính lên vào gương tay, thành ra chàng sợ người Kinh-Tử có thể báo là trước kia hai cái gương rồi nhau. Vì Kinh-Tử không nghĩ cái gương kỳ quái là những cái gương, họ hàng nhà nhà thì ai biết được.

Kinh-Tử cảm như cái thế giới muốn mặt trong hai cái gương đã tiêu tan trong lửa. Nàng cảm thấy cũng như mặt nước đó khi thì hai chàng nàng bị dìm ra trôi. Kinh-Tử chiều vườn rau là lần đầu vào cái gương tay cũng với gương. Chàng nàng lúc này đang ở trong góc cạnh gối nhích. Ngay vì chiếc gương tay dường như quá nặng đối với phe nhân, và Kinh-Tử, ngại cho tay và vai chàng, đã cho chàng một cái gương nhẹ và nhỏ hơn.

Cho đến trong đó, không phải chỉ nhìn vườn rau của Kinh-Tử mà chàng nàng đã ngo qua hai chiếc gương. Chàng đã nhìn trời, mây, tuyết, núi, đang xa xa như trong cánh cửa ở gần. Chàng đã nhìn mặt trăng. Chàng đã nhìn hoa rừng, và những cánh trái đỏ bay trong quang cảnh. Những đốm ánh sáng xuống đường trong gương và từ chỗ nó đưa trong vườn.

Kinh-Tử ngại, nhưng về thế giới phong phú trong gương nhỏ. Một cái gương lúc đó có thể như một cái đèn trang, một gương tay thì dùng để soi gương, đã tạo cho phe nhân một cuộc đời mới. Kinh-Tử dường như cạnh gương nhỏ, và nói chuyện về thế giới trong gương. Cả hai đều cùng nhìn vào gương. Với thời gian, Kinh-Tử dần thông thạo biết được thế giới trước và thế giới trong gương. Hai thế giới riêng rẽ đã dần dần hòa nhập. Một thế giới mới được mở trong gương và nó dần dần như giống thế giới thật bên ngoài.

"Trời long lanh như bạc trong gương", Kinh-Tử nói. Nhìn lên qua cửa sổ, nàng tiếp: "Khi chính trời hazy xám. Trời trong gương không có nắng như chỉ như trời thật. Nó long lanh đẹp tuyệt trần."

"Có phải tại anh lúc nào cũng lau gương lờ mờ không?"

Mặc dầu chàng năm, chàng nàng có thể nhìn trời bằng cách quay đầu.

Ừ thì, nó một màu xám buồn. Nhưng màu trời không nhất thiết cùng một thứ với khayên-rhân và trước nhân như nhân nhân đã ghi nhận. Em đã thấy bảo màu nào nhìn được màu thật.

"Cái mình nhìn trong gương — là cái mà mắt gương nhìn..."

Kinh-Tử muốn gọi cái đó là mắt của khối tinh thể người. Cây trong gương xanh hơn cây thật và hoa li ti một màu trắng hơn.

"Đây là dấu của ngón cái em, Kinh-Tử. Ngón cái mặt của em."

Chàng chỉ vào thành gương. Kinh-Tử có phần sợ hãi. Nàng thở vào gương và xóa dấu ngón tay.

"Thời, được rồi, Kinh-Tử. Dấu tay em in

lên trên gương khi lần đầu em chỉ cho anh vườn rau."

"Em không để ý thấy." "Em đã không để ý tới. Nhờ gương này anh thuộc nằm lòng những dấu ngón tay cái và ngón tay trỏ của em. Chỉ có một phe nhân mới có thể thuộc lòng những dấu tay của vợ mình."

Sau ngày hoa chúc, chàng nàng gần như chẳng làm gì được mà chỉ nằm liệt giường. Chàng không đi đánh giặc. Khi chiến tranh gần kết liễu, chàng đã bị đồng viên, nhưng chàng bị đau sau nhiều ngày lao công ở một phi trường và trở về nhà khi chiến tranh chấm dứt. Vì chàng không đi được, Kinh-Tử cùng với anh chàng đi đến chàng. Sau khi chàng bị đồng viên, chàng về ở với song thân của nàng. Họ rời thành phố để tránh bom đạn. Đồ đạc trong nhà đã được dọn đi khi đó. Ngôi nhà họ sống cho đến động phòng đã bị cháy rụi, họ muốn một phòng trong nhà một người bạn của Kinh-Tử. Từ đây, chàng nàng chuyển đến sở làm của chàng. Một tháng trong nhà trắng mặt và hai tháng ở nhà người bạn — đó là tất cả thời gian Kinh-Tử đã đi qua cùng chàng trước khi chàng bị đau.

Rồi được quyết định rằng chàng nàng sẽ thuê một căn nhà nhỏ ở cao nguyên và đường bệnh ở đó. Có những người bị nạn từ tính thành, nhưng họ đã quay lại Đông-Kinh sau khi chiến tranh kết thúc. Kinh-Tử trồng non, vườn rau của họ. Vườn chỉ để ba bốn thước vuông một khoảng trống trong đám cỏ dại. Họ có thể mua rau để dùng, nhưng Kinh-Tử làm việc vườn. Nàng trở nên thích thú những rau do chính nàng trồng. Không phải nàng muốn xa chàng đâu, nhưng những thứ như khâu và đan làm nàng buồn. Vì rằng nàng luôn luôn nghĩ tới chàng, nàng có hy vọng sáng lạn hơn khi nàng ra ngoài vườn. Ở đó, nàng có thể dùng đường tình yêu chống mình. Về dọc, nàng chỉ có thể đọc to tiếng ở bên giường chàng. Rồi Kinh-Tử nghĩ rằng làm vườn thì có thể lấy lại cái phần mất mát khi phải chăm nom lâu và mệt mỏi.

Vào giữa tháng chín thì họ dọn nhà lên miền cao nguyên. Khích nghĩ mắt đã hầu hết rời khỏi và những trận mưa đầu thu đến một thời gian dài, lạnh lẽo, và ẩm ướt.

Trước một buổi chiều, ánh nắng ló hiện giữa tiếng hát trong trẻo của một con chim. Khi nàng ra bước vào vườn, nàng thấy rau xanh lúp lụp. Nàng nhìn những mây hồng trên các đỉnh núi mà lòng ngáy ngất. Nàng giật mình vì thoáng nghe tiếng chàng gọi mình, nàng nghĩ lên lên, tay còn dính cả đất cát và thấy chàng thì thở nhọc.

"Anh gọi hết hơi. Em có nghe thấy đến không?"

"Xin lỗi anh! Em chẳng nghe thấy gì cả."

"Đừng làm vườn nữa! Chúng năm ngày nữa sẽ chết nếu anh cứ phải gọi em như vậy. Nhất là anh chẳng nhìn thấy em ở đâu và em làm gì."

"Lúc này em ở trong vườn rau. Thế nhưng, vắng lời anh em sẽ thôi."

Chàng ta yên trí em hơn.

"Em có nghe thấy tiếng chim sáo?"

Chỉ từng ấy thôi. Đó là tất cả đều chàng muốn nói với nàng. Con sáo lại hót trong rừng gần đầu dãy núi. Rừng sáng hẳn lên trong ánh tà dương. Rồi Kinh-Tử lắng nghe tiếng sáo hót.

"Một cái chuông giúp anh được không? Nên dùng cái gì có thể ném được cho đến khi em kiếm một cái chuông cho anh?"

"Anh có thể thấy một cái chén từ lâu hai được không? Thề lại dám ra vui nhì."

Rồi được đàn xếp rằng Kinh-Tử có thể



KAWADATA YASUNARI

tiếp tục làm vườn, nhưng sau khi anh đã đến thể nhà đông đúc, gay gắt trên núi Kinh-Tử mới tính chuyện cho chàng xem vườn trong gương.

Chỉ cái gương mới có thể mang lại cho chàng người tốt và tin như một thế giới mặt dù của rau tươi. Chàng không được nhìn những sâu bọ vô minh nhất ra khỏi rau. Có nàng phải lên lên hai cho chàng coi. Ở đây, anh cũng nhìn được đụn đất. Chàng thường nói vậy khi chàng coi nàng đào sâu vào đất.

Khi nàng chĩa vào căn nhà, Kinh-Tử đôi khi nhận thấy một ánh sáng và ngừng lên lâu lâu, thấy chàng đang chiếu nàng trong gương. Chàng từ từ khám phá rằng Kinh-Tử làm lại cái không xanh dần của chàng mặc thời tình yêu thành cũ qua cho nàng. Chàng có vẻ thích thú nhìn Kinh-Tử trong gương khi nàng làm vườn, một mặt anh ngắm với những chân trắng.

Kinh-Tử làm vườn, mùa y thức, nửa về y thức về việc này một ánh sáng và ngừng lòng âm áp khi đây tình cảm của nàng bây giờ khác xa với hồi mới cưới. Rồi mà nàng ứng hồng khi chỉ để cho có thấy tay lên nàng đưa cái gương nhỏ ra đằng sau gáy. Tuy nhiên, chỉ sau khi tái giả từ chối như chiến bại, nàng mới bắt đầu trang điểm với phấn trắng màu hồng, vì nàng thích vậy, thấy mình được giải phóng khỏi những năm dài căng thẳng và tang tóc cho chàng theo sau. Nàng thấy mình trở nên đẹp một cách đáng chú ý. Giờ đây dường như chàng nàng thích Gật khi nói rằng thân hình nàng kiều diễm.

Kinh-Tử không còn sợ thẹn về hình ảnh mình trong gương nữa — sau khi được tâm xong chàng hận. Nàng đã khám phá ra được sắc đẹp của chính mình. Nhưng nàng không bỏ được cảm nghi duy nhất mà người chồng quá cố đã có về vẻ đẹp trong gương. Nàng không nghĩ ngờ về đẹp nàng nhìn trong gương. Trái hẳn lại: nàng không thể ngờ sự thật của thế giới khác đó. Nhưng giữa da mà nàng trực tiếp với da nàng được hình ảnh trong gương nàng thấy chàng khác gì sự sai biệt giữa nền trời âm đậm màu chì trước thì và khung trời bạc kính ảnh. Có thể không phải chỉ là sự sai biệt về khoảng cách. Có thể sự ham muốn của người chồng đầu của nàng bị liệt giường: đã ảnh hưởng nàng. Nhưng rồi không có cách nào để biết được nàng đã đẹp đến thế nào trong

(xem tiếp trang 37)

BÁNH TẾT CHỈ LÀM TRONG DỊP TẾT

BÁNH TẾT hay bánh TẾT?

Chữ nào xét ra cũng có ý nghĩa cả. Bánh TẾT là do cái cách dùng sợi giây buộc bánh mà tên khúc bánh ra từng lát trước khi ăn, bởi vì bánh tết làm bằng nếp, rất dẻo ít ai dùng dao mà cắt ra, vừa khó khăn, vừa dính nếp vào dao khó chùi rửa, hơn nữa lát bánh xắt ra bằng dao trông không đẹp và duyên dáng bằng lát bánh tết ra bằng sợi giây.

Còn bánh TẾT thì cũng đúng ở ý nghĩa của loại bánh chỉ làm ra trong những ngày Tết mà thôi, điều này rất xác đáng đối những người miền Trung, nhất là người Huế, mà việc nấu bánh Tết khi Tết đến là một tập tục rất đẹp rất vui, mang một ý nghĩa thiêng liêng nữa.

Nói như thế, không phải cho rằng chỉ có bánh Tết mới làm ra trong dịp Tết đến Xuân Vê; người Việt-Nam đã ăn Tết và xem Tết là một lễ lạc lớn nhất trong năm thì biết bao nhiêu thứ bánh, mức được làm ra để ăn trong ba ngày Tết. Và lại, bánh Tết cũng là thứ bánh phổ biến khắp mọi nơi trên đất nước V.N. thân yêu này. Về một khía cạnh của nền văn hóa V.N.; tôi cũng có thể nói rằng: «bánh Tết còn, người Việt còn», vàng, đúng thế — Từ chợ Đông-Hưng ở miền biển giới Trung-Hoa cho đến chợ Cà Mau, Rạch-Giã, tận cùng miền Nam ở đâu và bất cứ ngày nào cũng đều có bán thứ bánh

tết ấy, loại bánh bằng nếp dẻo và nhụy đậu xanh hành mỡ, món ăn bình dân, chắc bụng nhất của người VN.

Nhưng, càng thấy bánh tết lan tràn ra khắp các chợ, càng thấy người ta coi thường sự có mặt đầy ý nghĩa lịch sử của bánh Tết, tôi lại càng buồn cho những tập tục thiêng liêng bị thương-mại-hóa quá độ.

Đối với người V.N. ngày xưa, bánh tết không bao giờ được nấu ra để bán trong những ngày thường — Nồi bánh Tết của miền trong (tức vùng kinh đô Huế) và nồi bánh chưng của miền ngoài (tức vùng Thăng Long, Bắc-Hà), chỉ được nấu ra trong đêm cuối năm (đêm trừ-tịch) mà thôi.

Cái điểm đặc-biệt của bánh tết hay bánh Chưng ngày Tết không phải là điểm «làm bánh ra để ăn», để thỏa mãn bao tử trong mấy ngày Xuân, mà đặc biệt và thiêng-liêng ở giai đoạn làm bánh và nấu bánh.

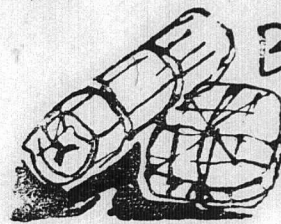
GÓI BÁNH TẾT, KHUNG CẢNH ĐOÀN TỤ YÊN VUI.

Trước khi cùng lắng tâm hồn những giờ phút êm đềm, ấm cúng của đêm cuối năm nấu bánh tết tôi cũng xin mời quý vị thường thức những điều thích thú vui nhộn của những ngày cuối năm, thời gian xôn xao, náo nức chuẩn bị cho nồi bánh tết.

Từ đầu tháng chạp, khi những cành hoa mai đã lấm tấm đơm hoa, khi những tiệm may đã tràn ngập

hàng may áo mới, khi những cánh thư ở khắp nơi lát đất gởi về cho mọi gia đình hẹn ngày sum họp đêm cuối năm, mọi gia đình đã chuẩn bị cho nồi bánh Tết.

Chồng hỏi vợ đã lo đủ nếp, đậu hành, mỡ, là gói chưa? Vợ nhắc chồng sửa soạn kiểm một ít củi loại gốc cây như gốc mít, gốc sâu—đồng, bừa sẵn ra một ít phơi khô — Người ta nấu bánh tết bằng củi gốc cây vì loại củi này cháy rất bền, lửa rất đượm và ló than cũng kéo dài ra cho đến hết đêm trừ tịch, làm lo sưởi cho gia đình.



BÁNH TẾT HAY BÁNH TẾT?

Lá gói bánh phải là hai thứ lá bên trong là lá đơn (lá dung) ôm lấy thân bánh, loại lá mỏng khi nấu chín có mùi thơm ngon và đặc-biệt là tạo cho lớp da bánh ở ngoài màu xanh dịu, tươi mát — Lớp lá ngoài phải là lá chuối sứt, khô gầy, khô nát, gói bánh tròn và màu tươi xanh đẹp mắt.

Nếp phải là loại «nếp một», thứ nếp dẻo, thơm,

«Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một, như đường
mía lâu»

nhụy bánh làm bằng đậu xanh, hành, mỡ — Mỡ phải là những thời mỡ lớn, cắt từng thoi dài để khi gói, đặt nằm song song theo chiều dài của bánh.

Giấy lát để cột đòn bánh Tết cũng phải được sửa soạn từ trước. Những ống lồ-ô tươi hoặc những ống giang được chẻ ra thành những sợi lạt thật mỏng, thật thanh, để vừa cột chặt chẽ vừa đều đặn trên bề tròn của đòn bánh. Ngoài ra

sau này còn dùng sợi lạt dó để tết bánh ra.

Công việc gói bánh cũng là công việc hưng thú, vui nhộn, tạo nên khung cảnh ấm cúng cho những đêm cuối năm.

Những ngày giêng giết, tranh thủ gấp rút của 1 năm đã chấm dứt. Tiền đã thu, nợ đã trả, gạo cốm, muối mắm thức ăn, áo quần...

ĐỜI NHÀ TẮN, ở làng Khúc Lý có hai chàng trẻ tuổi tên là Lưu Côn và Lộ Dịch, là bạn bè tương đắc.

Cả hai cùng ở một làng, cùng học một thầy, lại cùng chung chí hướng.

Làng Khúc Lý vốn là một cuộc đất «địa linh», bốn bề núi cao sông hiểm. Khí thiêng sông núi un đúc chí anh hùng; lại thêm địa lý nằm vào chỗ giáp giới Hưng Nhô, hoàn cảnh đầu luôn luôn đòi hỏi một tinh thần can đảm cường tráng địch.

Cho nên, ngoài những giờ nghiên bút, hai thiếu niên Lưu, Lộ còn để hết tâm tư vào việc luyện kiếm mài gươm.

Một ngày kia, nhân lễ Thanh Minh, Lưu Lộ rủ nhau lên non sơn bản.

Mãi mê theo đuổi con mồi, lại bị cảnh đẹp núi non quyến rũ, Lưu Lộ quên mất đường về.

Đêm ấy ngủ giữa thiên nhiên.

Sáng ra, nhìn lên ngọn cây cao, chợt thấy một con gà vàng kỳ dị. Trong ánh mờ nhạt của tinh sương, con gà vàng hiện ra sắc màu rực rỡ: mõng đỏ như hồng, đuôi dài như phượng, tiếng gáy ngân nga. Điều lạ lùng nhất là gà hướng mặt về phương mặt trời đang mọc mà xoe cánh, ngừng đầu, rõ ràng là đang trở một vũ khúc mừng dương Chúa.

Vùng nhạt càng lên cao thì con gà vàng càng tăng nhanh điệu múa. Và dậm theo điệu múa, là những tiếng gáy ngân nga.

Cảnh tượng dị kỳ làm hai chàng thiếu niên nhìn sững sột.

Nhiều thời khắc trôi qua như thế.

Trước mắt Lưu Lộ, vùng nhạt cứ lên dần, ánh sáng chan hòa khắp cả sơn khê.

Đột nhiên, trước sự kinh ngạc của hai chàng thiếu niên, con gà vàng ngã xuống...

Từ trên cao, hàng chục trượng, con gà khổng lồ, sau một tiếng gáy cao vút cuối cùng bằng vật ngã mình ra... để rồi rơi từ độ cây cao xuống đất, như một trái chín rụng cành.

Dường như con gà vàng, sau một khúc múa cuồng-giết say mê, đã kiệt lực và bất tỉnh để mình rơi xuống đất.

Xung quanh, trong thời gian con gà vàng xuất hiện, vạn vật thay im lìm. Hình như đối trước «lễ múa» của con gà vàng, vạn vật, từ muôn thú đến cỏ cây, đều kính nể, nên không dám gáy nên một tiếng động nào. Tất cả, đều câm lặng.

Chuyện kể thì lâu nhưng xảy ra chỉ trong chớp mắt. Hai gà thiếu niên còn đang kinh ngạc, thì chợt trong vùng bụi rậm một tiếng «oạt» vang lên. Và... một con cáo khổng lồ xuất hiện.

Con cáo, tuy hình thù là cáo, nhưng to lớn như trâu. Mắt đỏ, sáng ngời: Khắp mình, lông trắng bạc.

Cáo phóng mình ra, thề chiếc lưới dài, dõ như vệt máu. Chỉ một cái nháy, đã đến bên gà. Trong lúc chú gà vàng, đẹp như một hoàng tử, khéo như một vũ công, vẫn nằm bất tỉnh trên nền đá, sau một màn vũ «triều dương».

Sự thề rồi ra thế nào hẳn đã đoán được: Chỉ một chớp mắt nữa thôi số phận gà hẳn phải nằm trong bụng cáo.

Nhưng... hai chàng thiếu niên... lẽ nào

bỏ qua cho được? Sân máu bất bình, họ phải ra tay. Thế là, hai cung cứng cung dương hai mũi tên cùng bắn.

Con cáo trúng tên một lần hai mũi, hai mũi cùng ghim vào ngực, tức thì rống lên một tiếng, chạy dài.

Đuổi được con cáo hung hãn và đề tiện, Lưu Lộ cùng chạy tới xem thương tích của gà vàng.

Gà bị ngã từ cao, nằm thiếp trong cơn bất tỉnh. Cũng may, lông dày, mình cứng dường như tạng phủ vẫn an toàn; chỉ có vài vết thương sây sướt. Sân có thuốc cứu thương công hiệu Lưu Lộ cạy mổ gà cho uống; chẳng bao lâu, đã hồi sinh.

Gà vàng của mình kêu tục tục vài tiếng rồi đứng lên, ngềnh mõng đỏ đưa hai mắt sáng như sao nhìn hai người cứu mệnh. Ánh mắt như thay nói, rõ ràng là ngụ ý cảm ơn.

Rồi như một khách tao nhân, ga lịch sự cúi đầu sát đất; ba lần như thế; đoạn xoe đôi cánh rộng, cất mình bay bổng lên cao.

Lưu Lộ trở về làng, kể chuyện gặp gà vàng cho mọi người nghe; được bỏ lão giải thích cho, mới biết mình đã được gặp thần kê mà không biết.

Nguyên thần kê là chúa của loài gà, cũng gọi kê vương. Hàng năm, cứ đến lễ thanh minh hay ngày Nguyên đán, lại lên đậu ở cảnh cao, ca múa một trời.

Còn cáo ấy, là hồ tinh. Tu luyện đã ngàn năm, linh tính như người, biết ăn thịt thần kê thì muôn năm trường thọ. Nên đã đợi ngày giờ mai phục, chờ thần kê ngất xỉu sau khi ca múa thì vỗ lấy thịt mà ăn.

đề ăn, mặc trong mấy ngày đầu Xuân đã sấm sưa xong xuôi, bây giờ chỉ chăm lo cho nồi bánh tét.

Cha, mẹ, con cái, anh em bà con đã đoàn tụ dưới mái gia đình. Người lo vớt nếp, người lo hong đậu, xào mỡ, lau lá... Những câu chuyện khôi hài nở như búp rang cho đến khi mọi thứ đã xong xuôi, một chiếc chiếu hay một cũi nia lớn bỏ ra giữa nhà, mọi người ngồi lại để gói bánh — các em lãnh phần lau lá, chỉ vát từng vát nhụy xát từng lát mỡ, mẹ, đặt lá, bó nếp và các O, các Di bắt đầu gói bánh — Ông bà có thể phụ vào việc hoặc những sợi lạt chung quanh don bánh cho đều, cho đẹp. Công việc diễn ra như những, êm ái với sự chờ đợi niềm vui tột, khi màn đêm buông xuống, bếp lửa nhem lên và nồi bánh đặt ra.

BẾP LỬA NẤU BÁNH, LO SƯỞI CỦA GIA ĐÌNH TRONG ĐÊM TRƯ TỊCH.

Không gian của việc nấu bánh là khung cảnh gia đình ấm cúng, đoàn tụ trong đêm cuối năm. Ông bà, cha mẹ con cái đều có mặt dưới mái ấm gia đình sau một năm dài lam lũ mệt nhọc và tách biệt nhau vì phải thi phương cầu thực. Thời gian nấu bánh là thời gian lý tưởng và những tiếng nhất trong 1 năm, bắt đầu từ chập tối đến ba mươi kéo dài cho đến giao thừa.

O' Hức, đêm cuối năm là một đêm cuối cùng của mùa đông, thường mưa phùn và gió lạnh. Bên ngoài trời đen như mực. Không gian như ngưng đọng lại trước giờ phút chuyển mình

mới mẻ, mở đầu một mùa Xuân mới. Chỉ có tiếng chuông chùa ngân nga, tiếng pháo nổ lảng lảng và núi trâm hương ngào ngạt.

Bên trong, chính giữa căn nhà là bếp lửa hồng cháy rực trên đó, một cái chảo thật lớn hoặc nhỏ: một cái thùng thiết thật, bu hoặc chỉ là cái thùng dầu lửa, tùy theo gia cảnh giàu nghèo, gia đình bẽ thế hay nhỏ nhoi.

— Ánh lửa đỏ tươi hơi ấm khắp căn nhà, đó chính là lò sưởi cho toàn thể gia đình trong 1 đêm lạnh cuối năm. Bếp lửa tượng trưng cho sự sum họp, cho tình thương yêu ruột thịt nồng nàn, quấn quít bên nhau. Bao nhiêu câu chuyện vui, buồn của một năm dài dang dở được dịp kể cho nhau nghe — qua ánh lửa, người ta thấy có những đôi mắt rơm rớm vì sung sướng của mẹ già nhìn thấy các con đoàn tụ, vui cười với nhau mà có thể tăng, trong năm qua, có khi chúng đã thủ bản đánh đập lẫn nhau. Những gương mặt trẻ con thì rạng rỡ vì tươi vui được dịp quấn quít trong vòng tay của cha, của mẹ, của ông bà, cháu, bác, anh, em với hình ảnh ấm áp, chị Xuân há hốc miệng cười mà chúng sẽ tha chơi trong những giờ sắp tới.

Cùng với lửa rỏ tí tách, cùng với hơi bánh thơm phức bốc lên, mọi người trong gia đình đều thấy lòng xúc động vì giờ phút thiêng liêng sắp tới: « Giao thừa ». Một năm cũ với nhiều chuyện buồn, vui đã qua và một năm mới nhiều hy vọng, đã tới. Mọi gia đình đều bận rộn chuẩn bị đón chào năm mới, tịch cùng với bếp lửa nhen nhúm để ăn cũng.

Cùng có nhiều chuyện vui xảy ra trong đêm ba mươi Tết, trong đó

có cả chuyện gia đình sửa soạn làm bánh, nấu bánh mệt nhọc, ngủ say như chết khi bình tỉnh dậy, cả rồi bánh tét đã không cánh mà bay mất... (một tên trộm nào đó đã làm một vỏ cuối năm để đón Xuân). Người ta không buồn bực tức tối gì lắm khi bị trộm nồi bánh Tết vì thực ra, tất cả cái thích thú, vui tươi, ấm cúng của việc làm bánh, nấu bánh đã diễn ra tốt đẹp và trọn vẹn lắm rồi.

LỊCH SỬ BÁNH TẾT VÀ BÁNH CHƯNG.

Bây giờ, chúng ta hãy tìm hiểu nguồn gốc lịch sử của bánh tét ở vùng cổ đô Huế và bánh chưng của vùng Thăng-Long, xem thử phát xuất từ sự kiện gì, mà loại bánh đó được xem là món ăn đặc biệt thiêng liêng, phải làm ra trong ngày lễ Tết Nguyên-Đán.

Ngày xưa...

Lạc-Long-Quân lấy bà Au-Co sinh ra 100 trăn, nó ra 100 con, 50 trai, 50 gái. Khi 100 đứa con đã khôn lớn, Lạc Long Quân và hoàng hậu Âu-Co phải lo lắng chọn một người để nối dõi, lên ngôi hoàng đế để trị vì trăm họ về sau.

Nhưng vẫn để nan giải thay vì là 100 con của Lạc Long-Quân, cả tra lẫn gái đều không ngo tuần tũ, sắc nước hương trời, văn võ kiêm toàn không ai hơn kém.

Thế rồi vào đêm giao thừa năm ấy, trong khi cả hoàng-tộc đang vui vầy trong vườn Ngự-Uyển để chờ đón chúa Xuân, giữa giờ phút thiêng-liêng của đêm cuối năm có một bước sang năm mới, trong ánh sáng muôn màu của hàng trăm

chiếc đèn lưu-ly, hàng ngàn lồng đèn ngũ sắc giăng mắc khắp nơi, bỗng hiện ra một vùng hào-quang sáng rực từ trên không-trung và phủ chụp xuống giữa vườn ngự-uyển.

Nhà vua, hoàng-hậu và tất cả hoàng-tộc đều hoảng sợ nhưng chỉ một lát sau, vùng hào-quang rực rỡ tan biến và giữa vườn bỗng hiện ra một vị thiên-thần oai-dung, trong tay cầm chiếc phát-trần phe phẩy.

Nhà vua chưa kịp lên tiếng thì vị thiên-thần đã phn rằng:

— Này Lạc-long-Quân và Âu-Co! ta vâng mệnh trời đến đây để truyền cho các người cách tìm vị hoàng-tử kế-vi — các người đừng lo lắng về sự lựa chọn kẻ tài cao trí rộng mà làm gì? Làm vua là cốt ở sự biết rõ dân tình, biết rõ tính âm dân-tộc, biết đất nước quê-hương để tùy ở lòng dân mà trị dân. Sống trên đất nước, trong lòng dân-tộc, phải hiểu rõ đất nước và dân-tộc ước vọng những gì mới xứng đáng là vị vua trị vì trăm họ. Các người hãy tổ chức một cuộc thi trong 100 đứa con của các người, đứa nào cũng phải đi sâu vào lòng đất nước và quần chúng để tìm hiểu họ, và đến Nguyên-đán năm sau, trở về hoàng-cung dâng lên cho vua một vật chứng minh để tề-lễ đất trời, trọng trung có ý-tình đất nước và dân-tộc. Vật nào có ý nghĩa nhất thì tác-gia của vật ấy sẽ là hoàng-tử kế-vi. Vị thiên thần phn xong, vùng hào-quang chói lọi



Ái ngờ có một Lưu Lộ nơi đây, nên mưu độc của cáo già đã không thành tựu được; chẳng những thế, mà còn mang lấy hai mũi tên đau.

☆

LƯU LỘ từ trở về nhà sau chuyến đi

Chẳng những thế, lại còn cái tiếng gáy của nó! Sao mà thật là to! Sao mà thật ngán ngái! Nghe tiếng gáy của nó lọt vào tai rồi hai chàng thiếu niên đã mà ngủ lại được. Chỉ còn một nước thức dậy mà thôi.

Thức dậy đề mùa vô, đề đi quỳên.

sản, lại trở lại đời sống

thường ngày quen thuộc vô.

Ngày xưa, nơi đạo gia, người ta thường lấy tiếng gà gáy làm chuông báo thức ban mai. Chẳng thế mà ca dao đã có câu: « Ai nuôi con trống gà vàng, nửa đêm dậy gáy... »

Vậy thì Lưu Lộ, cũng như mọi người thời ấy, đã lấy tiếng gà gáy ban mai làm chuông báo thức để lại là kể từ ngày Lưu Lộ đi lạc trong núi vì cứu được thân kẻ trộm về thì tiếng gà gáy ban mai đã báo thức hai chàng thiếu niên sao xem chừng sớm hơn mọi bận.

Vâng, cái con gà quai quý nào đó sao mà thật lạ: nó gáy sớm quá, sớm hơn cả sự hiện diện của sao mai, sớm hơn cả sự khai nở của sen trắng trong đầm.

Hai thiếu niên Lưu Lộ vốn đã được thiên phú về năng khiếu võ, lại ham sinh cơ sức khỏe phi thường. Lại còn được may mắn sinh ra trong một cuộc đời có lắm anh tài về võ nghệ. Từng ấy thứ, đã giúp hai chàng dẫu còn niên thiếu, trở nên hai dũng sĩ tài ba.

Và bây giờ, lại thêm tiếng gà mỗi thức dậy! Đây! đây! đây! Băn khoăn tiếng gà vừa gáy!...

Phải đây, để mà mài kiếm qua ngọc, tự tạo cho mình một tài năng quân-chống, đợi cơ gặp giúp nước phò vua.

Và quả nhiên, chẳng bao lâu, nhờ ở sự « có công mài sắt », hai thiếu niên Lưu Lộ đã thành danh.

Một ngày kia, giặc Hung lại kéo quân sang xâm lăng bờ cõi.

Hai chàng Lưu Lộ, vâng theo tiếng gọi của non sông, đã đứng lên tòng quân chống giặc, lập nên bao chiến công lừng lẫy, uy danh chấn động cả sơn hà.

Trăm họ tôn sùng, tôn xưng danh hiệu cả hai chàng là Bạch thăng.

Tuy nhiên, có con đường vinh quang nào bằng phụng mồi? Và xưa nay, trong chiến trận, có ai thắng cả trăm lần?

Thức dậy đề mùa vô, đề đi quỳên. Hai thiếu niên Lưu Lộ, hai chàng Bạch thăng tưởng cũng đã năm mùa thất bại.

Nguyên quân giặc thấy hai chàng vũ dũng, liệu bề đầu sức không được, chúng đã nghĩ đến việc dùng mưu.

vút bùng lên và bay vút lên không rồi lịm tắt dần trong màn trời đêm mông lung huyền ảo. Vị thiên thần cũng biến mất.

Nhà vua và hoàng-hậu tuân theo lời chỉ dẫn của vị thiên thần và tức tốc cho 100 người con lên đường trong ngày hôm sau, 50 trai lên miền núi, 50 gái xuống miền bèo, đi khắp sơn cùng thủy tận, xóm làng hẻo lánh tìm hiểu dân tình và đúng Nguyễn-dân nằm sau phải trở về với một món lễ vật đầy ý nghĩa để tế lễ đất trời.

Đúng vào đêm Giao-thu năm ấy tại vườn Ngự-Uyển lại mở ra một cuộc lễ để tuyển chọn các lễ vật do 100 người con Lạc-long-Quân mang từ khắp địa phương trong nước về dâng hiến. Vị thiên thần năm trước lại hiện xuống để chứng giám. Sau một hồi xem xét, vị thiên-thần bồng chú mục vào hai vật tầm thường hèn mọn nhất trong 100 món của ngon vật lạ, sơn hào hải vị khắp nơi: đó là một đòn bánh Tét và một ổ bánh chưng.

Hào-quang bỗng sùng sộ lên từ nơi hai chiếc bánh mà vị thiên thần đang chăm chú nhìn và truyền cho các nội giám mở bánh và cắt ra cho mọi người xem. Lạc Long-Quân và hoàng hậu cũng với 98 người con kia, cũng như toàn thể hoàng tộc đều ngạc nhiên trước sự lựa chọn kỳ lạ của vị Thiên Thần, đại diện cho Trời Đất.

Nhưng vị Thiên Thần thông thả

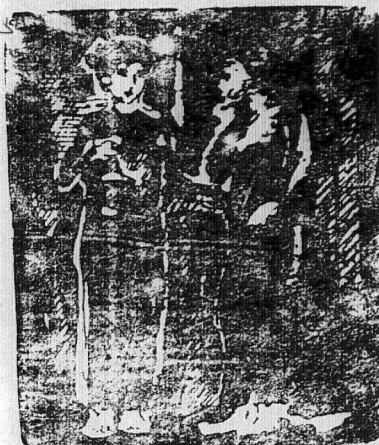
giải thích rằng:

— 2 vị hoàng tử sáng tạo ra hai chiếc bánh này đều có những tư tưởng và tình cảm giống nhau và họ đã lựa chọn những thổ sản chính của dân tộc: nếp, đậu, mỡ, lá, vừa đầy đủ các loại sinh tố, vừa thể hiện đúng nguyện vọng bình thường mộc mạc của người dân là: ăn chắc mặc bền. Ngoài ra về phương diện ý nghĩa thì nifty thì: nếp dẻo bọc lấy đậu rồi tượng trưng cho tình đoàn kết, nhụy đậu vàng có mỡ tượng trưng cho sự sắt son tình cảm ướt át, khuôn tròn của lát bánh tét cắt ra tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng, hình vuông của bánh chưng tượng trưng cho quả đất (theo quan niệm thời Cổ, mặt đất vuông).

Như vậy, thật là đầy đủ ý nghĩa của Trời đất, của âm dương, của tình tự dân tộc mà chúng ta đang đòi hỏi.

Nói xong, vị Thiên thần bồng bánh mất và nhà vua cùng hoàng hậu lấy làm khó xử trong việc chọn lựa một trong hai vị hoàng tử bánh tét và bánh chưng, ai sẽ là người chính thức kế vị vua cha.

Cuối cùng, nhà vua không biết xử-trí ra sao cho ổn thỏa đành phải đưa hai vị hoàng tử đi trấn nhậm hai nơi kẻ ở phương Bắc (vùng Thăng-Long) người ở phương Nam (vùng Thuận-Hóa) Và nhà vua bèn quyết định lựa Hoàng-Tử lớn nhất (tức cái trứng nở đầu tiên) kế vị, phong là hùng vương



Nguyễn-Đán, người dân vùng Thuận-Hóa, dù nghèo hay giàu, cũng đều dành dụm tiền nong để nấu cho được một nồi bánh tét, cũng như người dân vùng Thăng-Long cũng phải thực hiện cho được mấy ổ bánh chưng để cúng ông bà và ăn ba bữa Tết.

Và phía bên này chưng cũng làm thêm vài đòn bánh Tét và phía bánh tét cũng bắt buộc làm thêm vài chiếc bánh chưng, để tự

nhắc nhở rằng mình đều là con một cha, cùng một Tổ Rồng Tiên để đời đời sum vầy, kết chặt trong tình đất nước thiêng liêng.

Xuân Kỷ Dậu

Tên nữ HOÀNG-ĐIỆP



thứ 1.

Cũng kể từ đó, hai vị hoàng tử bánh tét và bánh chưng mỗi người mỗi ngã nhưng về sau, con cháu của mỗi bên không một ai quên câu chuyện ngày xưa, dù tổ phụ của họ không được phong vương nhưng lại được quân chúng hai miền mến mộ và ca tụng công- đức bảo vệ và thương yêu dân.

Vi vậy, hằng năm cứ đến Tết

Khởi đầu, chúng đem quân già võ kiêu chiến đoạn, trá hàng chúng dụ hai chàng vào sâu hiểm địa. Sau rốt, chúng giết dùng xa luân chiến, lấy dật thăng lao, lấy đồng thăng ít, quyết tiêu diệt cho được hai chàng.

Bị hãm giữ vòng vây thiên là địa võng, hai tướng quân Lưu Lỗ đơn thương độc mã chiến đấu suốt một ngày một đêm.

Ứng sáng hôm sau, trong lúc cặp hùm thiêng sau khi đã kiệt lực vì phải đương cự với sói bầy, sắp quay gươm tự vận để thực hành câu: «Thà làm quỷ nước Nam không thà làm vua đất Bắc», thì bỗng...

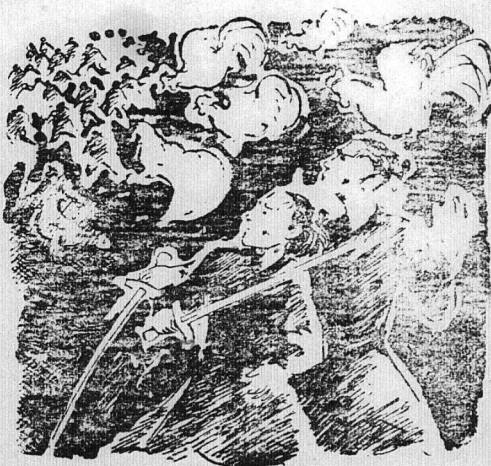
Giữa trời cao, những tiếng gà vang dội...

Vào lúc mà trời đất mới tỉnh sương, vùng đông chưa hiện lộ, nơi phương đông chỉ mới gợn đôi vết sáng tiên phong của Chúa ngày, trong cái giờ phút giao thời huyền ảo ấy, khắp bãi chiến trường bỗng nghe vang dội những tiếng gà gáy sáng vọng xuống từ trời cao, âm thanh rộn rã tung bùng chẳng khác nào như tiếng hải triều ngân nga ngoài biển lớn.

Tất cả các chiến sĩ đang có mặt giữa chiến trường nghe tiếng gà thây đều ngừng tay lại, ngừng cả nhìn lên. Và lạ lùng chưa, họ bỗng nhìn thấy, từ thiên không, hàng ngàn hàng vạn con gà đang sa xuống, thân vàng mỏng đỏ chói chang cả một vùng.

Khiếp vía kinh hồn, cả đám quân Hung đều đứng sững, cơ hồ quên mất hai vị tướng quân thù địch mà họ đang ra sức tấn công, và việc lấy mạng chỉ là còn trong giây phút.

Đám gà từ trời cao sa xuống mỗi lúc mỗi lớn trước mắt mọi người! Cuối cùng, khi đã xuống chỉ còn cách mặt đất chừng đám ba thước, những con gà vàng thân dị khổng lồ kia liền xoè rộng cánh, liệng quanh, đoạn chia nhau nhả thẳng vào từng tên quân, tướng Hung Nô mà bỏ xuống.



Rồi những mỏ bén, rồi những móng nhọn thì nhau mà mổ, mà cào lên đầu, lên mặt, lên khắp mình mẩy bọn người này, biến chúng thành những hình骸 xác xơ, đẫm máu.

Cuộc chiến không tiền khoáng hậu, lạ lùng hơn cả chuyện Phong Thần, quái đàng hơn cả chuyện Liêu Trai này đã diễn ra chỉ trong khoảnh khắc. Kịp đến khi mặt trời vừa mọc, cuộc chiến vừa kết liễu, với kết quả là cả đám quân, tướng Hung Nô oai phong lẫm lẫm, sát khí đằng đằng đều bỏ kiếm, buông cờ tháo chạy, ùn ùn như một lũ cáo trước oai hùm.

Đánh đuổi đám giặc Hung Long, đội quân gà quay đầu cả lại về phía hai chàng Lưu Lỗ.

trịnh trọng cúi chào, đoạn đồng loạt cánh bay vút lên cao

Sau trận tranh phong, hai chàng Lưu Lỗ trở về, đem sự tình thuật lại. Dân chúng cảm ơn nghĩa thần kỳ, bèn chung sức lập miếu thờ

Mãi đến thời cận đại, miếu ấy vẫn còn thơm hương khói.

Còn về tông tích của thần kỳ ấy, nghe đầu sau này đã rời chỗ ở đền phương Nam. Chuyện ấy có hay không, hay chỉ là giai thoại?

TRẦN THIÊN AN



THU - KÝ Store

BỒN HIỆU BÁN ĐỦ CÁC THU
TRÁI CÂY — ĐỒ HỘP RƯỢU
CHÈ VÀ BÁNH KEO AU MỸ
v.v... GIÁ BÁN PHẢI CHĂNG
QUÍ KHÁCH HẸ CỎ VỎ
CÙNG HOAN NGHE NH.

141, Phường Hưng Cholon V.N.

vút bùng lên và bay vút lên không rồi lịm tắt dần trong màn trời đêm mông lung huyền ảo. Vị thiên thần cũng biến mất.

Nhà vua và hoàng-hậu tuân theo lời chỉ dẫn của vị thiên thần và tức tốc cho 100 người con lên đường trong ngày hôm sau, 50 trai lên miền núi, 50 gái xuống miền bèo, đi khắp sơn cùng thủy tận, xóm làng hẻo lánh tìm hiểu dân tình và đúng Nguyễn-dân nằm sau phải trở về với một món lễ vật đầy ý nghĩa để tế lễ đất trời.

Đúng vào đêm Giao-thừa năm ấy tại vườn Ngự-Uyển lại mở ra một cuộc lễ để tuyển chọn các lễ vật do 100 người con Lạc-long-Quân mang từ khắp địa phương trong nước về dâng hiến. Vị thiên thần năm trước lại hiện xuống để chứng giám. Sau một hồi xem xét, vị thiên-thần bồng chú mục vào hai vật tầm thường hèn mọn nhất trong 100 món của ngon vật lạ, sơn hào hải vị khắp nơi: đó là một đòn bánh Tét và một ổ bánh chưng.

Hào-quang bỗng sùng sộ lên từ nơi hai chiếc bánh mà vị thiên thần đang chăm chú nhìn và truyền cho các nội giám mở bánh và cắt ra cho mọi người xem. Lạc Long Quân và hoàng hậu cũng với 98 người con kia, cũng như toàn thể hoàng tộc đều ngạc nhiên trước sự lựa chọn kỳ lạ của vị Thiên Thần, đại diện cho Trời Đất.

Nhưng vị Thiên Thần thông thả

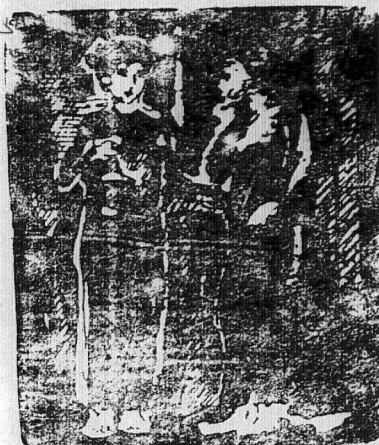
giải thích rằng:

— 2 vị hoàng tử sáng tạo ra hai chiếc bánh này đều có những tư tưởng và tình cảm giống nhau và họ đã lựa chọn những thổ sản chính của dân tộc: nếp, đậu, mỡ, lá, vừa đầy đủ các loại sinh tố, vừa thể hiện đúng nguyện vọng bình thường mộc mạc của người dân là: ăn chắc mặc bền. Ngoài ra về phương diện ý nghĩa thì nifty thì: nếp dẻo bọc lấy đậu rồi tượng trưng cho tình đoàn kết, nhụy đậu vàng có mỡ tượng trưng cho sự sắt son tình cảm ướt át, khuôn tròn của lát bánh tét cắt ra tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng, hình vuông của bánh chưng tượng trưng cho quả đất (theo quan niệm thời Cổ, mặt đất vuông).

Như vậy, thật là đầy đủ ý nghĩa của Trời đất, của âm dương, của tình tự dân tộc mà chúng ta đang đòi hỏi.

Nói xong, vị Thiên thần bồng bánh mất và nhà vua cùng hoàng hậu lấy làm khó xử trong việc chọn lựa một trong hai vị hoàng tử bánh tét và bánh chưng, ai sẽ là người chính thức kế vị vua cha.

Cuối cùng, nhà vua không biết xử-trí ra sao cho ổn thỏa đành phải đưa hai vị hoàng tử đi trấn nhậm hai nơi kẻ ở phương Bắc (vùng Thăng-Long) người ở phương Nam (vùng Thuận-Hóa) Và nhà vua bèn quyết định lựa Hoàng-Tử lớn nhất (tức cái trứng nở đầu tiên) kế vị, phong là hùng vương



Nguyễn-Đán, người dân vùng Thuận-Hóa, dù nghèo hay giàu, cũng đều dành dụm tiền nong để nấu cho được một nồi bánh tét, cũng như người dân vùng Thăng-Long cũng phải thực hiện cho được mấy ổ bánh chưng để cúng ông bà và ăn ba bữa Tết.

Và phía bên này cũng làm thêm vài đòn bánh Tét và phía bánh tét cũng bắt buộc làm thêm vài chiếc bánh chưng, để tự

nhắc nhở rằng mình đều là con một cha, cùng một Tổ Rồng Tiên để đời đời sum vầy, kết chặt trong tình đất nước thiêng liêng.

Xuân Kỷ Dậu

Tên nữ HOÀNG-ĐIỆP



thứ 1.

Cũng kể từ đó, hai vị hoàng tử bánh tét và bánh chưng mỗi người mỗi ngã nhưng về sau, con cháu của mỗi bên không một ai quên câu chuyện ngày xưa, dù tổ phụ của họ không được phong vương nhưng lại được quân chúng hai miền mến mộ và ca tụng công- đức bảo vệ và thương yêu dân.

Vi vậy, hằng năm cứ đến Tết

Khởi đầu, chúng đem quân già võ kiêu chiến đoạn, trá hàng chúng dụ hai chàng vào sâu hiểm địa. Sau rốt, chúng giết dùng xa luân chiến, lấy dật thăng lao, lấy đồng thăng ít, quyết tiêu diệt cho được hai chàng.

Bị hãm giữ vòng vây thiên là địa võng, hai tướng quân Lưu Lỗ đơn thương độc mã chiến đấu suốt một ngày một đêm.

Ứng sáng hôm sau, trong lúc cặp hùm thiêng sau khi đã kiệt lực vì phải đương cự với sói bầy, sắp quay gươm tự vận để thực hành câu: «Thà làm quỷ nước Nam không thà làm vua đất Bắc», thì bỗng...

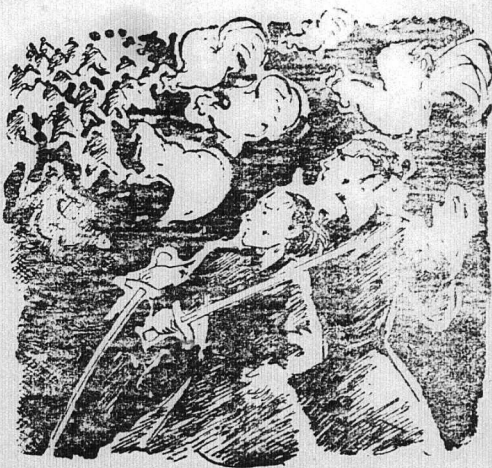
Giữa trời cao, những tiếng gà vang dội...

Vào lúc mà trời đất mới tỉnh sương, vùng đông chưa hiện lộ, nơi phương đông chỉ mới gợn đôi vết sáng tiên phong của Chúa ngày, trong cái giờ phút giao thời huyền ảo ấy, khắp bãi chiến trường bỗng nghe vang dội những tiếng gà gáy sáng vọng xuống từ trời cao, âm thanh rộn rã tung bùng chẳng khác nào như tiếng hải triều ngân nga ngoài biển lớn.

Tất cả các chiến sĩ đang có mặt giữa chiến trường nghe tiếng gà thầy đều ngừng tay lại, ngừng cả nhìn lên. Và lạ lùng chưa, họ bỗng nhìn thấy, tự nhiên không, hàng ngàn hàng vạn con gà đang sa xuống, thân vàng mỏng đỏ chói chang cả một vùng.

Khiếp vía kinh hồn, cả đám quân Hung đều đứng sững, cơ hồ quên mất hai vị tướng quân thù địch mà họ đang ra sức tấn công, và việc lấy mạng chỉ là còn trong giây phút.

Đám gà từ trời cao sa xuống mỗi lúc mỗi lớn trước mắt mọi người! Cuối cùng, khi đã xuống chỉ còn cách mặt đất chừng đám ba thước, những con gà vàng thân dị khổng lồ kia liền xoè rộng cánh, liệng quanh, đoạn chia nhau nhả thẳng vào từng tên quân, tướng Hung Nô mà bỏ xuống.



Rồi những mỏ bén, rồi những móng nhọn thì nhau mà mổ, mà cào lên đầu, lên mặt, lên khắp mình mẩy bọn người này, biến chúng thành những hình骸 xác xơ, đẫm máu.

Cuộc chiến không tiền khoáng hậu, lạ lùng hơn cả chuyện Phong Thần, quái đàng hơn cả chuyện Liêu Trai này đã diễn ra chỉ trong khoảnh khắc. Kịp đến khi mặt trời vừa mọc, cuộc chiến vừa kết liễu, với kết quả là cả đám quân, tướng Hung Nô oai phong lẫm lẫm, sát khí đằng đằng đều bỏ kiếm, buông cờ tháo chạy, ùn ùn như một lũ cáo trước oai hùm.

Đánh đuổi đám giặc Hung Long, đội quân gà quay đầu cả lại về phía hai chàng Lưu Lỗ.

trịnh trọng cúi chào, đoạn đồng loạt cánh bay vút lên cao

Sau trận tranh phong, hai chàng Lưu Lỗ trở về, đem sự tình thuật lại. Dân chúng cảm ơn nghĩa thần kỳ, bèn chung sức lập miếu thờ

Mãi đến thời cận đại, miếu ấy vẫn còn thơm hương khói.

Còn về tông tích của thần kỳ ấy, nghe đầu sau này đã rời chỗ ở đền phương Nam. Chuyện ấy có hay không, hay chỉ là giai thoại?

TRẦN THIÊN AN



THU - KÝ Store

BỒN HIỆU BÁN ĐỦ CÁC THU
TRÁI CÂY — ĐỒ HỘP RƯỢU
CHÈ VÀ BÁNH KEO AU MỸ
v.v... GIÁ BÁN PHẢI CHĂNG
QUÍ KHÁCH HUỆ CỐ VÔ
CÙNG HOAN NGHE NH.

141, Phường Hưng Cholon V.N.

CHIẾC ÁO DÀI

của người đẹp VIETNAM

TỪ MỘT CÂU CA DAO

«Thương nhau cởi áo cho nhau
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay...»

(ca-dao)

LÀNG mạn và liễu lĩnh đến thế là cùng. Nhưng bình tâm mà xét về phương diện phục sức của người con gái VN ngày xưa, ta sẽ không cho là liễu lĩnh lắm đâu. Bởi vì, nếu đàn bà con gái VN ngày xưa ăn mặc như bây giờ thì dù cho có lang mạn liễu lĩnh cách mấy đi nữa, cũng không dám «cởi áo cho nhau» như trên; Chuyện dễ hiểu là bây giờ, các cô, ngoài chiếc áo dài ở ngoài, đã lột ra cho tình nhân rồi thì bên trong có còn gì nữa đâu, hay chỉ còn lại hai miếng vải dù che «đôi quả đào tiên môn môn» mà thôi. Làm sao có thể đi về nhà để đối với mẹ là «qua cầu gió bay...»

Có thể nói đối là «qua cầu gió bay» được và có thể cởi áo ra ở «giữa đường giữa chợ» thì phải là chiếc áo dài. Phải rồi, ngày xưa và nay phụ nữ VN phục sức rất kín đáo, dè dặt. Ngoài chiếc áo dài, bên trong còn có chiếc áo cụt dài tay, bên trong nữa, còn có chiếc «yếm» che kín cả phần ngực và bụng. «Thân em quân vạn yếm mắng» mà.

Thì dù cho có «cởi áo» ra cho tình nhân làm kỷ niệm, «ấp hơi hướm» của mình, thì nàng cũng còn chiếc áo cụt dài tay kín đáo để bình thân «tình bơ» đi về nhà, ngang nhiên nói đối với mẹ mà không chút ngượng ngùng.

Ở miền Bắc, chiếc áo dài của người thôn nữ, thân trước có hai vạt, để cột lại với nhau phía trước bụng, thường mặc ra ngoài chiếc áo trắng cụt dài tay có viền kín đáo.



Ở miền Trung, người con gái bình dân thôn dã, trong khi làm lụng công việc đồng áng có thể mặc áo cụt tay, xắn lên cùi chỏ, nhưng điểm đặc biệt là tất cả các loại áo đều phải đơm khuy nút dề hàng ngang các hàng nút phải cài kỹ lưỡng vào, sắt sáo, chắc chắn không phải là loại «nút bóp» bây giờ chỉ cần giặt một cái là tung ra.

Ngoài công việc làm lụng ngoài đồng tất cả các công việc bán buôn, gánh gánh hoặc đi đây đi đó, người con gái miền Trung, nhất là gái Huế, đều phải mặc áo dài khi bước ra khỏi nhà. Cho đến

bây giờ đây, tại thành phố Huế, những cô gái bán bún, bán chè, bán hàng rong, đa số đều mặc chiếc áo dài tha thướt.

Ở Trung Nam, cuộc sống dè dặt và phóng khoáng hơn, lại còn ảnh hưởng sâu đậm nền văn

minh Tây phương, người con gái từ thành thị đến nông thôn, đều có thể mặc chiếc áo «bà ba», loại áo cụt dài tay của miền Trung và miền Bắc, để làm lụng và kể cả đi đây đi đó.

DIỄN TRÌNH CỦA CHIẾC ÁO DÀI CỦA PHỤ NỮ V.N.

Trước đây một thế kỷ, dân tộc VN chịu ảnh hưởng hoàn toàn nền văn hóa Trung-quốc. Kể từ khi ba ông Thái-Thú có nhiều công trạng về sự «khai hóa» đến nhậm chức ở xứ Giao-Chi nhỏ bé này: đó là ba ông Tích-Quang, Nhâm-Điền và Sĩ-Nhiếp. Tất cả mọi việc tế lễ, hội hè, đình đám trong 4 phạm vi quan, hôn, tang, tế đều do ba ông Thái-Thú này đặt ra để dân VN noi theo. Chiếc áo dài của cô dâu trong các hôn lễ cùng chiếc khăn đội đầu, chiếc thắt lưng, chiếc quai nón đều phát xuất từ những thứ lễ phục rườm rà phức tạp của Trung-quốc.

Nhưng dân tộc VN lại không bao giờ chịu «tập khuôn» mọi nền văn hóa một cách máy móc và y hệt như vậy. Tinh thần phản kháng và hai hước của dân tộc ta luôn luôn «cách mạng» mọi nề nếp cổ truyền để đưa đến những dung hợp cần thiết.

Từ những chiếc «áo rộng» thụng thính, những khăn giải, khăn quàng, những cách bó chân, nối tóc của người Trung Hoa, dân tộc đã cải biến và thích nghi rất hợp tình hợp lý cách phục sức để tạo nên một bản sắc dân tộc đẹp đẽ, thể hiện trong chiếc áo dài, quần dài của phụ nữ VN ngày nay.

CHIẾC ÁO DÀI THỜI XƯA

Chiếc áo dài phát xuất từ chiếc áo của các vương tôn tiểu thư. Thân áo rất rộng nhưng bề dài lại ngắn, thường chỉ phủ đến đầu gối. Cổ áo có đường viền xếp chéo trước cổ, hàng nút ở một bên, phía dưới nách. Hai tay áo rất rộng và dài phủ kín cả đôi tay; mỗi lần muốn cầm vật gì (như chiếc quạt chẳng hạn) phải co tay lại cho tay áo trượt xuống. Chiếc quần cũng rất rộng phủ kín cả bàn chân. Phụ thêm vào chiếc áo dài, ở miền Trung và miền Bắc, các cô gái vương giả hoặc nhà giàu, đều mang thêm khăn quàng cổ đủ loại đủ màu, thắt lưng dề dẹt tiền, dẹt trâu, gói thuốc.

Các bộ võ phục của các nữ tướng nữ hiệp cũng là chiếc áo dài nhưng có thể ngắn hơn, hai tay áo cũng như hai ống quần túm lại cho gọn gàng. Người con gái vận võ phục còn phải bó quần, mang giày ủng, đầu tóc vấn kỹ và có khăn bao kín, thắt nơ phủ xuống hai tai, lại còn quàng lên lưng một tấm vải màu rất đẹp, mỗi khi phi ngựa hoặc dùng thuật khinh công bay nhảy, tấm áo chòng bay phất phới, trông thần pháp thật đẹp.

Trước năm 1934, khi chưa có kiểu áo «lemur» do ông Nguyễn Cát Tường đề xướng ở Hà Nội, phụ nữ Việt Nam mặc chiếc áo dài với thân áo ngắn, vừa ngang đầu gối thôi. Thân áo phải có đường may ở giữa, không có đường chít để lấy eo và bó sát bụng, ngực như bây giờ.

Phụ nữ lúc bấy giờ mặc áo dài cũng thướt tha lơi là nhưng vẫn còn thụng thính, những đường cong tuyệt mỹ đâu đã được phô diễn đúng mức, hơn nữa, bên trong áo dài

bao giờ cũng có áo cụt áo lót rồi đến chiếc yếm. Người ta chiêm ngưỡng vẻ đẹp người phụ nữ hồi đó qua gương mặt, dáng đi, nụ cười lời nói, nhưng nói vậy không phải phủ nhận giá trị của y phục. Chiếc áo dài tuy chưa bó sát thân hình chưa phô bày cái non nớt, hấp dẫn của thân hình

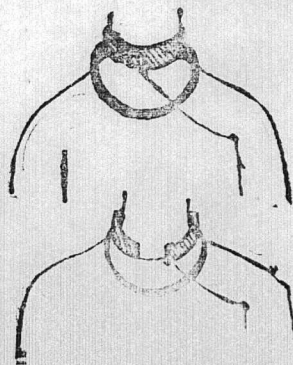


phụ nữ như bây giờ, người ta vẫn công nhận cái đẹp tha thướt, cao nhã, e ấp của chiếc áo dài.

Cổ áo thời bấy giờ dù có kín hay có hở, vẫn là cổ áo vừa vừa, khoảng 1 phần rưỡi trở xuống, vừa đủ cho chiếc khăn vàng bao quanh 1 cách duyên dáng.

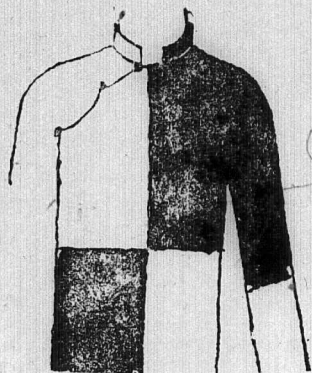
Giai đoạn này, tay áo đã thu hẹp lại, bó sát hai tay và để bay mất cả tay — quan niệm về thẩm mỹ đã hơi khác thời xưa, đa thật đã phô bày nhiều hơn và chiếc áo đã bớt rộng, để dần dần bó sát vào người.

Ở miền Trung, nhất là tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế, còn có chiếc áo nổi hai màu chéo nhau, thường là màu nâu đậm và màu trắng hoặc màu trắng màu đen, các cô gái bình dân mặc vào trông rất duyên dáng và có vẻ thanh bần, cần kiệm.



ÁO «LEMUR» VÀ ÔNG NGUYỄN-CÁT-TƯỜNG Ở HÀ-NỘI

Năm 1934, dùng một cái, cái tên ông họa sĩ «Lemur» bỗng được nhắc nhở đến ở VN. và họa sĩ VN, ông Nguyễn-Cát-Tường ở Hà-Nội đã «lancer» một mới cho y phục phụ nữ. Chiếc áo dài bay bướm hơn — hai vạt áo dài hẳn xuống, phủ kín lại quần. Thân áo tha thướt, đoạn cả



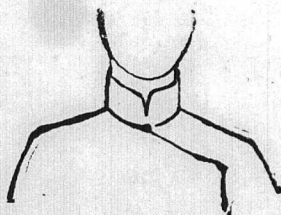
đôi, cổ, vai...

Cổ áo dài, từ khi còn ngắn cỡ 1 tấc rưỡi trở xuống, rồi mất đi với kiểu Lemur, bỗng tái xuất hiện và cao hẳn lên, trông như cổ áo của những hiệp sĩ Trung Hoa thời xưa. Tay áo thật chặt và ngắn hơn nhiều, có nhiều cô may tay ngắn lên nửa cánh tay, ý hẳn để khoe «cổ tay em trắng như ngà» cho các chàng trai chiêm ngưỡng. Đường lai áo cũng có một thời rất rộng (to bằng) nhưng dần dần lại nhỏ dần.

Đi song song với chiếc áo dài càng ngày càng bó sát lấy tấm thân người đẹp, chiếc quần dài cũng «thi đua» không kém, ống đang rộng thùng thình từ 20 đến 25 phân, bỗng rút lại còn từ 15 đến 17 phân hoặc bó sát hẳn vào ống chân không có 1 khoảng hở... chiếc quần dài thật có sức hấp dẫn ghê gớm nếu đó là loại quần sa tanh láng mượt hoặc loại hàng thật mỏng.

Chiếc áo dài bó sát thân hình với hai tà áo lơ lửng bay trong gió, để lộ chiếc mỏng, cặp đùi nõn nà, mơn mớn thì thật không còn gì kêu gọi và đẹp để cho bằng. Xin các nhà đạo đức hãy bình tâm. Tôi không vì nhan danh cho phải đẹp mà «tự tôn» lấy nhau nhưng quả thật áo dài và quần dài của phụ nữ VN qua các thời đại, đến bây giờ, thật là thứ y phục thích hợp với phụ nữ Á Đông, vừa đẹp để kêu gọi, vừa ế ập kín đáo.

Kiểu Áo Lemur Du Xuân



ngắn cũn cỡn, áo cụt như đàn ông; hoặc mất mỹ thuật hơn nữa là loại quần áo «thun» của Mỹ mà phụ nữ ta mặc vào trông nó kêu gọi thú tính lắm, chẳng có cái chất thuần thục, dịu dàng cần thiết cho nữ tính Á-Đông. Những bà béo mập mà mặc đồ thun Mỹ thì nổi xin lỗi, trông chẳng khác gì những con heo bị cạo hết lông. Vừa trơ trẽn, vừa mất hết vẻ cao sang, thanh nhã.

Tôi hình dung ra những thăng cảnh VN như Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Trúc Bạch, cầu Thê-Húc, đền Ngọc-Sơn; làng rằm Huế; hồ Trích-Tám, cầu Tràng-Tiền, các chuyến đi ngang trên sông Hương, các cảnh chùa Linh-mụ, Từ-Hiếu... cho đến bờ sông Saigon, Thảo-cầm-viên, xa lộ... v.v... những nơi đó hiện lên những tà áo dài đủ màu đủ sắc, phất phới tung bay, những dáng đi uyển chuyển, thuần thục, những nụ cười nở như hoa tươi, thì thật là non sông gấm vóc, người người gấm hoa.

THANH CHÂU

TIỆM CƠN CHAY

Vạn-Phật-Duyên

15, Đại-Lộ Đồng Khánh

CHOLON

Tiệm cơm chay

THÁI-CĂN-HƯƠNG

174, Đường Nguyễn-thiện-Thuyết-SAIGON

BON HIỆU ĐẶC BIỆT

BÁNH TRUNG THU

Do người chuyên môn
dành nhiệm các món chay

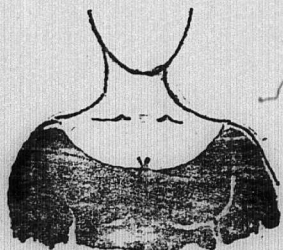
BÁNH BAO CHAY — CHÁO MÌ CHAY

CƠM CHAY — TIỆC LỚN HAY NHỎ

CÁC THỨ BÁNH CHAY

ĐỒ NGON LẠI RẺ

QUI VỊ CHIẾU CỐ ĐẶC-BIỆT
HOAN-NGHÊNH



của thân thể đàn bà. Người thợ may đã tìm cách làm nổi bật những đường cong của phụ nữ và người phụ nữ, trước làn sóng mới mẻ, phóng túng của văn hóa Âu Tây, cũng thấy cần phải phô bày ra những «bầu bĩnh» của mình như mộng, ngực,

Tôi không nói đến kiểu áo dài «phi nghệ thuật» chỉ cốt phô bày xác thịt như kiểu áo bà Nhu, mà bây giờ, có cô đã đi xa hơn, để cổ áo hở quá rộng, đưa cả nửa phần bộ ngực ra trước con mắt mọi người; như vậy, sức hấp dẫn và kêu gọi tà tâm thì có nhưng về mặt quy tắc của mỹ thuật, của sự phối hợp (règle de composition) thì thật hỏng. Nếu muốn phô bày ngực lưng thì hãy vận y phục như phụ nữ Tây phương.

Còn chiếc áo dài của phụ-nữ VN nó phải cân đối, từ hai tà áo khép kín toàn thân, từ cái cổ áo vừa phải, trông xuống toàn bộ ngực, vòng eo cho đến đôi chân song song ần hiện, tất cả như một sự hòa hợp khéo léo của hai tính chất: kín đáo và biểu hiện. Chiếc váy đầm hay chiếc «rôp» của Tây phương, nếu là loại hàng dày, có thể người ta không thấy rõ nét đẹp của thể xác đàn bà, những bộ áo quần dài của VN may thật khéo, với dáng đi uyển chuyển của giai nhân, từ xa, người ta đã thấy:

«Rõ ràng trong ngọc trắng ngà

Dày dày sẵn đủ một Tỏa Thiên nhiên».

Đến đây, tôi cần đề cập đến lối y-phục của phụ nữ VN bây giờ đang bị ảnh hưởng lối ăn mặc của người phụ nữ Mỹ. Đó là loại quần áo «cao bồi», quần bó sát người,

Mùa Xuân Cây Cối và Quê Hương



★ KIÊM-MINH

Nếu nghĩ rằng con người và cây cối trên một xứ sở có cuộc sống gần liền như thi chiến tranh Việt-Nam bao năm qua đã làm gãy đổ rất nhiều cuộc sống gần liền đó.

Chúng ta đã thấy rõ là cây cối và con người hai bên, tự ngàn đời đã sống nhờ nhau và cho nhau. Có phải không, lúa ngoài đồng là do người cấy dễ rồi vào mùa gặt, lúa lại cho người sự ấm no yên vui? Lúa cho những bữa cơm gia đình đầy nụ cười, làm dựng nên những mái nhà mà dưới đó hạnh phúc đã nảy nở, tỏa rộng.

Ồi, những cánh đồng trên quê hương Việt Nam và các lũy tre, những bức tranh quen thuộc nhất của xứ sở! Có phải không, hễ những cánh đồng lúa mà bình yên, hễ các lũy tre mà tươi mát vui đùa trong gió quê hương thì đó là quê hương mình không khổ, không đau, quê hương mình hạnh phúc.

Cây cối và quê hương, chuyện đó nói mãi vẫn còn. Cây cối mang theo chúng nhiều tình tự dân tộc. Đó là nơi để cho những làn gió quê hương tới thì thầm, là nơi để chim chóc quê hương chuyền cành, ca hát làm tổ.

Chuyện cây cối trong vườn và thời ấu thơ của chúng ta là chuyện đầy thân thiện và mang nhiều ý nghĩa, mang nhiều sức sống dân tộc. Thật là điều quá xúc động, khi vào thời ấu thơ, nghe tổ phụ mình, trong mùa xuân, với cái đầu tóc bạc nổi giữa màu xanh của lá và của trời, đã chỉ vào một cái cây cao, sum sê cành lá trong vườn mà nói: « Đây là cái cây mà cổ đã trồng, hồi xưa khi ông còn nhỏ; ông thường phá bẻ cách ngắt lá của cây non mà chơi. Còn nhỏ ông đâu biết gì, ông đã phá phách một cách dại dột. Cho nên cổ đã la mắng, rồi, để bảo vệ cho cây, cổ đã rào cây lại.

Trên quê hương mấy ngàn năm lịch sử đầy chuyện đau thương và anh hùng này, triệu triệu cây cối đã được trồng lên, thế hệ nào cũng có, vì lý do sự sống, lý do tình yêu. Những cây đó, với cành, với lá, với hoa và trái của chúng đã nuôi ta lớn lên, cho ta máu, cho ta xương và cho ta hồn.

Nằm trong vườn, hay bước thơ thân trong đó vào những ngày quê hương bình yên, ta thấy cây cối như là người; họ không biết nói nhưng kỳ diệu thay, đã giúp cho ta tìm ra những ngôn ngữ tuyệt vời. Họ như là không biết yêu, nhưng thực sự đã biết yêu rất nhiều: Nếu không biết yêu thì sao cây cối lại biết chào đón mùa xuân bằng cành non lá mới, hoa tươi? Sao từ hoa lại sinh ra trái? Sao cây cối họ biết thì thầm, sao họ

tỏa hương thơm? Và sao họ biết bao bọc ta, che chở ta?

Bởi cây cối đã yêu thương con người như vậy cho nên con người đã yêu thương cây cối bao nhiêu! Có nhiều người suốt đời đã quyết không đốn một cây trong vườn, dù cái cây đó đã choáng một khoảng cần thiết của khu vườn họ khiến họ không thể nói rộng thêm ngôi nhà. Bởi vì cái cây đó có nhiều kỷ niệm với họ, đã cho họ rất nhiều tình yêu: hồi họ còn thơ ấu, cây đã ru họ ngủ, cây đã thấy họ lớn lên, đã cho họ bóng mát, chỗ dựa, và đến lúc họ trưởng thành, cây đã đánh dấu nhiều mùa xuân tươi đẹp trong đời họ, đã nhắc nhở với họ những mùa hạ, mùa thu, mùa đông mà qua đó họ đã vui, đã buồn, đã thành công và thất bại.

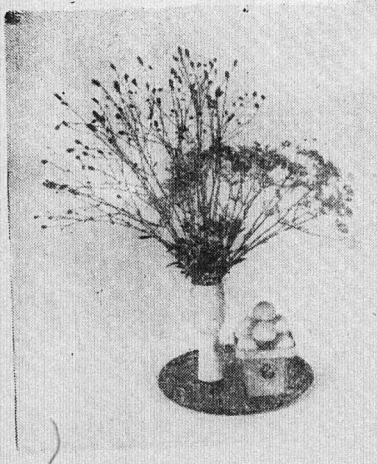
Cây cối ơi! cây cối đã dự phần rất lớn trong sự nuôi dưỡng con người về cả hai mặt vật chất và tinh thần. Cây cối đã cho hoa, cho trái: trái làm no lòng, hoa làm no hồn, no trí.

Những trái măng cụt, sầu riêng, vú sữa, những trái xoài, trái bưởi, thanh trà, chanh, cam, quýt làm ngọt lưỡi thơm hồn. Và những trái cau thì làm nhớ đến mùa đám cưới! Ồi, những trái cau cùng với những ngọn trầu làm nhớ chuyện tình thì vị nhưng buồn, buồn mà vẫn có ánh sáng. Đó là cái ánh sáng tình yêu thương.

Cái chết trong chuyện tình này là cái chết trọn nghĩa trọn tình. Có nhiều trường hợp mà nhiều người phải tìm cái chết, chết để cho tình yêu thương được sống đời đời, cho cả dân tộc thấy được hạnh phúc, và ý nghĩa của nó.

Tình dân tộc tôi đẹp quá trong chuyện tích trầu cau. Trong chuyện tích này, cả hai anh em và người yêu của họ đều chết, nhưng mà tôi nghĩ là họ vẫn còn sống mãi nơi hình bóng cây cau có cây trầu leo nơi thân với tất cả gần bó, vẫn còn sống mãi nối chút với hồng với trắng nồng cay.

Dân tộc tôi rất kỳ những chuyện gì mà kết cuộc chưa điều tan vỡ, sự chết chóc, ấy thế mà dân tộc tôi đã lấy trầu cau làm đồ sinh lễ.



Cái chết, cái không khí bi đát trong chuyện trầu cau là không thể tránh được, sự thế nó phải như thế; Và điều đẹp để là dân tộc tôi đã tìm thấy ý nghĩa tình yêu thương trong sự thế đó.

Có nhiều cái sống là cái chết và có nhiều cái chết đẹp quá để trở thành ý nghĩ cho sự sống. Chắc chắn rằng dân tộc tôi đã nghĩ thế nên mới dùng những liếp trầu và những buồng cau và với hồng trắng để làm những vật, mở đầu cho mọi câu chuyện có tính cách nghi lễ. Điều ý nghĩa nhất có lẽ là sự có mặt

hai loài thảo mộc cau trầu trong những đám cưới. Sự có mặt đó như muốn nói lên với các đôi lứa rằng: hãy yêu nhau trong cõi sống và trong cõi chết, hãy yêu nhau bằng tất cả tấm lòng chung thủy, hãy yêu nhau để trải qua những chớp bề mưa nguồn của thiên nhiên và của đời cuộc đời, hãy yêu nhau, coi thường mọi trắc trở, chướng ngại, yêu trong sum vầy và yêu cả trong ly tán.

Chính trong cái tình dân tộc đó mà Việt-Nam mới có những người mẹ, người chị biết dâng cả tấm thân mình để che mưa đỡ nắng cho con cho em mình.

Thật là nao nao lòng khi nghĩ đến cái lưng của các người mẹ cúi xuống trên luống cày, vườn cà, cúi xuống để tìm trong đó một bát canh nghèo nhưng đầy tình thương cho chồng, cho con. Những bát canh đó thơm mùi vị quê hương làm sao. Mùi thơm đó chính đã làm thành sức mạnh cho quê hương ta, dân tộc ta.

Thảo mộc Việt-nam ơi! đất nước ta nghèo cho nên các người đã biết tìm cách lên mau, và nhờ đó mà các người đã nuôi sống cả một dân tộc. Cây cối trên rừng cho gỗ, cây cối đồng bằng, châu thổ cho lúa cho bắp, những cánh đồng cỏ cho hoa đại và hoa đại cũng đã nuôi tâm hồn chúng ta chờ đợi phải là không.

Nhớ ngày tuổi nhỏ, trên các cánh đồng quê, đi tìm những bông hoa dại, đứng nhìn hoa hồ người (cũng có cái tên rất thơ rất mộng là hoa trinh nữ) vừa ngạc nhiên mà thú vị.

Ồi quê hương ta, nhiều bông hoa tuyệt diệu tuyệt vời!

Ài không biết trên những núi đồi, trên những vùng hoang dại gần miền núi, có cây sim với hoa tím, cái màu tím nổi lên được tất cả cái buồn cái thơ, cái mộng của núi vắng đời hoang? Trái sim ăn ngọt mát và thơm. Trái sim thì nhỏ, nhưng vì dân tộc tôi, có người đi tìm người thương nơi núi vắng đời hoang, mãi lo về chuyện đi tìm cho ra người thương nên chỉ « ăn có một nửa trái » mà thôi. « Đồi lang ăn nửa trái sim, uống lưng bát nước đi tìm người thương ».

Hồi trái sim nhỏ yếu đuối, mà ấu thơ, ta đã hái ăn mỗi lần lên chơi núi, ta biết sim không buồn về việc ta ăn sim, bởi vì khi ta ăn sim là sim trở thành tâm hồn ta, và sống mãi sống mãi cho đến nay. Sim đã thành thơ, thành lời văn của ta hôm nay.

Ồi thảo mộc quê hương, các người có biết không, các người đã cho chúng ta máu và cho chúng ta hồn, biết ơn và yêu các người mãi mãi.

Nghĩ đến các người rất nhiều, này! đang nghĩ đến những giàn hoa thiên lý — mùi hương của hoa thiên lý là mùi hương của tình yêu hiện dụ của hạnh phúc êm đềm! Các bà mẹ, các bà chị Việt-Nam với hoa này đã tạo ra một món ăn mà cả thế giới không đâu có được. Ồi bát canh bông lý cho chồng, cho anh, cho con cho cháu, bát canh bông lý đậm đà tình cảm có mùi thơm của quýt luyền, sum vầy, hạnh phúc, mùi thơm kỳ diệu, mùi thơm Việt Nam! Và này nữa: bông lai, bông soai, thơm ngào ngạt về đêm, mùi thơm đó, mùi thơm tình ái nồng nàn. Và này nữa là bông bưởi, mà mùi hương quýt cùng với mùi hương mùa lúa chín báo cho biết đồng quê đang đi vào hạnh phúc, tình yêu.

Và này nữa, hoa sen: Ồi hoa sen nổi lên sự tinh tấn, sự sạch sẽ tâm hồn, nói lên cái chí của người đạo hạnh quân tử.

Trong đầm gì đẹp bằng sen, lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng, nhị vàng bông trắng lá xanh, gợn bần mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Nói đến bông sen thì nghĩ đến đường lên chùa và sân chùa. cả đường mà ta đi qua và sân mà ta bước vào đều đầy những cây cối thân yêu, dương liễu, thông, tò đề, bông sir.

(xem tiếp trang 36)

TỜ CHỈ KHA gốc người Chi-Na quốc, sinh trưởng trong một gia đình quyền quý. Song thân đều theo đạo Phật, tin - thành ăn ở theo giáo pháp của đức Thế-Tôn.

Lúc sinh hạ ngài, bà mẹ nằm mộng thấy một con chim hạc bay từ non Nam lại. Không hiểu điềm gì. Chỉ thấy đứa trẻ sinh ra, mày thành mắt sáng, rõ ràng là một «áng tinh hoa».

Ấu thời của tở Chỉ-Khả có thể nói là một thiên giai-thoại thần-tiên. Ngài lớn lên trong tiếng tụng kinh êm êm vỗ về giấc ngủ, trong ánh hình chữ Phật và trong mùi thơm dịu dàng của bông sen, bông sú.

Bà mẹ, một tin nữ thuần thành, thường dắt con trai lên chùa lễ Phật. Tuổi thơ của ngài, vì thế, đã làm quen với vẻ mẫu nhiệm của thiên môn.

Năm lên bảy tuổi, một giấc chiêm bao kỳ lạ đã đến với ngài.

Một buổi trời gần sáng, vào giờ hoa sen, nờ, ngài nằm mộng thấy một cảnh tượng lạ lùng. Một con thuyền đưa ngài vượt muôn dặm trùng khơi đến một bờ biển lạ. Thuyền đỗ bên — ngài lên bờ — và đi tới một chỗ non xanh nước biếc. Ở đây một cuội đất bình nguyên hiện ra giữa bốn bề là núi, là sông, là cát trắng. Trước mặt, làm tiền án, là một dãy núi xuân xanh biếc, hình dáng như quả chuông, trái mỏ, sau lưng, làm hậu chẩm, là ba khe nước trong leo lẻo, hợp lại một giòng. Diêm chuyết cảnh này, là một đồng sông lưng lờ uốn lượn, đôi bờ hoa cỏ tốt tươi, và là một giải cát trắng bao la trải dài ven sông, nối tiếp với chân một ngọn núi của một dãy núi dài từ muôn xa chấp chúng đồ lại.

Giữa cảnh thiên nhiên ấy, trên cuộc đất bình nguyên vừa kể, tở Chỉ-Khả — cậu bé Chỉ-Khả — nhìn thấy hiện hiện một ngôi chùa kiến-túc trang-nghiêm. Và trước sân chùa, cậu bé nhìn thấy hình bóng một vị thiên-sư — mà là lưng thay, trong giấc mộng, thân thức cậu bé lại nhận biết đây là mình!

CÁNH HẠC NON NAM

★ Bài của Hòa-Thượng THÍCH-TRÍ-THÚ

Vang, cậu bé Chỉ-Khả, năm lên bảy, đã nằm mộng thấy một vị thiên-sư hiện ra trong một ngôi chùa giữa một cảnh trời mây trắng lờ, mà vị thiên-sư ấy lại chính là mình!

Từ ấy, cậu bé người Chi-Na quốc, quyết chí đi tu.

Cậu bèn thừa tâm nguyện mình với mẹ cha. Nhưng song thân cậu, vốn ước ao được

thấy cậu mai sau sẽ là người con thừa tự, đã cương quyết chối từ. Cậu bé không muốn làm buồn lòng mẹ cha, đành tạm thời ăn nhón. Tuy nhiên, cậu cũng cố xin song thân cho được hàng ngày đến ngôi chùa địa-phương để học đạo cùng nhà sư ở đấy.

Cậu bé chuyên cần tu-học được hai năm. Trong hai năm ấy, chẳng biết sự tu học của cậu bé đã diễn ra như thế nào. Chỉ biết là, tâm lòng nhiệt thành của cậu bé đối với sự nghiệp hoàng-dương chánh-pháp mỗi ngày một thêm mãnh liệt.

Và đến năm mười hai tuổi, vâng theo một tiếng gọi nhiệm mầu, cậu bé Chỉ-Na đã xin cha mẹ cho phép theo một đoàn thuyền buôn vượt bể đến phương Nam. Thuyền ghé cửa bể Thuận-Hóa (Việt-nam), và cậu bé đã lên bờ, lần vào kinh đô, tìm đến học đạo với thiên-sư Liễu Quán.

Chuyện kể ra thì đúng đi. Nhưng, thử tưởng tượng, với cái tuổi bé thơ lên mười mà cậu bé Chỉ-Khả dám rời bỏ gia - đình vượt muôn trùng biển cả để đến quê người tìm thấy học đạo: thử hỏi ai mà làm được thế, nếu không có một nguồn tín lực vô-biên?

Chuyện kể, khi gặp cậu bé Chi-Na, Ngài Liễu-Quán đã vô cùng cảm động. Thấy đã cảm lấy tay trẻ và đã nói «Thấy trẻ ta gặp nhau ầu là duyên kiếp trước». Chỉ có một câu ngắn ngủi, nhưng dường như đã nổi lên bao tình nghĩa sâu xa.

Từ ấy cậu bé Chi-Na được thiên-sư thế-độ cho pháp hiệu là Chỉ-Khả, pháp tự là Tánh-Tu. Quả thực, tên giống như pháp tự: từ khư Chi-Khả đúng là Tánh-Tu, đúng là Chỉ-Khả.

Chỉ-Khả theo học đạo với thiên-sư Liễu-Quán được gần mười năm. Trong mười năm ấy bước đường tham ngộ thực là phi thường, thực là vượt bậc. Bao nhiêu kinh sách, chỉ cần xem qua là hiểu ngay yếu nghĩa, chẳng khác nào như kiếp trước, sách và người đã quen nhau!

Một điều lạ nữa, là từ khư Chỉ-Khả, mặc dù là người xứ Chi-Na, nhưng dường như lại có duyên nhiều với nước Việt. Chẳng thế mà, tuy là người ngoại quốc, từ khư đã «hòa thông» với văn hóa Việt đề-dang. Về ngôn ngữ, không những từ khư đã nói và hiểu được tiếng Việt, mà còn nói và hiểu một cách lưu loát, sâu xa. Về cách sống, thì chẳng bao lâu, từ khư đã sống như người Việt, với tất cả những phong tục, tập quán thuần hương mĩ lệ của dân tộc này. Chuyện kể rằng, từ khư Chỉ-Khả rất ưa uống nước chè xanh, rất thích dùng cánh bông bìm.

Từ khư Chỉ-Khả sống «đời chân thầy» được gần mười năm, và một ngày kia, sau khi đã thọ giới để trở thành chính thức một vị từ khư ngài đã rời ngôi chùa của thầy, đi vân du hành đạo.

Một tiếng gọi huyền bí đã rủ bước chân nhà sư tiến về miền Bắc... Ngài đã theo đường bộ, vượt tỉnh Thừa Thiên đến tỉnh Quảng Trị và dừng bước nơi phương Phú-Xuân thuộc quận Hải Lăng. Nơi đây, ven bờ sông Vĩnh-Định, Ngài lập nên một thảo am.

Với đạo lực cao siêu, chỉ trong một khoảng thời gian chưa đầy hai năm, ngài đã hóa độ mười hai người Phật-tử, biến họ trở thành những tăng sĩ để phụng hành chánh pháp của Như-Lai.

Phương Phú-Xuân, nơi lập thảo am nói trên, tuy thế chưa phải là nơi tiện cho việc thanh tu. Phong cảnh dầu hữu tình, nhưng sự thế trung thị phồn hoa vẫn không hợp với tinh thần thiên quán. Vì vậy Ngài vẫn chỉ xem đây là nơi tạm trú, và trong lòng thường nghĩ đến việc dời cư.

Từ thảo am ở Phú-Xuân, Sư Chỉ-Khả, những khi rỗi việc, thường đi mất nhìn về phương mặt trời mọc. Nơi đây, nổi bậc giữa chân trời xanh thẳm, ngọn núi Mai-Linh vĩnh viễn hiện ra trước mắt như một nỗi niềm.

Một sáng mùa xuân nọ, Sư Chỉ-Khả lại lên



đường. Ngài lần theo ven sông Vĩnh-Định đi, mắt lấy ngọn núi kỳ gập gờn nơi trên làm mốc. Đi chừng mươi dặm, tới một ngã ba sông. Ngã đây là chỗ giáp của hai sông: Sông Vĩnh-Định và sông Thanh-Hàn. Sông Thanh-Hàn phát nguyên từ Mai-Linh, cuối thành phố Quảng-Trị, ngang làng Cổ-Thành, sông chảy làm hai, một tả, sông Việt-Hòa cũng đại dương; một tả về Vĩnh-Định, để làm sông Vĩnh-Định.

Tới ngã ba sông, lại men bờ Thanh-Hàn đi thêm một đôi Cốt chân, tự nhiên từ-phần phải mà đi như thế, dường như chẳng đến phương nào gì. Chỉ hay, tới giờ ngọ trưa hôm ấy, từ thảo am đã đặt gót lên đất làng Ai-Tử.

Làng Ai-Tử là ngôi làng đầu tiên trên cao đạo.

Mẹ bông con ra ngồi cầu Ai-Tử.

Làng Ai-Tử đứng như cao đạo để nói «có một cây cầu. Giờ ngọ trưa hôm ấy, sư Chỉ-Khả đã đứng nơi cầu ấy, dựa mặt ngắm sông khe.

Thuở xưa, cách đây ba thế kỷ, làng Ai-Tử còn là một nơi hoang vắng. Tuy gọi là thôn Mạc, nhưng phong quang còn thưa thớt và làm tẻ.

Sư Chỉ-Khả, như tiền đã nói, bình như cách đây ba thế kỷ, đã đứng nơi cầu Ai-Tử dựa mặt ngắm sông khe.

Trước mặt ngài là ba khe nước trong veo, chảy lượn lờ như ba dải lụa. Bên cạnh đất nơi là một gò đất lớn, trông dường như thế vào năm xa hơn, là những gò, những đồng nối tiếp với dãy Trường Sơn. Và nổi bật giữa ngọn núi là một «án» núi xanh xanh, tượng hình quả chuông trái mõ.

Vị thiên-sư đứng ngắm cảnh vật trong giây lát, chợt nghe xúc động tâm linh. Thì ra, cảnh núi sông này, chính là cảnh nơi sông Hư, ngài đã nhìn thấy mười lăm năm xưa trong giấc mộng!

Tức duyên đã tròn đầy, thử hỏi còn gì phải toan tính nữa? Thiên-sư Chỉ-Khả bèn dựng chân lên nơi «quê hương mới» — này là «củ» — và lập nên một chiếc am tranh.

Dựng xong, đặt tên am là Tịnh-Đồ.

Ở tu được một vài năm. Sau trong gi, mà hương xa nghìn dặm. Nhâm đời Vĩnh-Hựu nguyên niên, nhà vua nhân đi săn bắn, nghe phương danh ghé lại. Cảm vi đạo hạnh của Người, bèn sắc tứ cho am.

Từ ấy, Tịnh Tâm Am trở thành Tịnh Quang Tự.

(xem tiếp trang 57)

SA - MẠC MỞ RỘNG

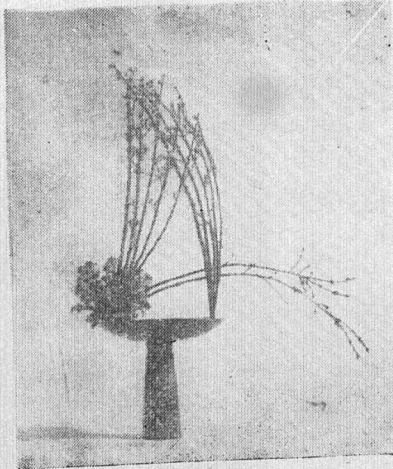
★ ★ ★ PHẠM-THIÊN-THU

TÔI đồng ý với các anh! Chúng ta cần phải làm cái gì cuộc sống hôm nay! Cho mảnh mặt trời héo úa trên quê hương này! Câu hỏi đó các anh đã đặt ra, mọi người đã đặt ra, và chúng tôi cũng đã từng nổi nóng với nhau khi vấn đề bị dồn đến vực tối hù vờ và bất lực cuối cùng. Nỗi nhục nhằn cảm nín ấy hẳn nhiên nó chưa bao giờ ngủ im trong chúng ta. Chúng ta không chạy trốn, mà chúng ta đang đến với nó thà trần truồng, không một chút ngại ngùng. Nó lớn lên với tuổi sống mọi người. Nó già nua với trí não mọi người. Nó gặm chúng ta từng lòng xương, mạch máu. Nói như thường: chúng ta, mỗi kẻ hãy nổi hồng rực rỡ chính mình! Ý niệm đó với tôi thì nhọc mệt quá đôi! Vì bỏ được trong chúng ta đã mục rã rồi! Lửa đã nguội lạnh! Tre nứa đã theo với cơn nước xa vời.

— Cuộc đời, thân phận chúng ta bị thảm đến thế sao? Hay chúng ta chỉ là những con bệnh tương? Nhiều khi Quyền nghĩ càng học lên cao, sa mạc càng mở rộng trước mình! Đôi khi lãng mạn, Quyền tưởng rằng: Minh đã hóa thân làm lạc đà từ bao giờ!

— Hoan hô! Ý kiến thật hay! Tôi xin góp ý với Quyền. Trước tiên, tôi cũng xin phép Thông đề mở một ngoặc đơn nhỏ nhỏ với cậu, nếu ý tưởng của tôi không được coi là chỉ nhánh của dòng thảo luận của các cậu đang tiếp nối tại đây, thì cũng xin được coi làm câu chuyện vui xen kẽ, có tính cách hài hước để thay đổi chút ít cảm quan cuộc nói chuyện chúng ta thêm hào hứng! Như vậy, cũng có nghĩa là câu chuyện kể chẳng hàm một ngụ từ nào, chẳng tư mang một giá trị gì hơn là một chuyện phiếm thể thôi. Mà đây là chuyện phiếm thì nó cũng đầy đủ tính chất của nó nghĩa là nó cũng chẳng có đầu đuôi xuôi ngược gì. Nó là chuyện vòng quanh đang nói con cá nó lại ra con cá, người nghe lại hiểu khác đi là con cá con cá. Vậy tóm lại câu chuyện này có thể là nó mang đủ cả vóc dáng bốn con vật. Và bây giờ tôi xin vào đề: Ngày xưa thuật trị dân cướp nước của cái thái thú Tàu tại xứ Giao-Châu chúng ta, là đem sách vở chữ nghĩa sang dâng cho một số tay sai tạo nên một sinh khí hoàn toàn tầu ngay trong cơ thể dân Giao-Chi. Đó là chính lược cao kiến nhất, nó được trăm tư rút ra từ mấy trăm ông thuật phiên loại thượng hảo hạng của mấy quân sư quạu mo. Chính vậy mà sách lược này nó cũng được chất thuật phiên và do đó ru ngủ dân Giao-Chi rất tài. Một khi nghiệp rồi, thì muốn gián nhân hiệu quả gì, thực chất vẫn là con cháu thiên tử cả. Nhưng trong cái họa nó lại thêm cái phúc! Số là các bậc thầy từ Thiên trúc qua, bao nhiêu kinh điển mang theo phiên dịch, giáo lý Bình Đẳng—Tứ Bi—Hỷ Xả của Phật tổ không thấm nổi thành đồng, vách sắt của cái trị Trung Hoa, nên cũng theo xuống phương Nam tìm nơi đất lành mà kết tổ, để sinh con đẻ cái. Người dân Giao Chi dưới sự hà khắc bất công của giai cấp khách lệ thống trị, nay gặp được ngọn gió mát thổi tới, nên mở cửa hứng đón trọn vẹn. Người trị thức đã dùng ngay cái văn tự xâm lược để nghiên cứu giáo lý Phật Tổ tìm lại cái chân thân của mình, cái nụ cười tự tại tron cơn lốc từ mê mị vọng. Tinh thần ấy đã tạo nên cái đặc chất “vô úy” vô ngại, vô trục, diệu hành, bởi bỏ thêm cái khi

ết quật cường của Dân - Tộc, để tạo nên lịch sử trường lừng. Thời đó có một thanh niên vì không muốn làm kiếp công lưng uốn cò với quan lớn quan nhỏ, co ro với con vợ, miếng cơm, nên một sớm đã trả mở tóc đen về cát bụi và quần áo giải thoát, nương theo tay chủ mặt trăng mà vượt bỏ mê ngộ. Nhà sư này sau khi mấy năm soi trăng đọc sách ở một gốc chùa. Ông vẫn chẳng hài lòng khi ngắm lại một vài đoạn kinh truyện đã đọc. Chàng lẽ bậc trí tuệ siêu việt như Thái-tử Cô-Đàm, mà mười chín tuổi vẫn chưa biết được thế nào là người già, người bệnh, và người chết để anh chàng Xa-Nặc phải dạy cho mới biết được. Hơn nữa, vì tư thái chung dung giải thoát của một du sĩ đạo Ba-La-Môn nơi cửa thành thứ tư, mới giác ngộ cho Ngài phát tâm giải thoát. Như vậy thì làm gì có Đạo Phật, Ngài theo thầy quách cho xong! Tất nhiên là đằng sau sự kiện này phải có cái gì ẩn dấu. Sự tình ấy hẳn như thế này: Thái tử là một người có tính thương và lượng. Ngài không thể ngồi yên hưởng phú quý vinh hiển trên sự bất công khổ ải của kiếp người. Ngài muốn mang lại công bằng bình



đẳng cho một xã hội bất bình đẳng; đem lại tình thương cho một nhân thể khô héo hận thù. Tinh thần chính trị này khiến cho vua cha Tịnh Phạn lo sợ. Một mai thành Xá Vệ dưới sự trị vì của Thái tử, tất nhiên quyền lợi, ưu thế của giai cấp thống trị và giáo sĩ không còn. Sự thay đổi sẽ gây nên cuộc tấn công của liên quân các lãnh Chúa lân bang. Trong đánh ra, ngoài đánh vào thì dòng Tịnh Phạn này còn gì? Chỉ bằng đem gái đẹp, vàng ngọc vinh hoa rực rỡ để nhốt cánh thần điêu một phương; kinh đã bén mồi, thì biến kia còn lo gì bảo tổ. Nhưng, Thái tử đã tìm mọi cách để vượt tháp ngà, tìm về bốn phương thành, đi sâu vào nỗi quân quai của khổ đau dục vọng. Ngài đã chất vấn các du sĩ Ba-La-Môn, và cuộc tiếp xúc này đã khiến ngài tỉnh ngộ. Bất công—Giai cấp—Bóc lột—khổ đau xã hội chỉ sinh ra từ một truyền thống tư tưởng sai lầm. Muốn giải thoát nỗi đau nhức này phải làm sao đập đổ trọn vẹn cả một kiến trúc tinh thần mê muội. Cho nên vô ngại đã tung sừng vào một đêm trăng

sáng để đem lại mặt trời muôn thủa cho đêm tối vô cùng.

Sự kiện trên bốn ngoại giáo và phong kiến đã cố tình xuyên tạc để tránh phương hại đến uy quyền thống trị của mình. Những suy tưởng niền man đó khiến nhà sư càng tin tưởng vào chánh pháp. Và vì này quyết tay nài gió đưa, tam tứ núi cũng trào, thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua tìm đường sang Tây-trúc để suy ngẫm tận cõi nguồn mội đạo. Sau bao nhiêu năm lếch thếch gió sương ông lần mò tới một ven bãi sa-mạc. Đứng trước những cồn cát mênh mang. Những cơn gió hú lạnh buốt. Những cỗ xương người rời rã tro vờ... Cái tôi nỗ lực của nhà sư càng đầy bao nhiêu thì sa mạc càng vô cùng để dọa bấy nhiêu. Khiến nhà sư phải vào mội thôn bên cạnh năn nã tìm phương cách.

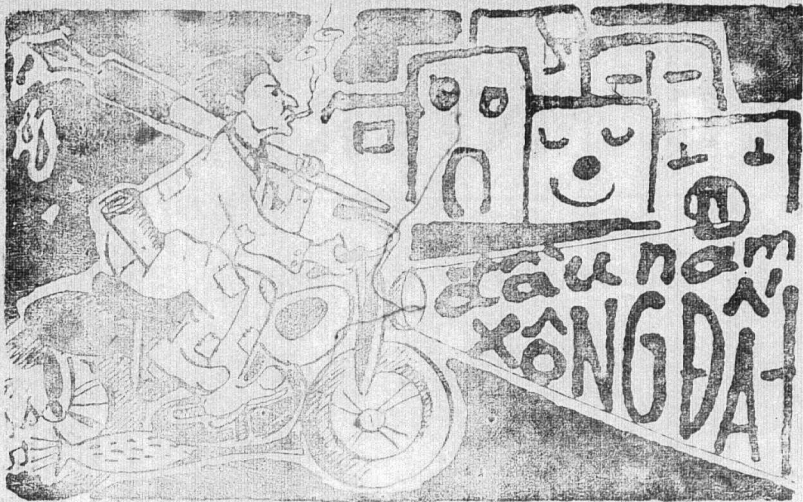
Ông xin tá túc tại nhà một phú ông trong thôn này. Thấy một nhà sư tuổi trẻ tài cao, hình dung cổ quái: Mũi sư tử—miệng rồng—trán cao—mắt phượng. Dáng đi như vách núi. Chỉ khi ngủ mới... Phú ông lấy làm thần phục. Nghĩ rằng người này hẳn cần có phi thường. Ông bèn giặt tặng nhà sư con lạc đà để vượt sa mạc thênh kinh. Con vật này ông mua lại của một bọn lái buôn Thiên-Trúc đã năm năm qua. Nó có đặc tính tự định hướng được lối đi, nếu nó đã đi qua một lần. Nền người ta dùng nó để vượt sa mạc, dù có bao nhiêu cuộc bão cát, làm lạc hướng mọi người cũng không thể làm mất dấu được con đường dưới chân nó. Hành khách cứ an tọa trên mình chẳng cần phải lo lắng gì. Nhà sư được biết đặc tính con thú, không còn lo lắng gì về con đường hun hút xương khô kia. Nhà sư bèn quỳn thêm lương thực, chất lên mình con vật và vào đêm trăng hôm đó. Ông quyết chia tay với Phú ông để lên đường cho mắt mẽ và trường niệm đêm trăng thái tử vượt sông tâm đạo.

Lưu giữ mãi không được. Phú ông bên gia lạc đã tiễn khách trên một đám mồi chia tay buổi trời trở về.

Vị sư cư an nhiên tọa thị trên mình Lạc đưng dung phong nguyệt, ông tin tưởng cứ dần hết số lương khô và nước mang theo là bước xuống bên kia đất Phật. Nghỉ đến ngày trở về mang theo trăm pho Kinh luận uyển áo, làm sáng cả một cõi Nam phương. nhà sư hứng chí, bản ngã bỏ ngo, lòng tự đắc lớn lên như trận hồng thủy ầm ầm, khiến cho con lạc đà gần như không mang nổi sức nặng tràn tức trên lưng. Thế rồi những ngày nắng thiêu tiếp theo những đêm lạnh cứng. Trải qua bao nhiêu cơn bão cát trùng vây... Số lương cạn dần mà đất Phật một ngày cứ xa thêm biến biệt. Nhà sư không còn nhớ được cuộc hành trình đã được bao nhiêu ngày. Pháp thân mỗi ngày một khô kiệt cùng với số dung tích nước trong bầu. Cho đến một đêm kia, ông ngủ thiếp lủn trên lưng lạc đà và mơ hồ như được ai đỡ xuống trên những nệm mây trắng phiêu bay...

Lần hồi nhà sư tỉnh dậy bàng hoàng! Phú ông đứng một bên với bầu nước mát. Ông mỉm cười: «Thưa Thầy! Thật là tôi không ngờ. Con Lạc đà nó mất nét quá! Có lẽ vì tôi nhốt nó lâu! Nên nó không làm việc theo cái chân, mà nó làm việc bằng cái đầu. Do đó, thay vì nó đưa thầy sang Tây-Trúc, theo lối đi mà chân nó đã từng bước đi. Nó lại đi theo cái đường trong đầu nó vạch ra để tìm kiếm bạn gái của nó trên sa

(xem tiếp trang 24)



PHẢI biết, đi xong đất đầu năm là một việc khó vô cùng. Nhất là đối với những người nặng bóng, nặng vía và đồng thời nhẹ danh, nhẹ thể như tôi. Chẳng thế mà đã hai mươi ba năm nay tôi từ chối cái việc đi xong đất. Hai mươi ba năm nay, cứ đến ngày mồng một là tôi ở nhà, ngồi lại kiểm một góc ống tre nào đấy mà nằm ngủ, đợi cho qua hết cái thời gian mấy khắc thiêng liêng năm mới (cái thời gian mà đồng loại tôi

đã gán cho một giá trị điểm triệu linh diệu đến kinh khủng), rồi thì sau đấy thì mới tùy theo ý thích mà có lộ mặt ra cùng năm mới năm mới hay chăng...

ẤY THẾ MÀ, một năm con gà này, người ta lại bắt tôi phải làm cái việc đi xong đất. Các bạn có biết danh từ người ta kinh khủng ấy là gì không? Xin thưa: thầy chủ nhiệm tuần báo An Lạc đây mà!

Số là vào buổi chiều

gần tắt văng theo tiếng gọi của cái gọi là tiền nhuận bút tôi đã tà tà dạo một vòng hành hương đến chùa Quan-thế Âm diện kiến thầy chủ nhiệm... Vừa gặp mặt thầy, chưa kịp chia tay làm cái việc mà bất cứ gã nhà văn nghèo nào cũng phải làm khi gặp ông chủ nhiệm, thì, nhanh như chớp, thầy đã xòe một bàn tay năm ngón ra thoa thoa giữa hư không mấy cái, đoạn rằng:

— Báo béc chưa xong, đã nghỉ

đến, đầu được!

Nghe thầy nói tôi hoảng kinh

— Bạch thầy, còn gì nữa à?

Bàí số xuân xong hết cả rồi mà? Mục gì cũng đủ... Nào là truyện ngắn, nào là tùy bút, nào là hoa nào là thơ... Đầu còn thiếu món gì?

Tôi càng sốt ruột muốn nghe, thầy chủ nhiệm càng dửng dưng dửng dưng

Anh nói không còn thiếu món gì?

Thế anh có biết câu thơ:
[hạt mỗ đưa hình cầu đối đỏ
Cây nên trần phảo bánh chưng xanh
hay không?

— Bạch thầy, biết thì có biết. Nhưng mấy cái vụ thịt mỗ đưa hành* chỉ chi đó thì có ăn như gì đến báo xuân An-lạc của mình đâu?

— Ấy, có chứ. Để tôi nói anh nghe: câu thơ ấy là tả về những món thuộc cổ tục của nước ta, những món mà ngày tết là phải có. Suy rộng, tờ báo của ta chẳng còn thiếu một món rất chi là cổ tục—chẳng khác nào "cầu đối đỏ, bánh chưng xanh"... Đó là cái món xong đất đầu năm?

Đoạn, như sấm như sét, thầy kết luận:

— Anh phải làm việc đó. Mồng một, tết anh phải đi xong đất quý tộc-gia-tọa, và các anh em văn hữu nhà mình.

Cung

Chúc

Tân

Xuân

TÂN-KIỆT Y-OAN

43, Bến Chương Dương SAIGON



Chủ-Nhân TÂN-CHEN



Hàng nhập cảng phim chiếu bóng
lớn nhất và có tiếng tại Việt-Nam

Kính chúc Quý Vị Khán giả một năm đầy tươi
sáng và hứa sẽ hiện quý vị những đại xuất phẩm
còn hay hơn những phim loại Ringo và Django
do hàng nhập cảng mà quý vị đã thường thực
trong năm qua.

Nghe lời thầy, tôi đã kính
hải càng thêm kính hải. Vội lập
báp thưa rằng :

— Xong vụ này rồi thì còn
tết nhứt vào đầu năm.

Nhưng thầy chủ-nhiệm giữ
vững lập trường như núi Thái-Sơn.
Thầy bảo thầy đã nhất định như
thế rồi, không còn thay đổi gì
nữa. Cuối cùng, tiền tôi ra ngõ,
thầy còn «khải thị diệu lý» bằng cách
ngắm cho tôi nghe một vần thơ :

*Đứng trước xuân tàn hoa rụng hết
Đem qua, sản trước, một nhành mai(?)*

Tôi cười nhàn nhó :

— Thầy thật tục thật.

— Đoàn «bay» với anh nhà một
tên bạn nhậu có biệt hiệu là Khâu.
Nghề ngoài hiệu là Bè Tha vạy
đó mấy đôn bánh tét, mấy gói trà
mứt về đón giao thừa, lấy sức lấy
hơi để sáng mai «đi» xông đất.

★

Tôi khôi hình từ sáng tinh
suong. Không khí của ngày nguyên-
đáng ở thành phố Saigon năm nay
có một cái gì đặc biệt... Nó vừa
phảng phất cái êm ấm ngọt ngào
của một hy vọng hòa bình, lại vừa
phảng phất cái tang tóc thể lương
của chiến tranh.

Tôi vừa suy nghĩ vẩn vơ về
«chiến tranh, hòa bình» vừa cho xe
chạy đến chùa Quan-Thế Âm để
xông đất trước.

Gặp thầy, bạo dạn nghiêm
chỉnh, thiền tướng ung dung, đang
ngồi tựa lưng trước bức tranh
bìa báo «XUÂN AN-LẠC». Bức
tranh chụp hai đứa bé Việt Nam,
một trai một gái, mình mặc áo cổ
truyền gấm xinh xắn đỏ in hình
chữ «chi» đang ngồi cười hân hờ
trước Phật đài. Tôi chào thầy,
đoan, thầy thấy có vẻ đang để
hồn trầm tư trong hình ảnh hai
đứa bé trong tranh, tôi lên tiếng
hỏi :

— Bạch thầy, đầu năm mới
thầy nghĩ gì mà lại nhìn bức tranh
«XUÂN AN-LẠC» một cách say
sưa thế a ?

— A, chào anh năm mới. Anh
không biết sao ? Tôi đang nghĩ đến
những đứa trẻ Việt-Nam... Ước
mong sao toàn thể chúng nó được
sống mãi giữa cảnh «trời xuân An-
lạc»... như hai trẻ trong tranh
này...

Ra là thế đấy. Báo xuân An-
Lạc in bức tranh hai đứa bé làm
bìa là để gợi «giêm giắc» «An-
lạc hòa bình cho trẻ thơ» của thầy
chủ-nhiệm. Hiểu ra ý thầy, tôi gật
gù tán thưởng :

— Vâng, giắc mơ đẹp thật.
Nhưng xin... phép thầy cho «phỏng
vấn» : thầy thấy thực hiện giấc mơ
ấy như thế nào ?

Thầy chủ nhiệm từ mắt nhìn tôi
— A ra anh đến đây để phỏng
vấn tôi đấy ! ngụy thật !
thế thì cả năm nay tôi «xúi quẩy
mất rồi !

Bạch thầy, làm sao mà xúi quẩy ?

— Thì anh phỏng vấn đầu năm là
cả năm nay tôi bị người ta phỏng vấn.
Chẳng xui là gì ? Không được, tôi
nhất định không trả lời đâu !

Tôi đòi chiến thuật :

— Thầy không trả lời câu phỏng
vấn thì thôi. Nhưng thầy có thể
trả lời câu hỏi đạo lý không a ?

— Được câu hỏi đạo lý thì
được !

— Thế thì, xin thầy cho biết
cái đạo lý làm cho trẻ thơ được
sống trong cảnh an lạc hòa bình ?

— Ừ hử, thì ra anh lại phỏng
vấn tôi... dưới hình thức khác...
Nhưng tôi được, tôi trả lời anh ;
muốn cho trẻ thơ được sống trong
cảnh an lạc hòa bình thì người lớn
phải tu cho thành trẻ thơ ?

Thầy bỏ mặt ngo ngắc của tôi,
thầy tiếp :

— Thôi, anh đừng hỏi nữa.
Vấn đề là tu chứng. Chứng anh
«chứng quả trẻ thơ» thì biết. Ngón
tử không cho «đạo» nổi đâu ?

Tôi khiếp quí, vội xin thầy
một gói kẹo «để chứng tỏ mình đã
chứng quả «trẻ thơ» một phần nào,
đoan chào thầy chủ nhiệm, lên xe
đi nữa.

Ta ta, xe qua ông Võ-Tanh,
ông Trương-tấn-Bửu, nhà thơ Yên
Đỗ các thứ, rồi đỗ nơi ngôi «Sư
Vạn Hạnh». Vào chùa Ấn Quang,
dâng cao ba bậc, gõ cửa phòng
Thượng tọa Viện Trưởng. Một vị
thiền sư, gương mặt từ bi như một
vị thiền sư, ra mở cửa. Không nói,
quy vị độc giả cũng biết vị thiền sư
ấy là Thượng tọa Thiện Hoa.

Sáng nay, mồng một đầu xuân
năm Kỷ Dậu, trong thượng tọa ra
chiêu hoàn hi, như có một niềm
vui vì điều trong tâm hậu Lợi dụng
lúc Thượng tọa đang vui về, tôi
«đi một đường» phỏng vấn :

Bạch Thượng tọa, xin Thượng
tọa cho biết chủ trương đường lối
của giáo Hội trong năm mới ?

Thượng tọa không trả lời...
ngài chỉ mỉm cười đưa tay chỉ ra
hiền, Tôi ngó theo tay ngài : ngoài
hiền, trong một chậu sứ màu xanh
nước biển, một cành trúc lá xanh
tươi bên một cành mai hoa vàng
rực rỡ. Thì ra đây là một chậu «trúc
mai» chậu cây đẹp thật, nhưng tôi
không hiểu ý nghĩa là gì, và có
nhập gì đến câu hỏi về chủ trương
đường lối của Giáo Hội mà tôi đã
nêu ra. Nên tôi vội hỏi tiếp :

— Bạch Thượng tọa, như thế
nghĩa là gì ?

Thượng tọa nhìn tôi, đôi mắt
cũng như cười. Hồi lâu ngài mới nói :

— Anh đã quên cả truyền thống
«truyền tâm ấn» rồi ư ?

Nghe Thượng tọa khiển trách,
tôi lạng cả xương sống. Vội đứng
dậy cung kính chúc mừng Thượng
tọa, «Giáo Hội và Đất Nước» một
câu... «mai trúc xem vậy», đoạn...
rút lui.

Ra khỏi phòng, nhìn sang dãy
lầu bên kia, đã thấy Thượng tọa
Tri-Quang — «gương mặt của Hòa
Bình», nói theo ngôn ngữ của ông

bạn Dạ Giao Đăng — đang «đứng
tựa lan can nhìn sang chính điện».
Mừng thầm trong bụng, tôi vội vào
luôn chín thành công lực đi một
đường «xuống thang lên thang» để
gặp con người khó gặp nhất trong
thiên hạ ấy.

Sáng mồng một năm nay hên
thật. Vừa gặp mặt tôi, Thượng
tọa Tri Quang đã cười vui vẻ mà
rằng :

— Năm mới đi mô sớm rứa ?

— Dạ, năm mới lên xông đất
Thượng tọa ?

Đôi mắt sáng như sao của
Thượng tọa nheo lại, như vui vui, như
buồn buồn. Và giọng ngài lơ lửng
như buồn buồn, như vui vui :

— Minh có đất mô mà xông
đất ?

Đoan, thấy tôi ngo ngắc, ngài
đưa tay nắm lấy tay áo tôi, kéo
lại gần ngài. Bàng tay kia, ngài chỉ
vào chính điện :

— Thôi bỏ cái chuyện xông
đất xông cát đi. Thầy cho anh coi
cái này, hay lắm !

Tôi theo tay ngài chỉ, nhìn vào
chính điện : một cảnh tượng lạ
lùng bùng ra trước mắt tôi. Một
«ngươi» phụ nữ Việt Nam y trang
kỷ dị, áo thụng bằng nhung đỏ
(đỏ nâu nâu chứ không phải đỏ
hồng nâu nâu) quần cũng bằng nhung
đỏ, trên đầu lại chụp một cái mũ
đỉnh thì nhọn hoắt vành thì che
kin cả gáy cả tai mà lại cũng bằng...
nhung đỏ.

Con người kỳ dị ấy đang đứng
quay mặt vào Phật đài, nghĩa là
đứng nghiêng mặt về phía tôi, nên
tôi không nhìn rõ mặt. Tuy nhiên,
bằng vào, bằng vóc, bằng vào tiếng
nói, tôi cũng có thể biết đây là
một phụ nữ Việt Nam.

Người phụ nữ ấy chẳng những
y trang kỳ dị mà cách lễ bái cũng
thực là kỳ dị. Bà ta đang đứng
trước Phật đài, dĩ nhiên là để lễ
Phật. Nhưng bà ta không hành lễ
theo cách thông thường (chắp tay,
cúi đầu, niệm Phật). Trái lại, đứng
thẳng trước Phật đài, con người
«vạn toàn nhung đỏ» ấy cung một
bàn tay lên trán, chào tượng Phật
theo kiểu nhà binh. Vừa cung tay
lên hạ tay xuống, chào lia lịa, bà
ta vừa cất cái giọng vừa thanh tao
vừa trầm bổng xướng lên Phật hiệu.
Nhưng cái điều kỳ dị nhất của
người phụ nữ kỳ dị này là những
Phật hiệu của bà ta... Số là những
Phật hiệu này thật là lạ tai, ý hẳn
do bà ta sáng tác và «mới xuất
bản lần đầu».

Những Phật hiệu ấy đại khái
như thế này.

— Nam mô Việt Nam Anh
Dũng Đại Thắng Vương Bồ Tát !

Nam mô Hòa Bình Tôn Phật !
(v.v.v...) tôi nghe bà ta tụng đọc một
hồi, chẳng hiểu mô tê gì ráo. Quang
sang Thượng tọa, thấy ngài đang
túm tít cười, tôi hỏi :

— Bạch Thượng tọa, bà này
chắc là «tà ma ngoại đạo» ?

(xem tiếp trang 21)

Cung Chúc Tân Xuân

HÀNG BUỒN GIẤY

LIÊN HƯNG

Số 94-96, Ngõ Quyền
SAIGON

Téléphone : 50.212

TRẦN VĂN SANH
COMPRADOR

Giao thiệp lịch duyệt
tận tâm phục-vụ khách hàng

BILLARDS

THANH-TÂM

Số 191-193 Đường Đê-Thám SAIGON

(Ngã tư sau rạp Nguyễn-văn-Hoài)

Sản xuất Bi-Đa Tây Bi-Đa Mỹ
bàn banh da, Ping-pong và bàn phụ-tùng

Nhận sửa bàn hư, cho mượn bàn Bi-Đa

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

BAN ÂM NHẠC
CỎ-ĐIỂN BẮC- VIỆT

Số 227, đường Cỏ-Lý - SAIGON

ĐO CỤ BÙI-VĂN-NHÂN TỨC
LÝ-PHÚ-NHUẬN SÁNG LẬP

— Với sự điều khiển của nhạc
Trưởng hội Bắc-Việt Phạm-hùng-Dịch.

— Với những nghệ-sĩ ưu tú đứng
dẫn tận tâm phục vụ cho thần chủ

— Với những bộ quốc phục màu lam,
trắng lịch sự đẹp mắt

— Với tiếng khò kèn bằng văn thơ
văn, chải chuốt hợp cảnh hợp lý và
hợp thời

— Với những bộ nhạc, Bát âm, Lâm
khôc, Giả nam, Trống ngũ, lời ca rùng
và các chi tiết tổ chức rước tế v.v..

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
POMPES FUNÉBRES
NHÀ ĐÒN

VĨNH - BỨC - THỌ

96, đường Trần Quang-Khải, 96
DAKAO - TÂN ĐỊNH - SAIGON

Điện thoại : 40.907

Chủ nhiệm : ĐỖ-VĂN-DU

Sở chuyên lãnh tổng táng — cho
mười đò Âm-Công Xe Tứ Mã (4
ngựa) kiệu mới — Xe Tang Đon
(Corbillard) Rạp Linh Xa kiệu đon
rồng Long Đình kiệu (Bát Cống)
(Hòm) Áo Quan : Đủ kiệu gồm đủ
các loại Danh Mộc. Nhận lo giấy tờ
chôn cất và bảo đảm Tổ-chức đám
tang, lễ nhạc làm theo cổ điển Bắc Việt
mọi công việc làm theo ý muốn của
gia chủ.

Sự Canh Tân Tôn Giáo

(tiếp theo trang 3)

người tu học chính pháp của Phật. Chính vì vậy mà Phật giáo không có giáo quyền quốc tế trung ương. Các tổ chức của Phật giáo thế giới hiện tại đã hoàn toàn áp dụng tinh thần tiến cử theo thể thức dân chủ. Phật giáo được coi như một đạo của những con người Tự-tư-tự-giác. Giáo hội chỉ là biểu tượng cho ý chí thống nhất phục vụ cuộc đời của những người cùng đi theo con đường Phật.

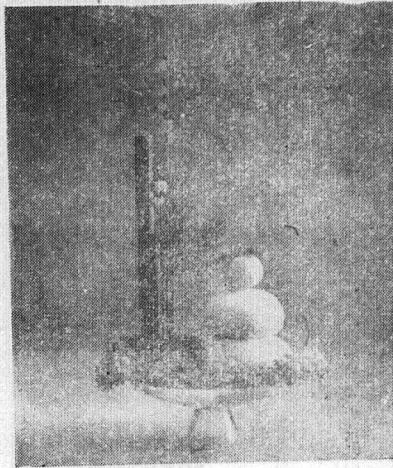
Thiên-chúa-giáo là một tôn giáo đã thoát đi từ Do-thái-giáo, bởi một cuộc đại cách mệnh tư tưởng của đức Jé-sus. Chính vì giáo chủ này đã nhận mình là ngôi hai của Thượng-đế, cùng tính cùng quyền phép với thượng đế, và ngài nhận nhân loại là huynh đệ với ngài cùng bình đẳng trước mặt thượng đế về nhục thể và, con người có linh hồn bất tử, Vượt lên trên những tín nhận cổ xưa của Do-thái giáo: con người hoàn toàn là vật thu tạo của của thượng-đế, xa cách với thượng-đế và không có sự vươn lên siêu-việt-giới. Đức Jé-sus là biểu hiện của sự trung gian giữa con người và thượng đế. Trong ngài có hai đặc tính: Thượng-đế-tính và Nhân-loại-tính. Thượng đế như vậy hoàn toàn gần cận con người. Con người cần phải sống thánh thiện để được vào nước hằng sống.

Vì tính cách thay đổi triệt để về nhận thức như trên, nên thiên-chúa-giáo đã phải hy sinh rất nhiều trong những ngày đầu truyền giáo. Khởi sự hy sinh của vị giáo chủ cho tới hầu hết các môn đệ lớn của ngài. Thiên-chúa-giáo đã phải rời bỏ quê hương của mình để tiến vào trung tâm Đế-Quốc La-mã để mở đạo. Sau nhiều trăm năm nằm bị cấm đoán cam go, Thiên-chúa-giáo đã có thời tiến lên làm chủ tinh thần cả đế quốc Lamã vĩ đại. Rồi bành trướng đạo của mình ra toàn cõi Âu châu và Địa-trung-hải. Trong cuộc truyền giáo này những nhà trí thức thiên-chúa-giáo, đã vận dụng tới các học thuyết Duy-lý Duy-tâm của văn minh Hy Lạp và rực rỡ vào thời Phục hưng Văn nghệ của Âu châu thế kỷ 15. Công cuộc phục hưng văn nghệ này là một cuộc kết hợp văn minh một cách toàn vẹn giữa tín lý thiên chúa giáo với hai nền văn minh Hy Lạp tạo ra một Âu châu sùng chói, đặt được nền tảng sơ khai cho công cuộc tiến lên xây dựng thể chế Dân chủ và Kỹ thuật cơ giới.

Trong cuộc hành trình truyền giáo cũ. Thiên chúa giáo, những cuộc phân phái đã phát hiện với sự tách lìa giữa Giáo hội Lamã và Thiên chúa giáo chính thống. Tiếp đến là giữa giáo hội Lamã với các phái hệ Tin lành giáo sau thời văn nghệ phục hưng. Tin lành giáo tạo ra nhiều tự do cho tín hữu, về vấn đề tư tưởng cũng như trong cuộc sống và giáo lễ, giáo quyền trung ương hầu như bỏ trống. Giáo hội được duy trì bởi « đức tin » của tín hữu và tận tụy của những nhà truyền giáo. Nhờ có những cuộc thường xuyên canh tân và phân phái của những người tiến bộ theo đức Jé-sus, nên phong trào Dân chủ Âu châu mới đủ điều kiện thành hình phát triển sớm nhất

trong lịch sử nhân loại.

Hồi giáo, sự xuất hiện của Hồi giáo tại các nước vùng Trung Đông được coi như một sự tổng hợp tôn giáo tại đây. Nền vị giáo chủ đạo này đã thực sự muốn kết hợp giữa đức tin Do thái giáo, tín lý Thiên chúa giáo, và các tôn giáo Duy thần của Ba tư để tạo ra một tôn giáo duy nhất cho các quốc gia Ả rập. Ngài đã thành công



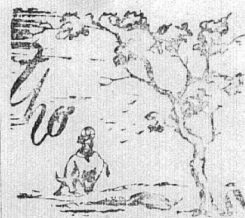
và Hồi giáo đã có thời là bá chủ từ Địa trung hải qua Trung Đông sang tới các nước Nam Á. Rồi tới đầu thế kỷ 19, tại Ba tư, đạo Baha'i xuất hiện với ý chí thống nhất nhân loại, và nhận con người tự tìm chân lý một cách độc lập. Tuy chỉ mới xuất hiện trên một thế kỷ, đạo Baha'i đã có mặt

tại nhiều quốc gia, và được đón nhận với tinh thần cởi mở, vì căn-bản của Đạo đặt trên sự tự-do của con người.

Đứng trước sức lấn lướt của thế lực vật chất, tinh thần con người đang bị giao động mãnh liệt hầu như không còn cách kháng cự lại với sức mạnh vật chất nữa. Nếu cứ đà đó thì sớm muộn gì nhân loại cũng sẽ bị tiêu diệt. Bởi có các tôn giáo là thế lực tiêu biểu cho tinh thần nhân loại, cần phải phá bỏ mọi thành kiến sai biệt, để cùng nhau nỗ lực nâng cao giá trị tinh thần của con người, tạo ra thế thặng bằng cần thiết cho thế giới, tạo ra tin tưởng cho con người, để con người vừa vững tâm kiến tạo cuộc sống vừa hướng vươn lên vĩnh cửu có như vậy chúng ta mới tìm thấy một cuộc sống tiến bộ và hòa bình đích thực.

Cũng chính nhận thức được vai trò trọng đại đối với nhân-loại, nên liên tiếp các kỳ Đại-hội Phật-giáo thế giới cũng đã nêu lên vấn đề trên. Và trong cộng đồng Vatican II giáo hội Thiên-chúa giáo cũng đã quyết định tương tự. Cụ thể là tại đây, hôm nay, sự hiện diện của các đại diện giáo hội cùng ngồi với nhau trong sự cảm thông chân thành, và tất cả chúng ta đều cùng muốn làm một việc gì đó, để nâng cao giá trị tinh thần của con người, nhằm chế ngự các thế lực vật chất và xáo trộn đang quyết liệt không cho chúng ta và nhân loại.

ĐỨC-NHUẬN



Quyện
Tơ
Lòng

Em quết ra đi thoát nqliệp trần
Đời em, em muốn vượt thng ng nhân
Em làm tu sĩ, làm tu sĩ!
Em giữ qui điều, sống độc thân!

Thầy em sư nữ cũng như em,
Cũng thịt xương và cang trái tim;
Ấp ủ tình người thương vạn loại,
Lấm lấm thoát tục sống êm êm.
Chùa em tuy dựng giữa thành đô,
Nhưng chẳng trang hoàng chẳng diêm tô.
Bóng cả tầng xanh che mái nhỏ,
Sớm chiều rộn rã tiếng « Nam Mô ».

Thầy dạy em thường tập giảng kinh,
Lời hay ý đẹp, diễn phân minh.
Thầy khen em có khoa ăn nói,

Để hiểu, mau nghe, lý hiệp tình.

Em lại thêm nghề dạy trẻ thơ.

Tuổi xanh như giấy trắng ngời co to

Lần le chiêm rợ hạnh tình mới.

Anh Sáng, Tình-Thương, cần ngọc cơ.

Thinh thoảng theo thầy bước viên phương.

Nhiều nghe, rộng hiểu học trăm đường.

Đồ lẩn quẩn sách không gian ấy,

Cánh, vật, người em lại mỗi trường.

Em quý yêu hoài xứ Việt-Nam,

Địa linh nhân kiệt phải đây phạm.

Chống xe chân châu từng dư sức,

Đệ nhất anh hùng tại thế gian.

Điều em mong ước suốt ngày đêm,

Tất cả cùng em hiệp bốn nguyên:

Tay bắt cầu thương qua biển khô,

Lưỡi khiên đèn huệ vệt trời đêm.

Hỡi anh, hỡi chị cõi định hoàn!

Chớ nhập mê hồn trận thế gian.

Quý-sư trá hình nài cháo lú,

Ma-vương biến tướng hiện đồng vàng.

Bị hợp hồn rồi kè chết luân,

Bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ quê hương.

Bỏ em gái nhỏ đang trâu mền,

Đái trận mê hồn giọt giọt tuôn!

THÍCH-NỮ HUỲNH-LIÊN

Đầu Năm Xông đất

(tiếp theo trang 19)

Chẳng ngờ Thượng tọa Tri Quang, cái con người được (hay là bị?) nổi danh là "yêu đạo Phật hơn chính thân mình" ấy, lại không đồng ý với tôi. "Chẳng thể mà" ngài đã chiều đôi mắt sáng "hơn đèn ló" nhìn thẳng vào mặt tôi, mà rằng:

— Anh nói sao? Cái gì mà ngoại đạo với "nội" đạo? Anh phải biết: trong đạo Phật, không có cái gì nhất thiết là ngoại, không có cái gì nhất thiết là nội. Vậy anh lấy bằng cớ chỉ mà nói người ta là tà mà ngoại đạo?

Tôi bị Thượng tọa xoay một hồi, hết còn phân biệt được tứ hướng, lục phương. Đành miễn cưỡng đứng im đóng vai "dựa cột mà nghe" vậy!

Y chừng tôi nghĩ cho cái ngoác của thông tôi Thượng tọa dụ động xuống mà, rằng:

— Đạo Phật là đạo Việt Nam, là đạo Hòa Bình. Vậy ai tôn thờ Việt Nam, tôn thờ Hòa Bình, người ấy là Phật tử. Anh rõ hay chưa? Rằng lại bảo người ta là tà mà ngoại đạo?

A, thì ra thế: ai yêu Việt Nam ai yêu Hòa Bình (mà yêu Việt Nam thì phải yêu Hòa Bình) là Phật tử rồi. Như vậy thì dễ lắm. Như vậy thì đạo Phật đúng là phổ môn rồi.

Tôi bèn nói:

— Bạch Thượng tọa, như vậy thì ai yêu Việt Nam, ai yêu Hòa Bình, chúng ta đều có thể coi như họ là Phật tử hết? Dù là người ngoại đạo, dù là người ngoại quốc?

Thượng tọa không đáp, chỉ gạt đầu. Đoạn, ngài kéo tôi vào phòng, đưa tay rút một nhánh hoa hồng cắm trong lọ, trao tôi:

— Năm mới thầy tặng anh nhánh hoa này đem về cho cháu nó chơi...

★

Gài nhánh hoa hồng lên ghi-dông của chiếc xe "cô lố", tôi tà tà chạy về Ngã Bảy, ghé chùa Giác Minh, vào "xông đất" Thượng tọa Đức-Nhuận. Thượng tọa Đức-Nhuận, các bạn biết chứ: đây là "một cây thêu" và đồng thời "một cây lý thuyết văn học" của "đạo Phật bây giờ". Thượng tọa, đồng thời, cũng là một "ngòi bút điểm chuyết" của tuần báo An-Lạc...

Vừa đến trước cửa phòng Thượng tọa, đã nghe văng vẳng có tiếng ngâm thơ:

Ta còn để lại gì không

Kìa non đá lở, này sóng cát bồi

Lang thang từ độ luận hồi

U minh nào trước, xa xôi dặm về...

Giọng ngâm thơ rì rì, nghe buồn đến não ruột.

Tôi ghé mắt nhìn vào thì thấy hai người gầy ốm, một vạm vỡ

tục, đang ngồi đối diện nhau. Trước mặt họ là một lò hương, một khay trà, và rất nhiều... thơ.

Cả hai vị đều mặc áo dài. Vị tăng sĩ thì mặc đạo bào màu nâu sẫm, vị "tục sĩ" thì mặc "chiếc áo the thâm". Cả hai vị, bên khay trà và lò hương, trông đều có một cái vẻ gì rất Việt Nam, rất cổ kính và rất tiêu dao. Thoảng trông, đã biết cái người vừa cất giọng ngâm mấy vần thơ "có để lại gì không" kia chính là vị mặc áo the thâm này.

Vừa thấy mặt tôi, vị tăng sĩ đã cười như một người Việt Nam cười và đưa tay ngoắt:

— Chào anh Bao-Bất-Động. Vao đây!

Đoạn vị tăng sĩ giới thiệu:

— Hai vị biết nhau rồi chứ? Đây là Bao-Bất-Động, người của Mộ-dung phải. Đây là thi sĩ Vũ-hoàng-Chương.

A, thì ra đây là Vũ-hoàng-Chương, nhà thơ của Rượu, của Dị-Hóa. (Còn vị tăng sĩ kia, không nói quý vị cũng biết đây là Thượng-tọa Đức-Nhuận rồi).

Một lúc gặp luôn cả hai nhà thơ, họ Bao tôi mừng vô kể. Bèn đi một đường phở ăn ngay:

— Thưa Thượng tọa, thưa Thi sĩ, năm mới Thượng tọa và Thi-sĩ nghĩ thế nào về tình hình đất nước?

Thượng tọa Đức-Nhuận trả lời:

— Tình hình đất nước thì dĩ nhiên mỗi ngày phải một thêm tốt đẹp. Cái đó là nằm trong quy luật "cùng tác biến, biến tác thông".

— Bạch Thượng tọa, nhưng cái cách làm cho đất nước thêm tốt đẹp của Phật giáo, theo ý Thượng tọa, là như thế nào?

— Cái cách đây là bỏ sở đoàn, theo sở trường.

Thấy tôi chưa hiểu, Thượng-tọa thêm:

— Sở trường của Phật giáo là văn hóa.

Gì chứ văn hóa thì tôi chịu quá. Bạo mỗ này chữ cũng là một "cây văn hóa" đấy ư?

Thỏa mãn rồi, tôi quay sang hỏi thi sĩ họ Vũ:

— Còn ý Thi sĩ thì thế nào đấy?

Thi sĩ họ Vũ đang ngồi nhìn những đọt khói trầm, như tâm hồn vào "dị hóa". Nghe tôi hỏi, ông ta giật mình một cái, như vừa tỉnh giấc mơ. Ông ta lên tiếng:

— Tiên sinh hỏi gì đấy?

Tôi lặp lại câu hỏi, đại khái là về tình hình đất nước. Vũ thi sĩ nghe xong, nhắm mắt lại, không đáp. Trông ông ta như đang nhập (xem tiếp trang sau)

Hãng

VIỆN ĐÔNG ĐIỆN ẢNH

26, Chiêu Anh Các — CHOLON

Chuyên nhập cảng những phim hay mà các bạn thường xem chiếu ở các rạp lớn Đô Thành nhất là hai rạp Palace và Opera

Chuyên làm phụ đề, chuyển âm, In rửa Phim. Studio SADACO của Hãng là một trong những Studio trang bị tối tân nhất Việt Nam.

Cung Chúc Tân Xuân

SHAW BROTHERS

Hãng nhập cảng phim chiếu bóng

Loại phim của Shaw không cần giới thiệu các bạn cũng biết là những phim hay nhất

208 Đại lộ Đông-Khánh CHOLON



Đ. T. 36.435



Mỹ - Văn Điện - Ảnh



— Chuyên sản xuất phim Việt-Nam.
Các bạn đã được xem một siêu phẩm V.N. lần đầu tiên được thực hiện của hãng Mỹ-Văn Điện ảnh là phim Từ Sài Gòn Đến Điện Biên Phủ.

— Chuyên nhập cảng các loại phim Kiểm hiệp và diễm tình Trung-Hoa mà các bạn thường được thưởng thức tại hai rạp Victory Lê-Ngọc Cholon và Khải-Hoàn Saigon.

Cung Chúc Tân Xuân

Hãng Nhập Cảng Phim

LIDO

Trụ - Sở tại Rạp EDEN
Đường Tự - Do SAIGON

— Chuyên nhập cảng loại phim Âu-Mỹ siêu đẳng

— Các bạn nhân dịp Tân Xuân muốn xem phim hay xin đến rạp Eden.

Hãng LIDO và Rạp EDEN

xin chúc các bạn

Một Năm Đầy Hạnh Phúc

Đầu Năm xông đất

(tiếp theo trang 21)

thiên vậy. Mỗi một lát sau, ông hồ hởi :
cất tiếng ngâm rằng :

Đi hết đường Gươm, sẽ
Đường Tơ cao thấp gió
Bên kia rừng biển, đường
Vượt đèo Thờ về đỉnh

Hiện nhiên Vũ thi sĩ ngâm bài thơ ấy là để trả lời câu hỏi về tình hình đất nước của tôi. Chỉ tiếc trí tôi thấp thôi, chẳng hiểu ý ông muốn nói gì ?

Xông đất Thượng tọa Đức-Nhuận — và dịp may, hạnh ngộ thi sĩ Vũ-hoàng-Chương — xong, tôi lên xe chạy về Viện Đại-Học Vạn-Hạnh. Ở cái «Chùa đất» này, có một «ông thi sĩ vàng» cũng kính khùng lắm : đây là thi sĩ Huyền-Không, bậc Thượng tọa Mãn-Giác khoa trường Phật khoa của Viện.

Tuy là thi sĩ, nhưng Thượng-tọa Mãn-Giác lại phương phi sung mãn vô cùng, trông chẳng khác nào như pho tượng đức Phật Di-Lặc vậy ! Nghe đồn, trong thời gian du học Nhật bản ; ngoài việc tiếp thụ văn hóa Phật tạng, Thượng tọa còn sở đắc được cả chân truyền của môn «Di-Lặc thân công» nữa. Chẳng thế mà trông Thượng tọa phảng phất thiên tướng phương phi của Đức Di-Lặc vô cùng ?

«Xông đất», «mừng tuổi» Thượng tọa xong, tôi lại đi một đường phóng vùn :

— Bạch Thượng tọa, chúng tôi thấy Thượng tọa cho đăng trong báo Xuân An-Lạc một truyện ngắn đề là «Tinh Trạng Nước». Ngoài cái phần văn chương diễm lệ, chúng tôi chưa được hiểu ý nghĩa là như thế nào ? Xin Thượng Tọa giải bày cho ?

Thượng tọa nhìn tôi, đôi mắt nhỏ mà sáng cười cười :

— Anh hỏi làm chi ? Đề đăng báo hả ?

Tôi chối dầy chối dầy :

— Dạ không, dạ không. Hồi chỉ để biết mà thôi !

Thượng tọa vẫn nhìn tôi và cất tiếng cười hề hề, nghe «khó chịu» và «khó hiểu» hết sức. Đoạn, bước tôi bên tủ, ông lấy ra một chiếc gương tròn, đưa lên ngang tầm mắt tôi và nói :

— Anh hãy nhìn vào trong gương — như «nhân vật trong truyện» đã nhìn vào trong gương. Và cũng như nhân vật trong truyện, anh sẽ thấy tất cả — trời xanh, mây trắng, ... luống cái, vườn rau..., tóm lại là tất cả tạo vật, tất cả «thế giới thân yêu» — hiện ra trong chiếc gương này. Anh có thể không nhìn trực diện ngoại cảnh : anh chỉ cần nhìn trong gương. ... Tâm cảnh này tròn trặn và sạch bụi. Và nó cũng giống như tâm hồn anh...

Ngừng một chút, Thượng tọa nói thêm, giọng thật nhẹ, thật mơ

— Đây cũng là diệu lý của nhà Phật đấy !

Tôi nghe, chẳng hiểu môt môt gì ráo. Nhưng, thật là khó hiểu, vẫn cảm thấy tâm thần, sau câu nói của Thượng tọa, có chiều khoan khoái bội phần. Tôi bèn để nghĩ :

— Thế thì ra giảng, xin Thượng tọa cứ tiếp tục cho tuần báo An-Lạc thêm những truyện ngắn như «Tinh trạng nước» nữa. Để cho độc giả có dịp thưởng thức những môt tinh trạng nước được môt Thiến...

— A, cái đó thì còn tùy.

— Thưa, còn tùy cái gì nữa ?

— Tuy tuần báo An-Lạc có chấm «morasse» đáng hay không ?

Nghe, Thượng tọa nhắc đến chỗ «yếu» của tuần báo An-Lạc nhà tôi, tôi rùng mình, teo cả ruột. Và vàng xin Thượng tọa đại xá, rồi đóng lư.



Ra khỏi Viện Đại Học Vạn-Hạnh, tôi đứng ngẩn ngơ một lát, không biết còn phải đi về đâu, đi ai nữa cho tiện đường. Chợt nhớ tôi ông bạn Tạng Sơn thì cây bút «chuyên» viết truyện «đẹp» cái «thơm» của «xã Việt Nam minh», tôi bèn nghĩ vậy đi xông đất «hân».

Nhà thi sĩ Phong Sơn ở phố Gia Định, gần Cầu Rồng. Tôi tới biệt nhà «hân» ở trong một cái hẻm, nhưng không biết đích xác nhà nào. Vào con hẻm rồi, tôi vừa đảo xe chậm chậm, vừa đưa mũi ngửi. Ngay một căn nhà nhỏ, không giác tôi bên thu nhận ngay được một mùi hương kỳ lạ, đã đi ra khỏi cửa của mỡ của thịt, cái cây của ớt của tiêu, cái thơm của hành của tỏi (cái mùi hương này thật là đặc biệt, là không được «chỉ» có vấn đề «chứng đại» mà thôi!). ... Vừa ngửi được mùi hương ấy tôi đã biết mình đến đích rồi. Bèn ngừng xe lại, phen phen đi vào...

Đã thấy quả nhiên «phả» thơm của quê hương, đang ngồi trước một tô phở, hơi nóng nghi ngút bốc lên trông thật ngon lành. Đã thế, bên cạnh tô bún, còn có đủ thức ăn đặc biệt của «xứ Mông và Thờ» nào là bánh lá chả tôm nào là bánh ướt nem nướng, nào là bánh lọc, bánh bèo... thời thì đủ cả.

Còn gia chủ, «hân» đang ngồi chồm hóm trên một chiếc ghế đầu, mình trần trụi trụi, trên vai còn vắt cả một «chiếc khăn» có «truyền» !

Tiệm Vàng Lá và Nữ Trang HẰNG - NGÀ

194 - Lê-Thành-Tôn Chợ Mới Saigon - D.T. 23360

Mua, bán, đổi và chế tạo đủ kiểu nữ trang xưa và nay bằng vàng lá nguyên chất 24K và 18K tiếp đãi ân cần đã được tín nhiệm của quý khách xa gần.



Nhơn dịp xuân về kính chúc quý vị thân chủ một
năm mới đầy hạnh phúc và thắng lợi

Tiệm vàng HẰNG-NGÀ, 194 Lê-thành-Tôn Saigon - D.T. 23360

Tôi xưa "xong" vào "dắt" ăn, hẳn đã với một ngày.

— Nhào đó! Nhào đó! Món ăn dân tộc!

Tôi vừa kinh mang vì chẳng ăn cái gì món ăn dân tộc với lại thông dân tộc, lại vừa cảm thấy bị hấp dẫn vô cùng vì những thức ăn "dây Móng dây Thờ" bày la liệt trên bàn. Chẳng nghĩ tôi lại, tôi ngồi ngay xuống ghế, khai bát đồ xuân luôn một mạch hết bát to hùn lén, mười hai đĩa bánh, vừa là chả tôm, vừa ướt thịt nướng... — ừm.

Gia chủ làng lừng nhìn tôi ăn, chẳng những đã không có chút bất bình (vì sốt ruột) nào mà lại ra chiều hề hả, khoan khoái là đáng khác. Đợi tôi ăn xong, hẳn mới thủng thỉnh mà rằng:

— Này cậu: cậu ăn những món này rồi, vậy đã tìm ra "điều lý của quê hương" chưa?

Thấy tôi ngơ ngác không hiểu hạn tiếp:

— Người ta (người ta nào?) nói văn hóa Việt Nam "cao" nhất thế giới. Cậu có hiểu vì sao không? Vì những món ăn Việt-Nam LÀ thơm nhất, là ngon nhất là "kỳ diệu" nhất thế giới đấy, cậu à! Những món ăn Việt Nam từ phần vật rau cái cho đến kỹ thuật nấu nướng, đã đạt đến trình độ của Đạo, của Thơ. Đây là một "điều lý của quê hương" đấy!

Nghe gia chủ thuyết giải về điều lý ẩm thực, tôi kinh khủng đến há hốc cả mồm. Nghĩ rằng ngồi lại nữa không xong — Và ăn đã no rồi, ngồi lại làm chi nữa? — tôi bèn riu riu rút lui ra cửa.

Lén xe rồi, còn nghe Phong thì si ngậm nga:

Bánh bèo, bánh ít nhụy tôm
Bún ốc, chả cá là hồn Việt Nam
Bánh xèo, bánh khoai, bún thang
Phở tái, chín, nam: Việt Nam là hồn!

Tôi vội rẽ xe đi, miệng lầm bầm:

— Kinh khủng thật! Kinh khủng thật!

Chưa hết kinh khủng nọ, liền đã tới kinh khủng kia. Vừa ra tới đầu hẻm, đã gặp ngay nhà văn Kiêm Minh, người cao lừng thừng như cây tre già, tướng mạo vào thân pháp trông chẳng khác nào gã Ác quỷ "mã doanh Đoàn diên, Khách!

Thấy tôi, họ Kiêm (mà có họ Kiên thực không đấy nhỉ?)

thi triển bộ pháp tuyệt vời, xoạc hai chân đứng chặn ngay đầu xe, cất giọng ồm ồm hỏi:

— Đi mô rứa? Đi mô rứa? Vô Phong Sơn chơi hê?

Tôi sợ vô cùng, vội kể lại đầu đuôi cuộc viếng thăm Phong thì si vừa qua, mà kết luận rằng:

— Cụ vào đi! Cụ vào đi! Còn "điều lý quê hương" rất nhiều trong

đó! Về phần "stai hạ", xin để dịp khác...

Kiểm Minh nghe tôi nói, đôi mắt lơ lơ nội liêm lần sang rục hào quang. Song lẽ hẳn chưa chịu đi ngay. Trước khi đi, tay ấn cần giờ trao pháp hùng hậu nắm lấy tay tôi, hẳn trăm giọng mà rằng:

Phong Sơn nói rứa, hay thì cũng hay, nhưng đang còn thiếu cậu biết thiếu chỗ nào không?

— "Tại hạ" quả tình không biết?

— Ờ, hẳn nói đang còn thiếu. Cái "điều lý của quê hương", đầu phải chỉ ở trong phần rau cái mà thôi? Còn "cây cối", còn "chim chóc", còn "bông hoa" cén...

Cả bao nhiêu đều kỳ diệu nữa? Cậu có muốn nghe không?

Nói đoạn, Kiêm Minh quai tay ra sau túi quần, rút ra một tập bản thảo dày độ... một ngàn trang và tiếp:

— Cậu muốn nghe không?

Tôi sợ quá, vội chấp tay xá hẳn:

— Thôi, thôi! Không nghe đâu là không nghe đâu!

Và thấy đôi mắt phương hoàng xênh xênh của hân quắc lên, chói rức, tôi sợ "thảm họa vào mình", vội thêm:

— Đề bớ nào cụ xuất bản đăng hoàng thì coi mới thú chứ?

Kiểm Minh gật gù:

Ừ, thôi rứa cũng được!

Và hẳn hoan lại, những chỗ chờ tôi đi.

★

Qua một vòng trần thế, tôi cảm thấy một nhọc vô cùng. Trong bụng chỉ muốn chạy xe ra vùng ngoại ô cho khỏe người một chút. Cột nhờ đến ngôi chùa Già Lam thật là một nơi thiên môn thanh tịnh, tôi bèn đi vào, phát sung thành lập tức rưới rong đến đây.

Chùa Già Lam ở trên đường Lê-quang-Định, thuộc quận Gò Vấp, và là nơi Hòa Thượng Trí Thủ trụ trì.

Đến chùa, vào phòng phượng trưng đã thấy ngài đang "khá bát đầu xuân".

Thấy tôi, ngài tươi cười chào hỏi, rồi đưa cánh thiệp cho xem.

Cánh thiệp màu hồng, tía gót trái có vẽ hình một con chim lạc đứng trên đỉnh núi (cách lạc non nài). Giữa tờ thiệp hồng, nổi bật một giọng chữ Hán mau đen, nét bút uyển chuyển linh động như rồng bay phượng múa.

Tôi vốn Tây dốt nát Nho, chẳng đọc được giọng chữ ấy là gì. Hỏi Hòa Thượng thì Hòa Thượng chỉ mỉm cười không nói.

Vậy các bạn thử đoán xem giọng chữ ấy — gồm bốn chữ tắt cả — là gì?

Nguyễn đán Kỳ Dậu,
BAO-BỐC-ĐỒNG

SA-MẠC mở rộng

(tiếp theo trang 17)

mạc. Thành thử mỗi hôm qua nó mới gặp đoàn lái buôn và theo nhau về đây. Thật chỉ vì tôi mà thấy tí nửa nguy khốn. Tôi cứ nghĩ lúc nào nó cũng như lúc nào, ai để nó cũng từng hoành hành mà thay đổi! « Nhà sư hào khí bỗng rặng rờ, la to: « A! Ngó rồi! Ngó rồi! Ông vung dầy chạy ra ôm con Lạc đà. « Kho đại tạng kim cương là đây! Ta đi thôi! Ta về thôi! Nhà sư vơ tích trượng từ già Phú ông, rồi hát nghêu về phương Nam. Sự việc quá bất thường, khiến Phú ông cũng ôm bụng cười lăn xuống cỏ rồi ôm chân con lạc đà đứng đĩnh bộ đi...

Thưa các bạn câu chuyện đến đây là kết thúc, không thêm một lời phẩm bình hoặc ẩn ý nào của người kể. Nó chỉ là một chuyện phiếm trộn ven thời thôi! Câu chuyện hoặc thực hoặc phịa thì nó cũng chỉ là của bà bốn chuyện. Các bạn muốn nhìn nó ra con gì thì nó hiện hình con đó. Và bây giờ, xin trả lại không khí yên tĩnh cho các bạn.

Hải mỗi một, tựa mình vào một góc tường. Anh nhồi cối thuốc, bật quẹt hút. Ngon khói xanh thơm với chút ẩm ướt chim ca thoáng thoảng trong buồng phòng trải vừa diện tích chiếc chiếu cũ. Hương với mùi rất thật thực, ngời tựa những giọt giấy cuối phố lá mưa. Âm động ấy sống trong anh như mầm cỏ của nỗi nhớ không đời. Nỗi nhớ xa xưa phiêu bồng mây nổi. Những cơn phở sương muối ngút mù, Anh kéo tấm áo cổ lông đốt diều thuốc lện trên môi, đứng lại trước giường đương chiêm ngưỡng người tình đứng chờ anh trên bậc đá cao, mái tóc vai thon, Anh nghiêng đầu ngưỡng mộ cùng thượng đế trăm mặt trong năm ngón tay thon. Quỳnh-Chi! Quỳnh-Chi em ơi! Trong những đoạn Thành ca ngọt lịm, em đã ướp trên đó đôi môi nho huyền hoặc, thâm từng ánh mắt khép mở thiên thu. Phở thánh truyện hơn một lần anh ôm ấp trong hai bàn tay cần cỏi. Thương để thoảng về như một hương thơm lịng lịng cánh ngàn trùng. Thơm Lan của Chi hay của Thương Đế. Con tàu nào đã đem em đi! Thương để trong ánh mắt hút! Con phố nào của em?! Cuộc chia tay nào của anh! Chuyến máy bay của anh cũng chút hành lý đơn độc. Năm trăm đồng cho một anh lạc lõng thành phố này, Dấu chân nào mọc cỏ trong anh và những vỉa hè đôi bước. Mười một rồi em! Con sương mù nào có về thành phố?! Dòng Hàn-Giang bây giờ cũng mưa bụi trong anh. Con sông ấy ngày xưa trên những kẻ đã rêu. Anh đã khắc tên hai đứa mình vô ngàn hàng. Hòn đá rêu ấy vẫn êm ấm trong anh mỗi đêm. Nước đã xuôi dưới cầu! Nào biết về đâu bây giờ. Kỷ niệm anh mang muốn đời hóa thạch. Những sáng sương mù. Anh từ bên này về con đường Đồng-kinh Nghĩa-Thục, phía trước Tòa Thánh Cac-Đai, khép tấm áo khoác, nhìn sang căn nhà thứ nhất. Qua một hàng rào cây nở hoa vàng lung linh trước khung cửa sổ. Em đứng đó với sương bay huyền hoặc — năm ngón tay nào vô cánh như một loài chim. Bây giờ đây nhận trắng vẫn chôn vùi trong anh cùng với bóng dáng sương biển cuối con lộ Đồng Đa của chúng mình ngày nọ. Thanh Bình ơi! Những dấu chân trên cát. Hàng liễu dương xóa tóc vì vu trong một đêm trắng về mộng thực. Em

còn đứng đó trong anh với tà áo đen đầm thâm — Quỳnh-Chi em ơi! Thạch của ngày xưa — Chi của bây giờ. Mỗi kẻ một phương sa mạc. Ngày xưa đó. Những lần đưa em



đạo xuôi sông Hàn. Em kêu lạnh và anh từng ôm trọn cả Hàng Giang. Em vẫn ví: « Thiếp tại Hàn Giang đầu. Quân tại Hàn Giang vĩ. Trong vọng bất tương kiến. Cộng âm Hàn Giang thủy ». Bây giờ anh vẫn nuôi trong anh một đip tim về con phố ven biển, uống bát nước Hàn Gian để năm khốc Quỳnh-Chi. Nhiều đêm một góc trời này. Anh thao thức. Ngày tháng xưa như con sâu do bò về trong máu tủy anh với những hào quan của nó. Nếu ngày xưa em không đổi chữ Tương thành chữ Hàn, thì chúng ta còn có ngày uống cạn nước sông để hội ngộ, Nhưng, chữ Hàn giang đã thốt lên, con sông bằng giá muốn đổi bằng đặc ấy ngăn đôi định mệnh. Anh ra đi với hai tang nổi gió Anh chờ em vào nhịp cuộc trung dương. Để rồi những chiều mỗi mắt. Những cánh thư heo úa lửa đen. Hy vọng tắt dần trong cơn bão tố trăm lạng. Cho đến một ngày mặt trời tang chế dậu trên trang từ cột báo. Một người nào đó mừng đưa em về nhà chồng. Chỉ của người ta mất rồi! Hàn đã cướp của anh gia tài cuối cùng, viên Quỳnh-Ngọc! Anh ôm đầu thất thiếu bỏ đi, tên cũng từ khôn nạn bỏ ra dòng sông Saigon và tám chục đồng cho một vé buýt và đôi đồng trên báo mừng em. Anh nhất quyết tìm một dòng nước yên ngủ, chẳng hạn như con sông như nhịp này. Anh sẽ xuôi về biển, và biết đâu vào một ngày nào đó người ta chỉ vớt anh như một xác chết trên bờ Hàn gian. Tôi ngồi ôm đầu rú liệt, con nước chiều ị ạch dưới chân. Tôi thấy dòng sông với vẻ gì nặng nề. Đại lộ hoàn hồn với những hàng cây trăm lạng bây giờ Em còn đi bước lang thang? Con đường tâm hồn hát liêu. Đa Năng ơi! Thành phố heo úa thực rồi! Thành phố chôn chặt đời đời trong nghiệp thức ta. Giờ phút quyết liệt cuối cùng, tôi nhìn chung quanh từ biệt tất cả và ôm ấp tất cả trong hun hút sâu. Chi ơi! Chào nghe! Thế rồi mơ hồ như trăm nghìn vô nghĩa trên lòng ngực và trước mắt tôi một màu vàng rực rỡ mệnh mang xa với cuộn cuộn mặt hút.

Tôi tỉnh dậy trong một nhà thương, ý thức vật vờ trở về những bước di động nhẹ. Dòng sông trắng nào hun hút trước mặt. Người ta cho tôi biết, « Anh đã được cứu thoát khỏi một quyết định điên dại. Ta điên đại ư? Câu hỏi nhạt dần trong trí nhớ lên đèn mơ thiếp. Hai ngày sau tôi được gửi sang cảnh sát thẩm vấn quần quanh và những điều tra bổ túc từ con

phổ heo hút gói vào. Tôi bị lưu giữ vì thành tích phá rối trị an. Từ đó được gửi vào trong trại giam với những sinh viên đồng tôi. Tôi trở nên bí mật ù lý giữa những quay cuồng xao động chung quanh. Tôi đã chết thực rồi! Chẳng còn lại gì trong năm tay tuổi trẻ. Tôi được mọi người coi như con bệnh thần kinh tại nghiệp và một ngày cuối tuần tôi được trả về trời nổi nổi trong những cho phổ lưu đầy.

Sau ba tháng giam giữ điều tra, giữa muôn ngàn khổ ải Tuổi trẻ như vậy đó! Quỳnh cũng như bao khuôn mặt khổ để hiện hữu trong này. Tôi cũng như con Lạc đà nhốt mình trong sa mạc mở rộng tâm vóc. Bao nhiêu hy sinh túi nhục, vinh quang, tàn tật, như một Linh Từ với đôi nặng khắt khe, tàn phế cho một xã hội mà mọi giá trị sẵn sàng có thể « Forrent », Phấn trần — bột bạc — lửa đào — chia rẽ — nhện hốt lên mơn. Cuộc đời như vậy đó! Tôi càng cảm giận bao nhiêu! Tôi càng trở nên đá tảng bấy nhiêu. Phấn đối! La ô cũng là một thỏa hiệp với ăn cắp và lừa đảo. Chạy trốn, biến bạch cũng là lừa đảo chính mình. Vậy tốt hơn với một tâm trạng hư vô hóa cuộc sống. Đi vất vờ bên ngoài nhân sinh. Cản quai gì miếng dính chung lên mơn. Mọi hình thái đã giết chết thực chất. Mọi lý hệ phải nổ tung. Con người thực sự phải trần trụi. Tôi ca tụng trăm ngàn lần cả vinh hiển lẫn tui nhục Anh lung lẩn đi xiêm — trăm mặt lẫn loạn cuồng. Nếu một ngày nào đó có thể tôi cần chọn lựa một thái độ chẳng hạn giữa xây dựng và đập phá, tôi sẽ xin tự nhận rượu và chất nổ. Vì muốn xây dựng thực sự phải cần thiết đập phá tàn nhàn.

Câu chuyện bên bạn chung quanh cũng thưa dần. Nguyễn ngâm thơ nhỏ — Thông, Hiệp đưa nhau vào câu chuyện riêng. Hương nhip khẽ ngón tay theo tiếng Tây Ban Cầm đệm khúc. Quỳnh chọn lửa cho Hải mỗi cõi thuốc khói tìm. Phất Ngọc Độ kéo nhau ra hành lang đốt thuốc tán gẫu.

Thu kéo Tri về hiện tại:

— Anh tỉnh lên Đa Lạc sống sao?!

— Đôi khi thành sương mù cũng muốn bỏ đi!

PHẠM - THIÊN - THU

Tên xưa văn học

Nhà in Phật-Giáo

☆ Ấn-quán PHỒ-ĐÀ-SƠN

68 Nguyễn-Huệ — Phú-Nhuan — Saigon

Điện thoại: 40.151

— Nhận in kinh sách báo lịch

— Cung cấp dụng cụ văn phòng

Công Tư sở,

★ Tinh giá đặc biệt *R*

★ Là đẹp. Đáng hẹn

**MÙA XUÂN ẤT DẬU (1285) HUNG-ĐẠO-
VƯƠNG TRẦN-QUỐC-TUẤN ĐÁNH BẠI
QUÂN MÔNG-CỔ.**

TRƯỚC đó một năm, tức là vào năm giáp thán (1284), đất nước VN. bỗng vang rền vô cầu của 50 vạn quân Mông-cổ, một đội quân tinh nhuệ bách chiến bách thắng, đã từng làm rung chuyển mọi chiến trường từ Âu sang Á.

50 vạn quân như một trận cuồng-lũu, hồng-thủy, tràn xuống phương Nam, đi tới đâu, chúng dày xéo, chà đạp và cuốn phăng theo tất cả nhà cửa, hoa màu, tài sản của muôn dân. Chết chóc, tang thương, đồ nát, đó là hình ảnh còn lại sau gót chân của đoàn quân cướp nước.

THOÁT-HOAN, đưa con trai dũng mãnh của Hốt-lát-liệt, nói gương hiêu chiến và xâm lược của cha ông, thống lĩnh 50 vạn quân tinh nhuệ nổi trên cùng với các viên cận tướng tài ba : Tô-Đô, Ô-Ma-Nhi, quyết một phen làm cỏ dân Việt-Nam và sát nhập lãnh thổ VN. nhỏ bé vào vùng đất bao la phương Bắc.

Đoàn quân cướp nước chia ra làm hai đạo, một đạo do Thoát-Hoan cùng Ô-Ma-Nhi thống lĩnh, đi đường bộ, theo ngã Lạng-Sơn, kéo rốc xuống phương Nam, thẳng tay tàn sát những trở ngại trên đường tiến quân.

Một đạo thứ 2 do Tô-Đô chỉ huy, xuống thuyền, đi bằng đường thủy của bể Hải-Nam vòng xuống phía lãnh thổ Chiêm-thành muốn cò đánh dân tộc này, kỳ thực, chúng áp dụng chiến thuật "2 mặt" giết công, "lùng gong kềm" của 2 đạo quân hùng hậu để kẹp chặt dân tộc VN. ở giữa.

Dân chúng VN. lại 1 phen bùng lên niềm uất hận. Ý chí chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tiêu diệt quân thù trào sôi trong lòng quần chúng. Triều đình ta, dưới quyền lãnh đạo của một vị minh quân hiền đức là Trần-Nhân-Tôn, lại một phen bạo động, phải hội họp quần thần, tìm phương kháng chiến.

HỘI NGHỊ BÌNH THẠM (Bắc Ninh)

Các vương hầu đều được triệu mời đến để dự một cuộc hội nghị đầu tiên đặc biệt trong lịch sử các triều đại. Dưới thời đại quân chủ ta có một hội nghị như thế cũng ví như ngày nay một chính phủ họp Ủy-Ban Quốc-phòng hay Hội-Đồng An-ninh Quốc-gia.

Nhà vua đã duyệt xét lại tình hình toàn quốc, cân nhắc tương quan lực lượng giữa 2 bên để cùng quân thần quyết định việc nên hòa hay nên đánh. Sau khi được quần thần đồng thuận quyết nghị phải cương quyết chiến đấu để bảo vệ chủ-quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ, nhà vua bèn phong cho Hưng-Đạo-Vương Trần-quốc-Tuấn làm Tiết-Chế (giống như chức nguyên soái bán Tầu), thống lĩnh 20 vạn quân để chống đánh quân Nguyên.

Thượng-Tướng Trần-bình-Trọng, một dũng sĩ can cường nhất trong hàng tướng sĩ được Hưng-Đạo-Vương lựa chọn để chỉ huy một đoàn quân đóng ở Bình-Tham (nơi quân thần nghị hội) để giữ Kinh-Thành.

Về đường thủy, tướng Trần-khánh-Dư, một thủy quân đề đốc tài ba thiện chiến, chỉ huy một đoàn chiến thuyền, được phái đến trấn giữ tại bến Vạn-Đôn (Quảng-Yên).

Riêng Hưng-Đạo-Vương Trần-quốc-Tuấn, tự mình đóng đại binh ở Vạn-Kiếp (Hải-Dương) để cơ thể phối hiệp tình hình khắp các mặt trận và tiếp ứng hiệu quả.

VÀ HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG :

Khi thế chiến đấu của quân sĩ, tướng tá rất hăng say nhưng nhà vua hiện đức vẫn chưa muốn động binh khi nhà vua chưa được biết rõ ý nguyện của toàn dân. Ngài muốn biết, trước bước chân xâm lăng hùng bạo và đông mạnh của quân Mông-Cổ, trước viên ảnh máu lửa, sát phạt của chiến chinh gian khổ, đồng thời với lực lượng nhỏ bé



*Hải Mưa Xuân
Con Gà
Huỳnh Hoàng
trong Lịch Sử Việt Nam*



★ Bà: của QUANG-NGUYỄN

của quân ta, toàn dân VN. có muốn dốc lòng quyết chiến cùng quân sĩ để giữ vững nước nhà và tự mình giải phóng lấy ách xâm-lang cường bạo hay không?

Một buổi sáng tinh sương, khi vừng hồng chiếu những ánh nắng đầu tiên rạng rỡ trên non sông, điện Diên Hồng đã vang dậy những tiếng trống hào hùng, kêu gọi các vị bá lão đại diện cho dân đến dự hội. Và tiếng loa vang truyền trong nhân gian :

«Thần dân nghe chàng Sơn hà ngụy biến... nào người hào hùng, nên hòa hay chiến?...»

Hình ảnh chưa từng có và cảm động như trong lịch sử VN. và kể cả lịch sử thế giới dưới chế độ quân chủ chuyên chế, đã diễn ra tại điện Diên-Hồng: hàng ngàn bá lão đại diện cho dân chúng khắp nơi đã đổ về dự hội. Những cụ già lưng còm chống gậy, râu tóc bạc phơ trong một sớm mai hồng, đã đưa cao tay tung hô những lời sải thép «quyết chiến, quyết chiến! hy sinh! hy sinh!» vang dội khắp non sông.

Nhà vua đã thực hiện một chính sách « dân chủ » đúng nghĩa trong việc triệu tập hội nghị Diên-Hồng. Khi thế bùng bùng quyết chiến của Hội nghị đã làm cho vua, tôi và toàn quân, toàn dân nức lòng chiến đấu, tha chết chứ không chịu khuất phục trước quân thù.

**NHỮNG NGÀY BẠI TRẦN
GIAN LAO...**

Tiết-chế Hưng-Đạo-Vương từ cử đại binh lên đường can bước tiến quân của Thoát-Hoan ở mặt Bắc nhưng quân ta thì ít, thiếu thảo dược, lương sao cản ngăn nổi sức tiến cuồng bạo và biển người của toàn quân thiện chiến đang hồi sung sức. Quân ta thua trận đánh phải rút về cố thủ tại Vạn-Kiếp.

Vua Trần-Nhân-Tôn lo buồn, e ngại cho sự chết chóc của sinh linh, thân chinh đến gặp Trần-Hung-Đạo và ngỏ ý muốn hàng, chỉnh đốn lại quân binh, chờ thời cơ khác. Nhưng vị «Tiết-Chế» Anh dũng của quân ta đâu có chịu «thức thú» sau 1 trận đầu tiên, và lời nói can cường thốt ra từ miệng vị anh hùng cứu quốc đó, đã thành di-ngôn hào hùng của lịch-sử kháng chiến Việt-Nam : «Bệ hạ muốn hàng xin hãy chém đầu tôi đi đã».

Hưng-Đạo-Vương lại chiêu tập thêm quân binh rồi truyền hịch khuyến răn tướng sĩ. Lời hịch khích thích lòng yêu nước, chí phục thù của toàn thể quần dân, réo gọi sự thức tỉnh của những người còn mê muội thùy phục vong quốc, đã có tác

dụng mệnh mẽ, làm quân dân lại hăng say chiến đấu. Quân sĩ đã tự khắc vào tay lời thề «Sát Thát» (nghĩa là giết giặc Nguyên) và khi lâm trận chiến đấu cho đến chết chứ không chịu đầu hàng.

Nhưng thế giặc vẫn như chẻ tre, chúng dùng sức ra quân đông mạnh và thừa thắng ở trận đầu, đánh chiếm được Vạn-Kiếp không khó khăn Đại quân của Trần-Hung-Đạo lại phải rút về Thăng Long và cũng chỉ mấy ngày sau, kinh đô cũng đã thất thủ.

Về mặt trận trong Nam Tướng Mông Cổ là Tô-Đô, đến Chiêm Thành can lướt, rồi cũng dùng sức ra quân thần tốc và biển người, kéo rốc ra hàng đường bộ, cò tướng Ô-Ma-Nhi tiếp ứng.

Danh tướng của ta là Trần-quang-Khai chặn đánh ở Thanh-Hóa nhưng cũng không thể nào chống cự nổi quân số đông đảo và thiện chiến của Mông Cổ nên đành phải lui về cố thủ những địa điểm xung yếu.

Trong khi đó, tại Thiệp-Trường (Nam Định) quân Mông-Cổ dùng lực lượng đông đảo vây hãm thành này — Sau một thời gian chống giữ canh liệt, dũng tướng của ta là Trần-bình-Trọng bị giặc bắt.

Lại một dịp cho lịch sử vang son của giống nòi Hồng-Lạc ghi thêm một tấm gương can cường dũng liệt — Trước thiên quân vạn mã của địch cũng như trước những lời dè dặt ngọt bùi, trước danh vọng cao sang, người chiến sĩ bất khuất Trần-bình-Trọng vẫn ngang nhiên quốc mặc thét lớn vào mặt Thoát-Hoan :

«Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc».

Đầu Trần-bình-Trọng đã lia khỏi cổ dưới nhát dao bạo tàn của quân xâm lược nhưng hùng khí của Trần-bình-Trọng cũng đã làm rung chuyển chu thiên như thế của quân thù.

Được tin sét đánh này, vua Trần-nhân-Tôn, đức Trần-hung-Đạo và quần thần đều rơi nước mắt nhưng đồng thời ý chí phục thù và lòng căm hận lại bùng sôi, nung nấu tâm can mọi người, quyết khôi phục lại giang sơn, trả thù cho những người đã chết. Vua và Thượng-Hoàng phải xa giá vào lãnh nạn ở Thanh-Hóa và cũng tại đây, kế hoạch phản công đã được Trần-hung-Đạo và tướng tá nghiên-cứu và sắp đặt kỹ lưỡng. Nhà vua, quần thần, quân sĩ cũng như toàn dân, quyết tâm nắm gài nắm mặt áp dụng chiến thuật «tướng kỳ kháng chiến» và «tiêu hao dần dần» lực lượng của địch.

Kế hoạch đã thành công ngay ở trận đầu khi Trần-nhật-Duyệt và Trần-quốc-Toàn phục kích đoàn quân của Toa-Đô và Ô-Ma-Nhi tiến đến bên Hàm-Tử (Hưng-Yên). Hai tên tướng Mông-Cổ này từ miền Nam kéo ra Bắc bằng đường biển để hợp binh với Thoát-Hoan.

Danh tướng Trần-nhật-Duyệt phục binh khéo léo ở cửa Hàm-Tử, đánh một trận địch đáng làm cho đoàn kiều binh rối loạn tơi bời. Thêm vào đó, đoàn quân của vị thiếu niên anh hùng Trần-quốc-Toàn, không biết sợ chết, đã bồi thêm một « đòn càn hậu » nữa làm cho quâu Nguyên thua to, lần đầu tiên bị thảm bại, chạy trốn chết về giữ Thiên Trường.

Say men chiến thắng ở Hàm-Tử, đại quân của ta phải một đạo do Trần-quang-Khai và Phạm-ngũ-Lao thống lĩnh từ Thanh-Hóa kéo ra, tấn công thủy binh của Mông-Cổ ở bến Chương-Dương. Trận đánh diễn ra vô cùng ác liệt và cuối cùng, quân ta đại phá quân Nguyên, mở đường kéo thẳng vào Thăng-Long.

Lần tiến quân này, sau hai phen chiến thắng quân ta như rồng thiêng gặp gió, tha hồ vùng vẫy trước sức hậu thuẫn như tường đồng vách sắt của nhân dân. Thoát-Hoan biết không giữ nổi kinh thành Thăng Long, phải bỏ chạy về giữ Kinh Bắc (Bắc-Ninh).

Hưng đạo Vương nắm vững tình hình trận mạc, áp dụng chiến thuật « công đồn dã viện » và « xe lê » các quân đoàn của chúng, bằng cách sai danh tướng kéo quân chặn đường đánh Toa-Đô ở Tây kết, không cho đoàn quân này sát nhập được với Thoát-Hoan. Toa-Đô bị phục binh của ta bắn chết, quân của chúng chạy tán loạn. Tướng thứ 2 là Ô-Ma-Nhi lên trốn lên một chiếc thuyền dong ra biển, lui về Tàu.

Trận đánh cuối cùng diễn ra ở Vạn-Kiếp đúng vào mùa Xuân Ất Dậu (1285). Thoát-Hoan và đại quân của Mông-Cổ biết thế nguy sau khi hai cận tướng đã bị loại khỏi vòng chiến. Trần-Hưng-Đạo lại đã biết trước ý đồ đánh của họ, nên chia quân vây kín các đường thoát hiểm yếu. Tại vạn kiếp, quân của Thoát-Hoan cũng bị phục binh của ta đánh tan và tiêu diệt. Đại tướng Thoát-Hoan phải dùng hạ sách « chui vào một cái ống đồng » cho quân sĩ bỏ lên xe đẩy chạy về Tàu mới thoát chết.

x x x

Lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, nhờ tài dụng binh và chính sách chính trị khéo léo của vua tôi nhà Trần, quân và dân ta đã đạt cách chiến đấu chống xâm lăng. Trong vòng 6 tháng, quân dân ta đã kiên trì chiến đấu, vượt qua những thất bại, gian khổ để đại thắng được quân Nguyên, lập lại nền tự chủ cho nước nhà và đem lại an vui cho trăm họ.

NHỮNG NGÀY ĐẦU XUÂN NĂM KỶ DẬU (1789) VÀ TRẬN ĐỒNG ĐA OAI HÙNG :

Cũng trước đó mấy tháng, tức là vào mùa thu năm Mậu Thân, Bắc - Bình - Vương Nguyên - Huệ đã dẹp xong nội loạn vua Lê Chúa Trịnh ở Bắc-Hà, giao thành Thăng Long cho một số văn quan võ tướng tài ba và tin cậy trấn giữ trong đó có Ngô-văn-Sở, Phan-văn-Lân, Ngô-thời-Nhiệm v.v xong Nguyên Huệ kéo binh về Phú-Xuân.

Trong khi đó, vua Lê chiêu Thống, một vị vua cuối cùng của nhà Hậu Lê, hiền yếu, nhu nhược phải cùng cung quyến chạy lên cao Bằng, cố gắng chiêu tập trung thần nghĩa sĩ của nhà Lê để khôi phục cơ đồ. Nhưng tướng sĩ và nhân dân phần đông đều chán ngán triều đại suy tàn, nên yếu của nhà Lê, nhất là khi Lê chiêu Thống cho người đưa thư cầu viện quân Tàu do Tôn sĩ Nghị thống lĩnh ở Lương Quảng.

Tôn sĩ Nghị xét thấy Lê chiêu Thống tuy chưa được Trung quốc hoàng đế phong vương nhưng cũng là người kế tự nhà Lê, hằng năm vẫn triều cống, hơn nữa nghe tin Nguyên Huệ kiêu hùng, sợ hậu

họa, nên muốn nhân cơ hội cất quân giúp nhà Lê khôi phục hoàng triều và tiêu diệt quân Nguyên Huệ. Tôn sĩ Nghị bèn dâng biểu lên vua Cao Tông nhà Thanh và được chuẩn phê, đồng thời được phong chức Tiết chế, thống lĩnh 20 vạn quân của các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu sang đánh Tây Sơn.

Quân nhà Thanh chia làm ba đạo tiến xuống phương Nam :

— Đạo thứ 1 do chính Tôn sĩ Nghị và Đề Đốc Hứa thế Hanh chỉ huy, tiến xuống theo cửa ải Nam quan, qua Lạng sơn.

— Đạo thứ 2 do 1 viên Đề Tổng họ Ô chỉ huy do ngõ Tuyên Quang xâm nhập.

— Đạo thứ 3 do tướng Sầm-nghi-Đồng từ Cao Bằng kéo sang.

Quân Tôn sĩ Nghị tiến như vũ bão, trong khi quân Tây Sơn dãn binh chưa kịp mặt Bắc Thăng Long, lòng dân cũng chưa phục Tây Sơn, lại thêm Tôn sĩ Nghị điều ngao xảo trá đã nêu chiêu bài « phủ Lê diệt Nguyên » để khuyến dụ dân ta đứng hậu thuẫn cho Tây Sơn.

Khi quân nhà Thanh tới Kinh Bắc, vua Lê chiêu Thống ra mặt và đón mừng đề rước về Thăng Long. Tại đây, quân Tây Sơn không có những kháng cự nào đáng kể.

Tướng dũng lược của Tây Sơn là Ngô văn Sở biết chắc không thể đối địch nổi với 20 vạn quân tinh nhuệ và đang hồi sung sức của Tây Sơn, bèn kéo binh về nội Tam Điệp cố thủ, đồng thời cấp báo cho Bắc Bình Vương Nguyên Huệ.

Đề an lòng mọi tướng sĩ và dân chúng cùng đề cử đầy đủ danh nghĩa tiến lên Bắc phạt, Nguyên-Huệ cho lập đàn ở phía Nam núi Ngự Bình (Huế) chọn ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân, làm lễ lên ngôi Hoàng Đế, lấy hiệu là Quang-Trung. Cũng trong ngày ấy, vua Quang Trung cũng thống lĩnh thủy, bộ binh tiến ra Bắc. Đến Nghệ An, chinh đồn quân ngũ, tuyển thêm tân binh, kiểm điểm được hơn 10 vạn, với trận được mấy trăm con.

Kể từ hôm đó, hình ảnh oai hùng lẫm liệt của vua Quang Trung, thân chinh cỡi ngựa duyệt binh đã làm nức lòng chiến đấu và niềm hân hoan của quân sĩ đang cao.

Ngày 20 tháng Chạp, đại quân của vua Quang-Trung đến núi Tam Điệp, tại đây Ngô văn Sở và Phan văn Lân đón tiếp, thuật rõ binh tình và chịu tội về việc đã phải rút lui trước



sức tiến quân của quân địch. Vua Quang-Trung truyền cho quân sĩ được ăn uống no say như ban ngày Tết và truyền rằng :

— Chúng ta ăn Tết trước và hẹn với nhau rằng, đầu Xuân Kỷ-Dậu (mồng 7) vào tháng Thăng-Long sẽ mở đại yến khao thưởng 1 lần nữa. Các người nhớ xem ta có nói ngoa không ?

Sau đó, đại quân của vua Quang-Trung tiến đến Bắc-Hà. Tướng cũng nên nhắc lại rằng trong lúc di chuyển, vua Quang-Trung đã áp dụng tổ tam-tam, cứ 3 người 1 tay thay phiên nhau 2 người vồng 1 người làm đi, đi rất nhanh mà ai cũng có giờ nghỉ ngơi lấy sức khỏe.

Vua Quang-Trung chia quân làm 4 cánh : Tiên phong, hậu tập và 2 cánh tả hữu có cả thủy binh và tượng binh ứng chiến.

Đến ngày 30 Tết, đêm trừ tịch, quân Nam

tiến qua sông Giản-Thủy. Tiên đồn của quân nhà Lê và bọn tình báo của quân Tàu ở đây bị hốt trọn ò ò dễ dàng trong khoi chúng đang bê tha lêu lắt để đón Xuân.

Triệt được đường liên lạc, tin tức của quân Thanh, quân ta tiến sâu vào đến sát đồn Hà-Hồi mà quân Thanh không hay biết. Đang chống lúc bấy giờ đã nhận chân sự hèn hạ, tồi bại của vua Chiêu-Thống, vì quyền lợi hoàng tộc đã đi « công răn càn gà nhà », trong khi quân Thanh tàn ác, hung bạo chuyên cướp của, giết người, gây tang tóc, điều linh cho dân chúng. Cho nên, dân chúng ngấm ngấm tiếp tay và hậu thuẫn cho quân Nam tiến quân mau chóng.

TRẬN ĐÁNH HÀ-HỒI VÀ NGỌC HỒI

Đêm mồng 3 Tết Kỷ-Dậu (1789), trong cảnh vui say yên tĩnh của quân binh nhà Thanh và bọn tay sai nội dịch Chiêu-Thống, quân nhà Nam bao vây đồn Hà-Hồi — Vua Quang-Trung truyền cho quân sĩ khắp trung ương đóng thanh hồ reo xung phong 1 lượt, tiếng reo hò vang động trong màn đêm chùng như muôn vạn hùng binh đã tiến sát bên lưng làm cho quân Tàu khiếp sợ không kịp chống trả phải kéo cò hàng.

Thừa thắng, vua Quang-Trung kéo quân tới đồn Ngọc-Hồi. Tại đây, quân Tàu đã biết trước: chuẩn bị đối phó, đạn bắn ra như mưa. Vua Quang-Trung hạ lệnh quân sĩ cứ 20 người khiến 1 tên, vùn vùn cò quân rom tằm nước làm một đé húng đạn và tên. Thế sát sau lưng là 20 tên võ nghệ và khỏe mạnh dùng đoản đao tiến ập vào đánh xáp lá cà.

Trước khi tấn công trận này vua Quang-Trung cho quân sĩ đốt hết lương thực quân như của mình, lấy khăn vàng buộc vào cổ mỗi người và lập lời thề là quyết chiến quyết thắng, nếu không sẽ chết đời vì hết lương thực.

Mở sáng mùng 5 tháng giêng, quân ta tiến công như vũ bão với lợi thế thế đạo và quân giặc không chống nổi, hàng ngũ rối loạn, mạnh ai nấy chạy, xéo lên nhau mà chết ; quân ta tha hồ tàn sát để thụ oai : thây chất thành đống, máu tựa sông.

Các đạo quân khác được tin như bừng lên hùng khí, tạo chiến thắng khắp mặt trận các đồn văn Điền, yên quyết cùng rơi vào tay quân ta dễ dàng. Các tướng tài xâm lược như Hứa thế-Hanh, Trương sĩ Long, Thượng-duy-Thanh đều bỏ mạng.

TRẬN ĐỒNG ĐA, MỒ CHÔN XÂM LĂNG CUỒNG BẠO :

Tại Đồng-Đa, tướng Sầm nghi Đồng của Tàu trấn giữ. Hắn là một tên tướng dũng lược, cánh tay mặt của Tôn Sĩ Nghị, và đồn này cũng là cái rốn của trung quân do Tôn sĩ Ngự thống lĩnh.

Nhưng quân ta thừa thắng, khí thế như nước tràn gió cuốn, tràn ngập và bao vây chặt chẽ Đồng-Đa. Không một tên quân Tàu nào chạy thoát và sau những giờ ác chiến cũng trong ngày mồng 5 tháng giêng, quân ta tiêu diệt trọn vẹn lực lượng quân Thanh tại đây. Sầm nghi Đồng đành phải treo cổ lên cây tự tử.

Đồng-Đa đã thành ra một đồng xác vì đại của quân Thanh, người : dân V.N. đã dấn đây để tâm liệt cho chúng bằng những nắm đất những hoàn đá để ngày nay, vẫn còn là gò Đồng-Đa lịch sử.

Tôn sĩ Nghị được tin thất trận khắp nơi, bỏ cả ăn tết mà chạy. Đến nỗi phải lột áo giáp, nhảy lên ngựa không yên, vượt sông qua Kinh Bắc, chuẩn về nước.

Các đồn quân nhà Thanh không còn tinh thần chiến đấu nữa, tranh nhau chạy trước khi quân ta rượt nà sau lưng. Qua cầu sông Nhị, quân Tàu xô đẩy tìm đường sống, cầu gá và

(xem tiếp trang 36)

Mùa Xuân với người thơ Bốn Phương

Vạn vật như bừng lên sức sống mới, gió mang sinh-khí vào mọi tâm hồn. Bầu trời đầy mây nặng u-ám, sông nước đã tan biến, đẹp như một nhan sắc vừa rời khỏi bàn trang-diêm. Nắng ấm rạng rỡ, hâm nóng lại khí huyết và sinh lực con người đã bị tê lạnh, rã-rời trong suốt mùa đông qua. Nắng chạm trổ trên khắp núi sông cây cỏ. Trời xanh và cao vút, những dải mây trắng vật vờ, cánh chim én đưa thoi, mang tin Xuân đến cho mọi nhà. Thi hào Việt-Nam NGUYỄN-DU, tài hoa và đa-cảm đã dệt nên bức tranh tuyệt đẹp:

«Ngây Xuân chim én đưa thoi
Thiếu-quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...»
(Kiều)

Mùa Xuân đó thật thanh bình, thơ mộng. Mùa Xuân đó là mùa Xuân của tài-tử giai-nhân, của tao nhân mặc khách, của hội hè, đình đám của con người nhân tân du Xuân. Cho nên mới có:

«Thanh Minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là Đạp-Thanh
Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi Xuân
Đạp đi tài tử giai-nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nen...»
(Kiều)

Quê-hương Việt-Nam thật là êm đềm thơ mộng. Khung cảnh mùa Xuân ở thôn quê Việt-Nam qua thi ca, quả là những bức họa tuyệt mỹ:

«Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh
Trên con đường viên trảng nếp đôi xanh
Người các ấp tung hươu ra chợ lăm
Họ vui về lễ hội trên cỏ biếc...!»
(Chợ Tết—ĐOÀN-VĂN-CỬ)

Ôi, hình ảnh quê hương thanh bình ngày xưa càng gọi lên càng thấy lòng nhớ nhói, thêm khác. Những bức tranh quê huyền-diện có sức mạnh làm dậy lên trong lòng người V.N. niềm yêu mến quê hương ray rức mỗi khi tha hương lữ thứ. Nữ-sĩ ANH-THƠ là tác giả bất tử của những «BỨC TRANH QUÊ» đó:

«Mưa dờ dề êm êm trên bến vắng
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoàm hoa tím rụng tơi bời.
Ngoài đường dê cõ non tràn biếc cỏ
Đàn sáo đen sà xuống mỏ vu vơ
Mấy cánh bướm chập chờn bay trước gió
Nhưng trâu bò thong thả cúi ăn mưa.
Trơ đồng lúa xanh rờn và ướt lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cúi cào ruộng lúa sắp ra hoa...»
(Chiều xuân)

Tranh của ANH-THƠ chìm chìm, bàng bạc, man mác, ẩn hiện như những nét thủy-mặc trên lụa, chất thơ và ý thơ hiển hiện như hoa đồng cỏ nội, như trăng vàng vạc, như gió hiu hiu. Với nhà thơ NGUYỄN-BÍNH, hình ảnh thôn quê trong mùa Xuân đã linh động hơn, xôn xao hơn qua hình ảnh âm thanh sáng và rõ:

«Đã thấy Xuân về với gió đông
Với trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm có hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong
Thong thả nhàn nhàn nghĩ việc đồng»

Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng
Ngào ngạt hương bay tướt về vòng
Trên đường cát mịn một đôi cò
Yếm đỏ khăn thâm trảy hội chùa
Gậy trúc đất bà già tóc bạc
Lần lần trăng hạt miệng Nam mô...
(Tâm hồn tôi)

Mùa Xuân yên vui, đẹp dễ như vậy cho nên không trách gì người thơ, đang đi trong mùa Xuân, đang tắm gội trong gió nắng trời Xuân, cũng đã vội vàng, lo sợ:

(Xuân đang tới, nghĩa là Xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già
Mà Xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất
Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật
Không cho dài thời trẻ của nhân-gian

Nói làm chi rằng Xuân vẫn tuần-hoàn
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!...)

Cho nên nhà thơ đa-tình, ham sống và si ngây yêu-đương của chúng ta đã dang tay ôm lấy vũ-trụ, ôm lấy mùa Xuân với muôn vạn sắc màu quyền rũ, âm-thanh sinh động, để gào to lên:

(Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi
Của ong bướm này đây tuần tháng mật,
Này đây hoa của đồng nội xanh rì
Này đây lá của cành tơ phơ phất
Của yến anh, này đây khúc tình si...)
(Vội-vàng — XUÂN-DIỆU)

Nhà thơ Xuân-Diệu đã sống vồn-vập với men tình, men rượu, men Xuân bởi vì chàng biết rằng mùa Xuân sẽ qua mau, đời người cũng chóng tàn ngày vui tuổi trẻ. Nhà thơ ôm cả cuộc đời men mơn trong vòng tay, đã siết chặt gió mây, trăng hoa, chim bướm và gợn sóng hồn nồng-nàn trên cỏ cây, hoa lá... Nhà thơ say sưa nồng nhiệt, đã cần vào mùa Xuân hồng như ta cần vào một gò má trắng mịn, một trái cây tươi.

Mùa Xuân Việt-Nam mở đầu bằng lễ Tết. những ngày lễ rất thiêng liêng, đẹp dễ. Nó mang ý nghĩa một sự hồi-sinh của tuổi Xuân, của những bắt đầu may mắn và hạnh phúc, của những tổng khứ, loại bỏ những rủi ro, buồn khổ, tai họa trong một năm qua. Do đó, trong bầu trời u-ám, giá rét mùa đông, người ta đã thấy lóe lên những tia nắng ấm mùa Xuân, trong chân chương của một năm dài đầy nỗi khổ, không may, người ta lại bắt đầu hy-vọng những gì sắp đổi mới. Không riêng gì người phương đông mới có ý niệm về mùa Xuân, về năm mới như vậy, những nhà thơ phương Tây, mặc dầu suốt năm lẫn lộn với cuộc sống vật chất, với đời sống máy móc, họ vẫn thấy mùa Xuân tươi đẹp trở về, mang đến những rung-cảm mới mẻ, sinh động. Thi sĩ Pháp GERARD DE NERVAL nghĩ ngợi những âm-thanh kỳ diệu của mùa Xuân đột khởi trong không-gian, cảm thấy một cái gì đang lớn dậy, đang xôn xao náo nức đi vào cuộc đời:

(Tôi cả lại bắt đầu
Và tất cả đã chấm dứt
Cuộc khiếu vũ là kỳ
Tình chúng ta kết chặt
Cây đàn chơi này lặc
ôi tiếng gọi tên gì?
Gió Xuân cười rít rít
ôi mùa Xuân dậy thì)

(Chanson des saïdons)

Tâm hồn thi-nhân, dù sống dưới bầu trời nào, trên phần đất nào, trong cuộc sống như thế nào, vẫn luôn luôn rộng mở và bén nhạy. Trước một thiên-nhiên đang lột xác, họ thấy thi-tử đôi dào, hồn thơ lai láng, trước mặt họ hiển-hiện những hình ảnh tươi đẹp của trời mây trắng nước mà mỗi năm chỉ có một mùa:

(Mặt đất lên màu mỡ
Vườn trắng như trẻ con
Biển xanh như ngưng thở
Mặt trời cười mỗi sớm)...
(La nouvelle saison — JACQUES PRÉVERT)

Cho đến nhà thơ ARTHUR RIMBAUD, nhà thơ mà Xuân Diệu của Việt-Nam đã nhắc nhở và yêu thích trong thơ của mình, đã nhìn mùa Xuân bằng tất cả đôi mắt say sưa, đã tắm gội thỏa thích trong gió nắng mùa Xuân, trong men tình tuổi Xuân, chàng ta cũng có những rung-cảm si-ngây như Xuân-Diệu thuở nào:

(Tôi đi trên những con đường mòn chiều Xuân
 Bước chân trần ngập lúa vàng cỏ dại
 Bàn chân trong cỏ dậu, hồn tôi băng khuân
 Tôi nghe gió gọi trên đầu tôi sáng khoải
 Tôi không nói gì, tôi chẳng nghĩ gì
 Nhưng tình yêu bất diệt tràn lên hồn tôi
 Tôi mãi miết đi xa như người đi mục
 Với thiên-nhiên cũng như người bạn gái trong đời...)

(Poésies complètes)

Với thiên-nhiên mùa Xuân như người bạn gái trong đời thì thật là đầy đủ, thật là thiết-tha, nhưng tất cả những hình ảnh, âm-thanh, sắc màu gì dù đẹp dễ, vui tươi, nào nức đến đâu cũng có khi phải tàn phai, héo úa và lụi tắt. Tình yêu thương đang dở, nát tan vì những cách ngăn, giả trá của lòng người, tuổi Xuân tàn phai, cần cỏi vì sự dân trời lạnh lùng và tàn nhẫn của thời-gian, thêm vào đó, những buồn đau, tai họa của cuộc sống cam go và chua xót đã làm mất đi ý niệm đẹp dễ về mùa Xuân. Khi cuộc sống con người được ví như bể-khô trăm-luân, đây những buồn đau tuyệt-vọng vì nhiều lý-do, thì mùa Xuân của cuộc đời và của lòng người đâu còn nữa.

Nhà thơ LÝ-BẠCH, một nhà thơ Trung-Hoa, luôn luôn say sưa men rượu, men tình, men trắng, men gió, nhà thơ luôn luôn cảm thấy «sinh bất phùng thời», tự thấy mình như kiếp độc hành trên đường đời bao la hun hút, đã ký thác tất cả nỗi lòng mình trong bài thơ «Ngày Xuân uống rượu một mình», một tuyệt tác mà ai «đồng hội đồng thuyền» với LÝ-BẠCH, đọc lên cũng thấy lòng cảm khái:

«Ngày Xuân gió quạt êm êm
 Cây xanh nước biếc dưới thềm nắng Xuân
 Ánh trời rạng rỡ thanh tân
 Cánh hoa bay gọi băng khuân trong hồn
 Mây đơn về núi cô đơn
 Đàn chim cũng đã về nguồn từ lâu
 Sao ta lẻ bóng u sầu
 Không nơi nương tựa về đâu bây giờ
 Ánh trăng uẩn đã lặn lơ
 Ta say rượu hát bài thơ hương nồng !...»

(Xuân nhật độc chước)

Trở về với làng Thơ Việt-Nam, nhiều nhà thơ cũng đã nhìn mùa Xuân bằng những đôi mắt u-sầu, những cảm nghĩ buồn đau ngao ngán. CHẾ-LAN-VIỆN với những điệu tàn đồ vớ của non nước Chiêm Thành, của những kiếp người lam than đói khổ không bao giờ biết Tết, biết Xuân. Trước mắt thi nhân, không thể có ánh nắng reo vui, hoa cười chim hót... khi mà cuộc đời chỉ có mồ hôi và nước mắt. CHẾ-LAN-VIỆN chỉ yêu thích mùa thu, mùa nhắc nhở những buồn đau ly hận để tạo nguồn hứng cảm chân thực cho thi nhân:

«Tôi có chờ đâu, có đợi đâu
 Đem chi Xuân đến gọi thêm sầu
 Với tôi tất cả như vớ / ghĩa
 Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau.
 Ai đâu trở lại mùa thu trước
 Nhặt lấy cho tôi những lá vàng
 Với cả hoa tươi muôn / cánh rã
 Về đây đem chôn nẻo Xuân sang
 «Ai biết hồn tôi say mộng ảo
 Ý thu góp lại căn tình Xuân
 Có những người nghèo không biết Tết
 Mang li chiếc áo độ thu tàn
 Có đứa trẻ thơ không biết khóc
 Vô tình bỗng nổi tiếng cười vang
 Chao ơi, «mong nhớ ôi mong nhớ
 Một cánh chim thu lạc cuối ngàn...»

(Điệu-tàn)

Đó là chỉ nói đến những nát tan, đổ vỡ, hận sầu vì những tai họa do thiên-tai địa nạn, do những âm mưu giả trá điều ngoa của người đời, những cảnh khổ vì sinh-ly tử-biệt... làm cho lòng người không cảm được mùa Xuân.

Đến khi thế-giới loài người bị chiến tranh lan tràn và phủ chụp lên, thì tất cả vẻ thơ mộng của đất trời tan biến hết, chiến-tranh còn gieo rắc tai họa và những đổ nát kinh khiếp hơn thiên-tai địa nạn. Những cuồng-lưu hồng-thủy hung tàn cũng diễn ra có hạn định thời gian và con người còn có cách né tránh để sống còn. Chiến-tranh là tai họa cố ý giữa con người và con người và đối với những lương dân đứng ngoài cuộc chiến cũng chịu chung thảm họa.

Thi-nhân bốn phương trong thế-kỷ 20 đau khổ này đã nói rất nhiều về «chiến tranh». Có nhiên, sống giữa cảnh đầu sôi lửa bỏng, thi-nhân không thể rư vớ gì, mà theo trang và vớ vần cùng mây». Họ không lẫn xả vào cuộc chiến nhưng họ cũng không thể đứng bên lề cuộc chiến. Thơ của họ cũng phải phản ánh những khổ đau, uất hận vì chiến-tranh, vì lòng tham và cuồng vọng của những kẻ muốn xâm-

lăng, thống-trị hoàn-cầu; Mùa Xuân trong chiến-tranh cũng phải mang sắc-thái ly-loạn, đau buồn:

«Nước nhà tan nát từ lâu
 Núi sông còn đó, bể dâu chur đời
 Thành Xuân có mọc bởi bờ
 Thương đau thế-cuộc hoa rơi lệ buồn
 Cánh chim sợ hãi cô đơn
 Liên miên mây trắng mỗi hồn lửa binh
 Thư nhà nung nấu bao tình
 Bây giờ mới thấy bóng hình nâng niu
 Bạc đầu phiền muộn trăm chiều
 Tóc thưa thớt rụng, làm sao trăm cài !»

(Xuân Vọng — ĐỒ-PHỦ)

Không riêng gì thi-hào ĐỒ-PHỦ của Trung-Hoa, nhà thơ phản chiến tích cực và bền bỉ suốt cuộc đời làm thơ của ông, đến như thi-sĩ nổi danh của đất Phù-Tang là TSOURAYOUKI cũng đã quan-niệm rằng «chỉ có mùa Xuân cho cuộc đời khi con người biết đem tình thương gieo rắc trên lòng đất đã lụi chết vì chiến-tranh». Và thi-nhân đã làm thơ bằng trái tim:

«Thơ mọc lên từ trái tim người
 Và lá cành là vạn tiếng triệu lời
 Và những bước chân trên đường đi tới
 Sẽ nói lên rất thực cuộc đời
 Thơ sẽ nói trong cành hoa đỏ
 Có dậu đang tiếng hò-hơ-mi
 Thơ nói lên trong đất đây sỏi đá
 Muốn vạn côn-trùng đang sống đang đi...
 Thơ sẽ nói với người hiểu chiến
 Ràng tình thương, biến cả cuộc đời
 Đang khơi mạch trong lòng đất chết
 Đem mùa Xuân thấu khắp muôn nơi»

(L'art poétique — TSOURAYOUKI)

Cũng đồng quan-diêm với TSOURAYOUKI, một nhà thơ-Hồi-Quốc, thi-sĩ ABU TAMMAN, đã nói rằng:

«Thơ không cần chiến-thắng nếu sự chiến-thắng đó không mang lại mùa Xuân và niềm vui cho lòng người và cho cuộc đời»...

(L'art poétique)

Và có nhiên, mùa Xuân của cuộc đời và của lòng người chỉ thực-sự thể-hiện khi Hòa-Bình trở lại trên khắp cõi nhân-gian này. Hơn ai hết, người làm thơ, người mang những luồng gió mát cho tâm hồn người, phải tin-tưởng là hòa-bình sẽ đến sau những ngày tang-tóc điêu linh. STERLING BROWN, nhà thơ Mỹ đã đến nói:

«Và tất nhiên chúng tôi biết ngày mai
 Hòa-Bình sẽ trở lại.
 Cho những con tim đã héo sầu
 Và con người sẽ tái giới hơn
 Trông trở / và thu hoạch hoa màu tốt đẹp hơn
 Những trái tim những tâm hồn, những sức mạnh
 của chúng ta chưa làm gì xứng đáng,
 Nó phải là ngọn đèn mới cho tương-lai...»
 (Les poètes noirs des Etats-Unis)

Nói về chiến tranh, cần hơn thóa mạ chiến tranh, khao khát ng-ca Hòa-Bình thì có lẽ không có THƠ của nước nào phong phú và đa diện như Thơ của thi nhân Việt-Nam trong vòng 20 năm trở lại đây. Trong phạm vi của một bài báo Xuân, tôi không thể trích đăng hết ra đây, chỉ xin đem ra một bài thơ Xuân của một nhà thơ miền Trung, một «sinh viên», rất trẻ nhưng hồn thơ cũng đã thấm nhiều «bão tố» của chiến tranh, của tử tầy, áp bức trên quê mẹ Việt-Nam rách nát u-buồn. Chúng ta hãy lắng tâm tư đi vào từng câu từng chữ của thi nhân, tuy không phải là tuyệt bút nhưng cũng là những vần thơ «đẹp» và «thực» ở phương diện rung cảm chân-thành:

«Tiếng súng thay tiếng pháo
 hoang tàn trong mùa Xuân
 Từng thấy người lao đao
 ôi mùa Xuân từng bừng!
 từng giọt máu chảy ra
 từng màu cờ chen lẫn
 và thấy người lại ngã
 ôi mùa Xuân: quê nhà !»

(Mùa Xuân đau thương — NGUYỄN-VĂN-PHỤNG)

và đây là hình ảnh của thi nhân trong một đêm buồn cuối năm, thao thức với niềm đau đất mẹ và chiến tranh:

«Chỉ còn điều thuốc cuối cùng
 còn năm tháng đại lạnh lùng trôi qua
 đem nghe tiếng súng vọng xa
 bởi tổ mành đất hiện hòa chia đôi
 đau buồn xứ sở của tôi
 bết bết máu lửa, tôi bởi đạn bom
 Quê hương giờ tựa lưng còm
 Mùa Xuân xứ sở vẫn còn hát hiu !...»

(NGUYỄN-VĂN-PHỤNG)

Ước mong rằng mùa Xuân Kỷ-Dậu sẽ là «mùa Xuân / lý tưởng của thi nhân để cho mọi hồn thơ cũng có chất liệu thơ mộng, (mềm mại, vui tươi, nào nức để có thể dệt nên những vần thơ Xuân tuyệt tác.

HOÀNG HOA THƯƠNG



bài của

PHONG SƠN

DƯỜNG như thắng Vui điên có mặt

hấp mọi nơi trong thành phố Huế: An-cư, Nam-giao, Kim-Long, Bao-vinh, Vỹ-dạ, chợ Đông-Ba... chỗ nào cũng có nó xuất-hiện một vài lần. Nhưng chỗ đóng đô của nó chắc là vùng Gia-Hội. Hân tên là Vui và bị bệnh điên nên người ta gọi là thắng Vui điên. Cái tên cũng thích hợp với khuôn mặt và bộ điệu của nó. Nếu không bị điên, được ăn mặc tử tế, cấp sách đến trường, hân cũng đủ tư cách để người ta gọi nó là cậu sinh-viên đẹp trai.

Sự có mặt của nó làm cho thành phố Huế thêm vui chứ không đáng gọi là một hình ảnh xấu. Hân chỉ reo cười, ca hát, ngâm thơ. Đoạn thơ mà hân hay đọc bỏ bỏ hết ở chỗ đông người là đoạn cuối của truyện Kiều, nhất là hai câu:

«Bất phong-trần phải phong-trần

Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao»

Người ta nói thắng Vui điên đã học đến lớp Đệ-tam, thi Trung-Học 9, 10 lần không đỗ, tức mình bỏ học, ham đọc sách Triết-lý, văn-chương, yêu một cô nữ-sinh Đồng-Khánh nhưng không được yêu lại, dám ra thất vọng, buồn nản, cộng thêm chuyện gia đình: ông cha mê say vợ kế, bà khắc với con cái, hân ở nhà lâu lòng, xã-cùng hát hủi, hân uất-khí thành điên.

Mỗi khi ngâm xong hai câu «Bất phong-trần phải phong-trần, Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao»... hân cười ha ha rồi chửi thề, giọng chửi xứ Huế «Tổ cha bà cô mẹ nội hân, ông trời ông quyền thế lắm, bất phong-trần là phải phong-trần, cho thanh-cao mới được phần thanh-cao... mần rằng mà chống chọi nổi. Như tui đây...

Rồi hân bắt qua giọng hát bộ hay cải lương, khi thì tự xưng là một kẻ sĩ bất-phùng thời, khi thì tự cho mình là một đáng quân vương gặp thời tao loạn, hoàng cung đổ nát, phải xa lìa cung vàng điện ngọc và những cung phi sủng ái để bôn đẩu, mưu chuyện khôi phục vương quyền...

Cương mặt sáng sủa, dáng điệu nhanh nhẹn và những lời nói vừa có vẻ văn-thương triết lý của hân, dù là rất điên loạn, người ta cũng cảm thấy vui vui khi có sự hiện diện của hân.

Về các bài hát tân nhạc thì hân hát đủ loại: tình cảm, anh hùng ca, kháng-chiến-ca, nhưng có lẽ bài «nhạc tuổi xanh» là hân thích nhất, mỗi khi hân hứng chí lên, hân khoa chân múa tay loạn xạ, bước thấp bước cao ngênh ngang trong đường phố, miệng hân la lớn:

«Đường ta ta cứ đi

Nhà ta ta cứ xây

Vườn ta, ta cứ cây... đời này.

Ngày mai bao sáng tươi

Ngày mai bao ấm no

Cười vang ta hát chân tự-do...

Reo cười múa hát chán chê, khi đói bụng, thắng Vui điên tìm đến các quán ăn. Hân trở tài ga găm và người ta cũng không cảm thấy phiền phức, khó chịu gì lắm và sẵn sàng thết cho nó một bữa ăn. Hân thuộc lòng khá nhiều văn thơ. Trong bữa ăn, nếu bạn chịu khó nghe, hân sẽ

đọc vanh vách cho bạn nghe một đoạn Lục-vân-Tiên, Kim-vân-Kiều và kể cả những bài thơ mới, thơ Tự do. Giọng hân ngâm thơ cũng khá đọc đáo. Hân thuộc nhiều thơ Quang-Dũng, Hoàng-Cầm... Khi hân ngâm mấy câu:

«Mai chị về em gởi gì không?

Mai chị về nhớ má em hồng

Đường đi không gió lòng sao lạnh

Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong...

thì dù là đang đi giữa xứ Huế nắng cháy hay đang ngồi co ro dưới bầu trời Huế rét mướt, người ta cũng thấy lòng băng khuâng xúc động, man mác...

Tối đến, thắng Vui điên thực hiện đúng câu «giang hồ bốn bề là nhà». hân đi lang thang mua hát cho đến khuya, hân thành phố rơi vào giấc ngủ âm thầm hoang vắng thì hân cũng tìm hè phố, quán chợ, sân đình để ngủ. Chỗ ngủ lý tưởng của hân là nền nhà Phụ-vân-Lầu về mùa hè nóng bức và hội quán hội Quảng-Trị về mùa đông rét mướt. Cũng có lần hân leo lên lầu các của thành Đông-Ba, Thượng-Tứ để ngủ và những lần đó hân tự ví mình là những viên tướng trấn giữ cửa thành và tha hồ ca hát vơ von. Ngủ ở Phụ-vân-Lầu trong mùa hè thì hân tự cho mình là hoàng-đế đương triều ngự giá ra đây để hóng mát ngâm thơ.

Tóm lại, cái điên của thắng Vui thật là vui, thật là thú và vô hại. Chỉ có mấy cô gái đẹp gặp nó thì hơi phiền. Bao nhiêu cảm hân ấn ưp về chuyện người yêu của hân phụ bạc hân tìm cách trút lên người các cô gái mà hân gặp giữa đường bằng những câu chọc ghẹo, nguyên rủa, nhiếc mắng chua cay. Có khi, hân nắm được một cô gái nào trong tay, hân kê miệng sát vào tai cô gái mà hét lên cái câu đầu tiên:

«Xin đừng tham đồ bỏ đàng,

Chơi lại quên lưu, chơi trắng quên đen!»

Rồi sau đó, hân mới trách móc, kể lể, mắng nhiếc, tùy theo cái xúc động bất thường trong người hân. Mọi người phải xúm vào can, kéo cô gái ra khỏi sự kèm chế và «bàn cáo trạng» của hân. Biết tâm sự của hân như vậy, lời đi là yên ổn, nếu cô nào giận dữ chanh chua với hân là hân bám theo «xài xè» đến khi thấy cô phát khóc lên bù lu bù loa và có người can thiệp, hân mới thôi.

Trong trận chiến Tết Mậu Thân vừa qua ở Huế, thắng Vui điên cũng hiện diện giữa súng đạn, máu lửa. Người ta gặp nó ở vùng Gia-Hội. Mặc dù trời lạnh như cắt da, hân vẫn ở trần trụi, mặc mỗi một cái quần đùi. Điểm đặc biệt là thắng Vui điên lúc đó cười, reo, múa, hát. Chừng như bom rơi, súng nổ, nhà cháy dữ quá làm cho tâm hồn điên loạn của hân cũng bị chấn động và biến đổi.

Nụ cười thường trực trên miệng hân đã tắt mất từ hồi nãy. Mọi người dắt díu nhau chạy loạn, tránh núp bom đạn làm cho thành phố vốn đã lạng lã, cô kính nay lại càng hoang

vắng thém. Nhưng thắng Vui điên không trốn tránh đâu cả. Hân vẫn ở trần đi lang thang trong mưa lạnh của những ngày đầu Xuân, giữa khói lửa bom đạn ngút trời. Thỉnh thoảng hân cũng chạy, nhưng chỉ chạy «biểu diễn diễn kinh» mà chơi. Hân đứng ở đầu cầu Đông-Ba, một quả pháo đạn rơi gần đầu đó, nổ rền trời, hân co giò chạy về hướng cầu Gia-Hội. Đến cầu Gia-Hội nó dừng lại, thờ hồn hồn rồi lại đi thơ thần ở đó. Nếu có một quả đạn nào rơi nổ gần đó, hân lại co giò chạy ngược lại hướng về cầu Đông-Ba. Trong trường hợp có một quả đạn nào rơi nổ gần nơi hân đang chạy, nếu trước mặt thì hân quẹo chạy trở lui, nếu sau lưng thì hân cứ cầm cổ chạy riết tới. Đạn rơi nổ lung tung trong vùng cầu Gia-Hội, Đông-Ba, thế mà thắng Vui điên vẫn không chết, vẫn hằng ngày hiện diện và lang thang, chạy lui chạy tới giữa thành phố Huế khói lửa. Có điều là hân không cười reo, hát nữa. Gương mặt hân trầm tư hẳn lại, hân nói lầm thảm trong miệng, những khi ngưng tiếng súng, yên lặng, gặp ai hỏi chuyện, hân cũng có thể phân tích phê bình chiến-thuật của đôi bên nữa. Hân nghe súng nổ, đạn reo, hân cũng đoán được loại súng gì: B.40, AK50, M.79, M.16 v.v... hân nói vanh vách:

Súng nổ bom găm, đạn reo, hân đang chạy. Có người sợ nó chết, la lên:

— Ê, Vui điên, đừng chạy xuống dưới nó! V.C. bắn chết bây giờ!

Hân vẫn cứ chạy và trả lời:

— V.C. không bắn Vui điên đâu!

— Ê, Vui điên, Mỹ ở bót Đông-Ba nhiều lắm. May chạy lên đó hết sống đã!

Thắng Vui điên vẫn chạy vẫn trả lời:

— Sức mấy mà Mỹ bắn Vui điên!

Đồng-bào chạy loạn thấy rằng số mạng thắng Vui điên to thật. Hân không chết dù hân chạy reo ngơ giữa đạn reo bom rơi. Có lần, một quả bom hạng nặng rơi ở đường Hàng-Bè, Tiếng nổ long trời lở đất. Nhà cửa sụp đổ, cát bụi, gạch ngói bay rào rào. Thắng Vui điên đang chạy bên này sông Đông-Ba, bỗng dừng lại nhẩy cõn lên và la lớn:

— Tổ cha bà cô mẹ nội hân, bom 350 cân Anh đó! Tao vẫn không chết, Vui điên vẫn không chết!

Mọi người, dù đang trốn núp, hoảng hồn cũng không thể nín cười được. Cuối cùng, thấy thắng vui điên hiện diện chỗ nào là họ biết chỗ đó tương đối được yên tĩnh, mức độ giao tranh của hai bên không ác liệt lắm.

Một hôm, thắng Vui điên xuất hiện ở khu công-nghệ nhỏ, đoạn đường Phan-bội-Châu tách hai, gần cửa Đông-Ba. Nhà cửa phố xá ở đây đã đổ nát khá nhiều, tuy vậy những cái ốc kiên cố vẫn còn lạnh lặn. Đồng-bào ở các căn nhà nhỏ, tụ tập lại nơi những cao ốc ba bốn tầng để ăn núp tránh đạn. Lòng dạ con người, dù hẹp hòi đến đâu, trước cảnh chết chóc bi thảm của những người nghèo khổ, nhà cửa không chống đỡ nổi mưa nắng làm sao chống đỡ bom đạn, cũng tự thấy phải mở rộng lòng, thương yêu đùm bọc lấy nhau.

Thắng Vui điên đi thơ thần khắp đường Phan-bội-Châu, con đường náo nhiệt nhất của thành phố Huế, bây giờ trông hoang tàn nhất. Những căn nhà đổ nát và bốc cháy trong trận oanh-tạc hôm qua, nay khói đen còn bốc lên. Vài ba xác chết chưa có ai thu dọn trong đêm qua, còn nằm đấy đó. Con đường nhựa sạch sẽ, duyên-dáng ngày xưa, nay bị tràn ngập vì gạch ngói, cây gỗ đen cháy, ám khói, những đồng sắt vụn, Pháo xá đóng kính cửa. Những cao-ốc đất nhô người từ tầng dưới đến tầng trên. Một đôi người đàn ông bạo dạn thò cổ ở các cánh cửa ngóng trông tin tức. Tình hình, Súng vẫn nổ rất tại ở khu Thành Nội. Phán-

(xem tiếp trang 36)



THẦN KÊ LÍNH TỬ

KHOẢNG trung điệp triều đại nhà Hồ Nguyên, tại huyện Tức Mặc (nay thuộc tỉnh Phụng thiên) có một nhà cư phủ tên là Đỗ Hùng, chuyên môn làm giàu bằng cơ quan bạc lặn, cho vay cát hung ăn lời.

Thừa niên thiếu, hân bị số phận bạc đãi, phải tháng ngày ăn đấm nơi chợ, chiều đất mần sương. Trong cuộc đời đã trải tang thương, hân học được nhiều «bài học bại hoại».

Những bài học ấy chẳng có bài học nào hay. Tất cả chỉ là những mưu mẹo tập đời, những trò lường gạt. Có thể nói thiếu một của hân chỉ là những ngày dài sống trong đói, trả và trả hận. Chính cuộc đời bần cùng, thô bạo đã dạy cho hân bài học đời trả và trả hận để khi trưởng thành, hân đem ngay bài học ấy áp dụng mà trả thù đời.

Nhưng sự giàu có của nhà cư phủ Đỗ Hùng ở huyện Tức Mặc triều đại Hồ Nguyên thật là tuyệt kỳ. Trong 12 môn cơ bạc thời ấy, hân lao động tất cả, không sót môn nào. Những mảnh khốc gian tàn của hân thực tâm vì lý do đến độ không một con bạc nào có thể lường đoán được. Tất cả những dân chúng của hân đều tưởng đã thua hân một cách từ nhiên, hoàn toàn do may rủi.

Nhà cư phủ Đỗ Hùng ở huyện Tức Mặc triều đại Hồ Nguyên hân mê cơ bạc trong suốt một đời (tính trên dưới mười năm và đã tạo được một gia tài trăm vạn).

Đến chừng ấy mà một bà mẹ cơ bạc đã thực hành câu: «Vinh hoa cho họ bạc phúc trần».

Trước tiên, nhà cư phủ Đỗ Hùng bỏ tiền ra xây một ngôi nhà xinh xắn ngay gần chùa Khâm Nam cung điện. Hân cho người đi khắp nơi kiếm mua những thứ kỳ quái để thảo vẽ lập một vườn cây đẹp có thể sánh với vườn của nhà vua. Trong nhà hân trang hoàng bao lần cũng chẳng thiếu gì quái châu bảo ngọc. Sau khi đã lo xong phần tiền nghĩ vui chơi, lấy giờ hạn lại là đến phần đặt gieo tiền tham.

Nhà cư phủ Đỗ Hùng ở huyện Tức Mặc triều đại Hồ Nguyên, sau khi đã lo xong nhà cửa bên bờ biển ra biển lấy chức công danh. Thời ấy, phần vua là nước biển xanh có thể mua lấy bằng tiền. Và nhà cư phủ Đỗ Hùng càng bao lần đã được vinh phong làm ngũ phẩm.

Từ ấy quan ngũ phẩm Đỗ Hùng học theo nếp sống quyền quý, mỗi ngày ăn uống, gái đẹp hầu hạ, lại lấy danh kỳ thi họa các môn nghệ thuật phong lưu, thêm trang cho con người mình vốn dĩ xuất thân phẩm tục.

Trong các trò chơi tương giá mà Đỗ Hùng tập tành tập tành, phải kể luôn cả cái thú đá gà... ăn bạc.

Gọi là thú đá gà ăn bạc, vì mọi cuộc đá gà tiêu khiển của Đỗ Hùng luôn luôn đều có kèm theo sự đánh cá bằng tiền bạc. Và lần nào cũng vậy, số tiền đánh cá đều là những món tiền to tát, trị giá bằng cả một «gia tài bạc trắng».

Đỗ Hùng từ ngày bỏ nghề cơ bạc, đã tổ chức

nhiều cuộc chơi gà sôi nổi, gà thi hạng nhất, đánh cá thi nhiều tiền. Chẳng bao lâu, danh tiếng đá gà của hân đã vang lừng bốn xứ.

Một ngày kia, bỗng có một cụ già đem một con gà đến để nghị bán cho nhà cư phủ.

Cụ già tướng mạo bất phàm, trán cao như núi, mắt sáng như sao. Người nào, của này; con gà cũng «bất phàm» như chủ, vóc cao, cựa bén, toàn thân gồm đủ 12 tướng tốt của một húng kê của dân tương.

Gặp Đỗ Hùng, cụ già đòi một giá ba trăm lượng.

Quả là một cái giá quá ư là thánh thốt. Đỗ Hùng nghe nói đã không tin được ở lỗ tai mình.

Vâng, thì con gà của cụ già này có vẻ là một húng kê thực, nhưng ấy là chỉ một xem ở bề ngoài. Ở đời cần có làm thứ chỉ được bề tức mắt. Và chẳng một con gà mà giá ba trăm lượng thì quả là xưa nay chưa từng có.

Nhà cư phủ mỉm cười, rào bước tới bực gà nhìn xem cho kỹ. Ô... gà quả nhiên tốt thật... Trước con mắt sành sỏi của Đỗ Hùng, 12 tướng tốt của con gà đều hiện rõ. Ở gà quả nhiên tốt thật...

Tuy nhiên, cái gì mua chắc cũng phải thử. Đỗ Hùng bèn lên tiếng:

— Vâng, con gà của cụ già ra cũng là giống tốt đây. Nhưng mà, tôi muốn để nghị với cụ để cho nó được đá với một trong những con gà của tôi một chuyện để cho nó có dịp phô diễn tài ba. Ý cụ nghĩ thế nào?

Cụ già trầm ngâm giây lát, nhân nhả gãi đầu cười ưng thuận.

Đỗ Hùng hân đến tổ chức ngay cuộc thi «đá gà» tại. Hân gọi gia đình đem con gà thời mệnh mà nhà cư phủ ra. Và cuộc chiến bắt đầu.

Kỳ diệu thay, chỉ trong vòng một hiệp, con gà vàng của cụ già đã thắng sáu khi chỉ một npon cuộc đấu trời giáng vào ngực ở đầu phương cuối nhà hân giữa dân tương.

Thời chúng còn gì để phân bình về tài nghệ của con gà vàng nữa. Duy chỉ còn có vấn đề giá cả. Đỗ Hùng, theo như tác tục của những anh nhà giàu xưa hân của những công vừa tức cũ, thả hồ mà kỳ kèo bớt một thêm hai...

Nhưng cụ già, trước sau vẫn giữ đúng giá ba trăm lượng. Mà nhà cư phủ ba trăm lượng vàng, chứ không phải ba trăm lượng bạc đâu!

Sau rốt, Đỗ Hùng cũng đành bậm bực mà chỉ tiền ra vậy.

Trong một thoáng giây thôi, đầu óc Đỗ Hùng đã tỉnh ra con toán lợi lỗ. Theo hân, với con gà này, hân sẽ kiếm được vô số tiền, nhất định về lâu về dài sẽ nhiều hơn số vốn bỏ ra gấp bội.

Quả nhiên, từ ngày mua được «hoàng kê đại tướng quân», Đỗ Hùng đã một chơi chơi mà kiếm được trên ba trăm lượng thật.

Có gì đâu: hân chỉ việc cho con gà vàng đá

đám bảy trận, thế là tiền ăn cá đã vượt trời số vốn rồi.

Vì con gà vàng quả là anh dũng vô địch thật. Mỗi trận đấu, gà chỉ cần quai vai ba thành công lực, một đôi ngón cườ, một vài cú mổ như trời giáng, thế là kết thúc chiến trường ngày!

Tài nghệ vô địch của con gà vàng chẳng bao lâu đã truyền ra khắp xứ. Quan huyện Tức Mặc vốn cũng là một đồ đệ của tôn giáo đá gà, nghe tiếng tăm vô địch của con gà vàng thì lập tức mất ăn mất ngủ.

Số là, từ lâu nay, quan huyện vẫn được coi danh là một tay quân quân và một đá gà. Nơi quan huyện là tay quân quân, dĩ nhiên không phải có ý nói trong các vụ đã già... ông là đương sự, nói như thế, chỉ là vì quan huyện từ lâu vẫn là chủ của một con gà đẹp vô địch trong vùng, một tay đá gà cả hàng trăm địch thủ.

Thế mà nay, con gà vượt trội này đã đá nhà lão Đỗ Hùng lại, lòng hân không được ổn định cho là vô địch, bởi có tức nào lên?

Cho nên, một ngày kia quan huyện bèn gọi «tôi hiệu thư» cho Đỗ Hùng, hẹn ngày đem gà đến chiến húng mao chiến.

Đi nhiên là Đỗ Hùng chấp thuận. Thế là cuộc đụng độ giữa hai tay gà vô địch đã diễn ra.

Trước khi đá đấu, người đánh thuê vội người.

Quan huyện, lấy tư thế thách hơn thua một số đến kinh thành, ba trăm lượng vàng vàng.

Nhưng Đỗ Hùng, hân còn từ tốn gấp mười. Hân thách thế ba ngàn lượng!

Ba ngàn lượng? Quan huyện trông mặt là ai, nghe không rõ Đỗ Hùng, đó là cả một số tiền lớn, từ già hân... muốn nam của con nhất vô nhị, đáng lấy của một quan tri huyện... Ba ngàn lượng hân hết tất cả của gia bại mà ông có trong nhà...

Nhưng chẳng lẽ lại từ chối ư? Và lại được các đây xem cho từ hân, con gà vàng kia đã!

Ừ, cũng khá thật. Đời mà lòng hân có thanh này... Cái miệng đó vừa đây vừa can, kể rằng cụ đúng... Cái mỏ dài, sắc, cũng đáng sánh với mỏ chim ưng.

Quan huyện quan sát kỹ húng con gà vàng một hồi lâu... ông an thần so sánh các điểm ưu khuyết giữa gà mình và gà người... Quan huyện thành thực nhận thấy gà người tuy khỏe sức khách quan mà npon, cũng có bộ mã khá đẹp đấy, nhưng quả tình CHUẢ CHẠC đã an nghỉ ở nhà của ông... Dựa trên lẽ «chưa biết mèo nào cắn mỉu nào» ư bèn canh cái lỗ danh dự nữa. Còn nhiên—quan huyện bèn chấp thuận. Thế là, một giây lát sau, giữa trường đá đấu, đã xảy ra một trận kinh hồn!

Kinh hồn thực, vì cả hai đều là kẻ thuộc loại đệ nhất lưu cao thủ.

(xem tiếp trang 36)

DÙ muốn dù không cũng ai công nhân, V.N. là một tôn-tộc đã chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa rất sâu đậm, từ cả làng cơ sở (kinh tế) tới thượng tầng kiến trúc (tôn giáo, pháp luật, phong tục, tập quán, luân lý...). Quả đúng như lời nhà bác-sĩ Sử học P.H.T. đã nói: Văn hóa Trung-Hoa với văn hóa V.N. là hai ngành của một tron sông.»

Xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp, lấy tháng dần làm hàng đầu năm, gọi là Tết nông lịch Nguyên-Đán, một ngày tết tối quan trọng hơn hết trong cả năm. Vì vậy, trong dịp tết NGUYÊN-ĐÁN này, thời xưa dân tộc V.N. có nhiều phong tục cổ truyền, đeo nặng dân tộc tính.

TỤC TRÔNG CÂY NÊU

«Ca kên ba tiếng cu kên

«Trông mau tới tết dự g.êu ăn chề»

(CA-ĐAO)

Và:

«Cao nêu kên pháo,

«Ngọt cháo thơm hương»

«Ăn ở bát lương

«Phật, Thần cứ phật»

Tại sao lại có cổ tục trông cây nêu?

Sách «Ân-Lạc tâm nguyên» giải thích rằng: Chiều 30 tết các ma quỷ được thả ra thiên, trong khi các vị thần linh ở hạ giới lại phải đi châu trời, sơ bọn ma quỷ quấy nhiễu lương dân. Nền đức Phật mới đưa cho dân gian trông cây nêu để thay vì cột mỡ địa giới nhà Phật để cho ma quỷ khỏi tới đó hoành hành khuấy nhiễu.

Tại sao lại có tục hạ nêu vào ngày mồng 7 tháng giêng?

Cũng theo kinh Phật, từ ma quỷ chỉ được về ăn tết có 7 ngày, hết ngày mồng 7 thì chúng lại phải trở lại «Cầu-lư-xà» thuộc cung A-Tỳ dưới địa phủ.

TỤC LỄ RẮC VÔI BỘT VÀ VẼ CUNG TÊN

Ngày tết đến ngày xưa có tục lễ rắc vôi bột xung quanh nhà và vẽ cung tên ra trước cửa.

Các Cu xưa giải nghĩa rằng: Ngày xưa vua Đinh-Tiên-Hoàng sau khi bình định được 12 sứ quân Ngài lên ngôi Hoàng-đế chưa được bao lâu thì dân gian bị bệnh dịch tả hoành hành. Nhà vua thiết đàn kỳ yên thì bỗng có một vị thiên Thần giáng xuống cho hay: Nhà vua hãy truyền lệnh cho dân gian nên rắc vôi bột xung quanh nhà và vẽ cung tên ra trước cửa cho ma quỷ chúng sợ.

Nhà vua vâng lời làm theo, quả nhiên rất thần hiệu. Ở đây chúng ta chỉ nên hiểu rằng: Vôi là một chất tặc chướng và sát trùng rất hiệu nghiệm. Có lẽ cổ nhân dùng mà không biết;

hay biết mà lại cứ vẫn dùng thần quyền để chữa bệnh cũng nên.

TỤC LỄ CẮM CÀNH ĐÀO TRONG NHÀ VÀ DÁN TRANH ÔNG TƯỚNG NGOÀI CỬA

Theo tục lệ Trung-Hoa thời xưa, để đón chào xuân mới, mỗi nhà làm một đào bùa treo vào một cành đào cắm trong nhà để trừ ma quỷ. Năm nào vẽ bùa này. Cho nên mới có câu thơ:

«Đào phủ van hộ cảnh tân»

Nghĩa là: muôn nhà đã đổi bùa mới ở cảnh đào rồi).

Khác tục lệ này truyền sang V.N. chỉ còn một cành đào chứ không ai vẽ bùa như bên Trung-Hoa nữa.

có mùi hương êm dịu, một sắc trắng trĩnh bạch và một sắc vàng quý phái. Trước kia nhân dân V.N. nhất là đồng bào Bắc Việt rất thích chơi hoa Thủy tiên, nên đã cố ý gọt hoa Thủy tiên cho nó nở đúng ngày mồng một tết. Đây cũng là một kỹ thuật khá tinh vi.

Không những thế hoa thủy tiên còn kèm theo một chuyện kỳ khôi như sau.

Theo bộ sách «Trung quốc kỷ truyện» chép thì ngày xưa có một gia đình có 4 anh em, cha mẹ chết để lại cho một gia tài và dân sự này anh em phải chia nhau cho cần. Không dè mấy anh trộm lam quả, đánh hết phần của người em út, chỉ cho một mảnh vườn nhỏ.

Người em buồn rầu đứng

Những phong tục cổ truyền về TẾT NGUYÊN-ĐÁN của Dân-Tộc VIETNAM

Nếu có ai hỏi bạn tại sao cổ nhân lại dùng cành đào mà không dùng cành khác? thì bạn phải trả lời cho họ như thế này:

Theo sách «Son-Hải-Kinh» thì tại phía đông núi Sô-Son có một cây đào rất lớn, dưới cội nó 4,5 người giang tay ôm không nổi, cành lá xum xòa. Trên cây đào ấy có 2 vị Thần tên là Trà-Thần, và Uất-lực-Thần làm miếu điện ở, bắt các giống ma quỷ từ xứ mang về đó ăn thịt. Ma quỷ sợ hãi lắm, bởi vậy hễ khi thấy cành đào và hoa đào thì chúng bỏ chạy mất giàng.

Đến chiều ngày 30 tết 2 vị thần nói trên đều phải về châu đưc Ngoc-Hoàng, Đán chúng sợ hai vị thần này đi vắng thì ma quỷ sẽ vào nhà ăn hại. Vì vậy người ta bẻ cành đào và làm bùa treo lên để yểm trấn ma quỷ.

Nhà nào không kiếm được cành đào, thì thay vì có thể vẽ 2 ông Tướng mặt mũi dữ tợn rồi viết tên 2 vị thần kia vào cho ma quỷ không dám tới gần nữa. Khi đó người ta vẽ thêm những bức tranh con heo, con gà, đám cưới con chuột, rước nghề chuột, Tiến sĩ Chuột thì đậu vinh quy, ông ngầu bà ngầu, và thầy đồ cóc rất ngộ nghĩnh để con nít treo chơi.

TỤC CHƠI BÔNG THỦY TIÊN TRONG NGÀY TẾT

Thủy tiên là một giống hoa

nhìn mảnh vườn vô dụng kia mà khóc lóc. Bỗng có một bà tiên trên trời sa xuống mà nói với rằng: con đừng khóc lóc nữa, mảnh đất của con chứa sẵn hạt giống của một giống hoa quý giá, con sẽ trở nên giàu có. Mỗi mùa Xuân giống hoa quý của con thủy tiên — sẽ nở một lần thì con sẽ bán được vô số tiền. Người chủ cúi đầu lạy tạ, khi ngẩng đầu lên thì không thấy bà tiên đâu nữa.

Quả nhiên mùa xuân năm đó trên mảnh vườn của người kia tự nhiên thấy xuất hiện một thứ hoa trắng và thơm tho vô cùng.

Giống hoa này bà tiên đã bày cho thần chủ nó đặt tên là «Thủy Tiên».

Thế rồi các nhà phú hộ quý phái bỏ tiền ra mua hoa thủy tiên với một giá đắt phi thường, cũng như bọn me Mỹ, đi Mỹ, bởi Mỹ mua bông ngoài đường Nguyễn-Huê, có những bó bông họ dám mua tới 2 nghìn hoặc 3 nghìn, trong khi một người công chức tết đến không còn một vài trăm bạc để mua cho con một ít cần kẹo theo lều cho chúng ăn tết.

CÁC TỤC LỄ CÚNG QUẦY VÀ KIẾNG KỊ

BỆM TRỪ TỊCH: Trừ tịch tức là đêm cuối cùng năm cũ bước sang năm mới. Cổ nhân giáng nghĩa 2 chữ «Trừ tịch» là trừ khử hết mọi cái cũ cái xấu

để tiếp nhận những cái mới cái tốt. Vào khoảng hết giờ hơi bước sang giờ Tý (hết 12 giờ đêm bước sang 1 giờ ngày sau) người ta làm lễ giao Thừa. Giao thừa có nghĩa giao đoạn chuyển tiếp của thời gian năm cũ và năm mới và cũng là giờ bàn giao giữa hai vị thần «Đương niên» và «Nhị thiên» (1)

SÁNG MỒNG MỘT TẾT

Sáng mồng một tết ngày đầu năm ai nấy dậy thiêu sớ để lên cung Nguyễn-Đán, và suốt ngày hôm đó người ta gặp nhau thì họ chúc tụng nhau những lời tốt lành may mắn. Việc này người ta đã làm quá nhiều đi tới chỗ nhàm nhĩ, cho nên Cu Tú Xương đã phải làm thơ trào lộng.

Buổi sáng ngày mồng một tết khi tới nhà nhau người ta hay bày chuyện cho trẻ con tiền, thổ ngữ Bắc-Trung gọi là mừng tuổi, Nam bộ gọi là «li-xi». Li-xi là cái gì? nếu chúng tôi không làm «li-xi» tức là chữ «Lợi thì» mà người Quảng-Đông (Tàu) đọc là «li-xi» rồi người Việt cũng học nói theo nhưng lại nói trại sang là «li-xi» Cái chuyện li-xi cho trẻ con ở SÀI-GON trước đây đã có những mẫu giải thoát hay đạo đức: Người ta đến li-xi cho con, rồi bố mẹ lại lấy vạ con để li-xi cho con kẻ khác (chắc chắn là cha mẹ cũng từng tiền). Đã có nhiều trường hợp đứa trẻ bị mẹ lấy mất tiền li-xi rồi lần ra nằm vạ giữa ngày mồng một tết.

Tình trạng gia đình công chức, quân-dội về ai Xuân con gà này nếu không biết báo nhau cách mạng cái hủ-tục «Li-xi» ấy đi, thì tương lai trẻ con nằm vạ ấy sẽ xảy ra rất nhiều.

TỤC KIẾNG QUÉT NHÀ GIỮA NGÀY MỒNG MỘT

Năm rồi có một tờ báo Xuân ở SÀI-GON, khi trình bày cái tục trên tác giả bài báo xuống một câu phê bình là hủ tục là vô ý thức. Theo thiên ý chúng tôi: không biết có nên gọi là hủ tục hay không? nhưng báo là vô ý thức thì không đúng. Vì tất cả những tục lệ cổ truyền của các dân tộc trên thế-giới, chẳng có cái gì là vô ý thức cả.

Vì dụ tục kiếng quét nhà giữa ngày mồng một tết ở V.N. xuất phát từ câu chuyện «Tích này»:

Ngày xưa có một người lái buôn V.N. thường qua lại buôn bán bên Tàu, có một lần ông đi qua Động-dinh-Hồ gặp một

1 Cổ nhân định nghĩa rằng: mỗi năm thì trên trời lại sai xuống một vị thần để săn sóc cho nhân dân muốn họ tại họ giới, giờ giao thừa tức là giờ bàn giao giữa hai vị thần ấy, chữ Hán «gọi là đương niên hành khiển». Ta cũng giao thừa tức là làm lễ đưa ông thần cũ và rước ông thần mới.

Hào Quang trên sông Xuân

(tiếp theo trang 7)

trên án Rợ Hung-nô thì quý hóa biết bao ! Quà khứ đã nhiều tội lỗi vì dục vọng ! Giờ đây nước sông Hằng đã rửa sạch mọi điều tội lỗi, gội sạch lòng dục vọng của con người.

Ngài quay mặt sang phía Tây, dám dăm nhìn giải Hằng-Giang cuộn cuộn đổ ra bể cả. Ngài vô bụng cười lớn :

« Thiện thay ! Thiện thay ! ước gì thiện tâm của nhân-loại cũng vô số như Lượng cát bãi sông Hằng ! »

Đức Tôn-Phật sắp từ gia đình Hy-Mã Lạp-Son để nối tiếp cuộc vân du nơi khác. Lúc ấy lòng ta vô cùng hồi hộp, thăm mong Ngài ghé thuyền sen thăm qua nước Việt mến yêu để ban cho cái Quốc-gia Bán-đảo bé nhỏ này một ít hào quang an ủi...

Hình như thông cảm được mọi thỉnh nguyện thầm kín trong lòng của một chàng người, đức Tôn Phật vụt hiện ngay trên đỉnh đay Trường Sơn trùng điệp núi đồi. Ta vô cùng sung sướng quý mọp xuống đất cúi đầu đánh lễ Ngài rồi ngàng mặt lên như muốn mở miệng cầu xin Ngài ban cho dân tộc một tí phép màu để ngăn những dòng máu vô tội của người dân Việt đang đau thương chảy tràn thấm đất một cách vô nghĩa và cũng để đánh lấy cái quyền sống thiêng liêng mà tạo hóa đã ban cho mình. Ta chưa kịp hở môi, Ngài đã vang lời tuyên dạy :

« Thương thay ! thương thay !

« Mọi việc sẽ an bày.

« Đất trời đâu, lửa biển,

« Chấm hiện tung cánh bay. »

Mỗi lời kệ của Đức Đường Lai là mỗi đợt sóng hào quang tung chuyển. Ta say sưa, bàng hoàng, ngỡ nhòm như muốn bay lên đỉnh núi ôm chặt muôn cánh vàng sen để theo gót vân du của Ngài dạo khắp Hải hồ...

Bỗng một tiếng nổ lớn làm ta bừng tỉnh, tiếc rẻ giấc mộng Xuân tươi đẹp, giấc mộng gây cho ta một cuộc tạo ngộ với vị Tôn Phật Đường Lai. Tiếng gà từ thôn xa vọng lại mà sao lòng ta cứ vấn mãi, mãi băng khuâng ! Ta lần bước ra hiên, nhìn về phía chân mây thấy một góc trời đang bùng ánh lửa...

Lửa giặc đốt nửa dân trong đêm tối ? Hay lửa ánh dương đang báo hiệu cảnh bình minh, báo hiệu sự chớm nở của một thế giới tương lai trong ấy ta đời dự Đức Đường Lai Tôn Phật ? Rồi ta bỗng nhiên quên quên cả sương lạnh đang thấm dãi vai tưởng về phía chân trời rực lửa ấy và chấp tay thăm niệm ba lần :

« Nam mô Đường Lai hạ sanh Di-Lặc Tôn-Phật,

Nam mô Đường Lai hạ sanh Di-Lặc Tôn-Phật.

Bạn, và như thế xem như đã qua rồi một cơn mơ, một cơn mơ khá đẹp, khá huyền diệu, phải không Bạn ? Rồi chắc Bạn sẽ phê bình tôi là quý lãng-mạn ! Vâng, lãng mạn là bản tính của phần đông văn-nghệ-sĩ chúng ta mà trong ấy có cả Bạn nữa ! Tuy nhiên, chúng ta nên cố hướng cái « lãng mạn » ấy càng ngày càng đi lên... Hơn nữa chúng ta vẫn có quyền lãng mạn nếu cái lãng mạn ấy tương lai sẽ thành Biện thực... Bởi vậy ở đây cũng thành thật mong Bạn thông cảm cho. Và nếu giấc mơ mà tôi vừa kể trong « Bức thư Xuân » này dù không có một tính chất lãng mạn Biện thực như chúng ta đã từng mong ước, nhưng phần nào nó cũng có vẻ dự tưởng một thế giới tương lai mà tất cả dân tộc trên quả đất này đang ngày đêm cầu nguyện...

VŨ-HÂN

NHÀ MAY

TUẦN TRANG

348, Trường-minh-Giảng 348, - SAIGON

Điện Thoại : 40.452

Chuyên may Âu - Phục
Coupeur Diplômé de Paris

Kính chúc :

Bà con thân thuộc và Quý Khách
Một năm đầy Hạnh - Phúc

NGOC-AN

222, Lý-Thái-Tò - SAIGON

Son, Sửa xe gắn máy Nhật HONDA

SUZUKI, KAWASAKI,

Bán phụ tùng :

BUIGESTON, YAMAHA

Kính Chúc :

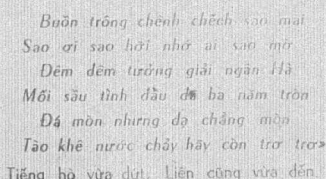
Bà con. Thân hữu và Quý khách
Một năm mới đầy hạnh phúc

THÍ ĐIỂM 222, LÝ THÁI TỎ
MỘT ĐỊA CHỈ ĐÁNG GHI NHỚ

KÍNH
PHẠM-SÂM
QUẢNG-NGÀI - Trung Nguyên Trung Phần



Sau một sớm nà, tôi cảm thấy hai hông đau, thương, khóai lạc, ánh sáng và ngày đã bóng tối, đã không còn hiện diện nơi tôi. Những giây phút đó là những giây phút không có ý nghĩa, không vô nghĩa, không suy cảm, không ý niệm, không tưởng, không động, không vô không động. Và, bây giờ tôi ngồi đây. Sự thể đã bắt đầu có mặt. Tôi có thể nhìn rõ mặt chúng cả trong ánh sáng lẫn bóng tối. Tất cả đã bắt đầu có ý nghĩa — kể luôn ý nghĩa của sự vô nghĩa. Thế nghĩa là gì? Tôi đã đặt câu hỏi — biết đâu câu hỏi chính trong những gì mà ý niệm mình hiện diện. Bây giờ tôi không thể ở trong niềm hoang vu tuyệt đối nào. Câu hỏi đã có trong tôi. Cặp mắt đã mở ra và tôi không thấy gì. Có lẽ nguời tôi, tôi mới thực sự đem mình vào niềm hoang vu tuyệt đối. Và, như thế tôi làm sao định nghĩa được chúng. Ngủ là tôi đã đi vào thế giới bất khả niệm, bất khả giác... Tôi làm sao có thể thức, có thể niệm trong thế giới bất khả. Đây là một việc không có gì như sự lệ lèn tôi bực mình không ít. Nhưng mà biết đâu đã hơn một lần tôi thấy đó lại những vấn đề quan trọng nhất. Thế mà tôi đã chẳng bao giờ trả lời được những vấn đề đó. Và... tôi dường như thấy rằng, nếu tôi đã trả lời được chắc là tôi đã giải phóng hoàn toàn tôi ra khỏi những thế phược.



THANH-TRUC

Xuân cảm



Đường về Đình-Giác

Đi hết đường Gươm, sẽ hiện ra
Đường Tơ cao thấp, gió mưa sa.
Bên kia rừng biển, đường Tu đầy,
Vượt dốc Thơ về đình Thích Ca.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

«Nhị-Thập Bát-Tứ», tập mới, 69»



bé

bé ơi bé ơi bé
một trăm năm nở lè
ba vạn sáu ngàn đến
hồi thế là thời nhè
bé ơi bé ơi bé
bé hãy vỗ bàn tay
inát trời Xuân đã hé
và mai sẽ có ngày
bé ơi bé ơi bé
trong thế giới loài người
từ lâu chỉ có Lẽ
từ lâu chẳng có Lời
nhưng bé ơi bé ơi
từ nay bé hãy vui
vì bé sẽ có Mẹ
Và thơ có Nụ Cười

TRU VŨ



Xuân Bất Biến

Thời gian lặng lẽ đi
Thời gian nhẹ nhẹ đến
Chưa hết trọn vẹn thì
Hoa Xuân nở đúng kỳ
Vạn vật còn đổi thay
Lòng người con đen trắng
Riêng Xuân vẫn là Xuân
Thế Xuân hằng bất biến

MINH THỂ
(Hà Tiên)

Tron ba mươi lần Xuân qua
tuổi chiến chinh già nửa
nặng bài thơ giao mùa
nặng rất nhiều bình lữ

bạn bè còn mấy đứa?
thân tình sắt son không?
người lên ve xuống ngựa
kẻ ưu tư bên lòng...

công danh như bọt nước
tình nghĩa tựa dòng sông
thuyền đời ai xuôi ngược
bến cũ còn neo không? L...

ooo

từ khi làm thi-si
có mùa Xuân giấy hồng
viết bài thơ khai bút
mà ý tình mênh mông...

tháng năm dài qua đó
buồn suốt cả mùa Đông
thiên tai và chiến họa
ung-thur cả ruộng đồng!

người dân gầy chịu đựng
thương nhau chuyện mận nong
triệu triệu bàn chân nhỏ
đường dài chưa đi xong

triệu triệu tâm hồn khô
chưa vui mùa Xuân hồng
ngàn hoa chưa hé nụ
Xuân ý còn mông-lung

còn cam go tranh-dấu
mới có ngày vui chung...
sợ gì ngày nắng Hạ
buồn gì lúc mưa đông

gió mùa Thu thổi dấy
tạo mùa Xuân hoa hồng
buông tim Hoa nở đẹp
giếng mắt ánh dương nồng

vanh môi ngơn xuân sắc
nguồn reo vui chấp chung
quê thăm vàng bông lúa
vàng lời ca mục đồng

phổ sáng vang áo lụa
tiếng cười vang thính không
tĩnh động bao bất tận
sum vầy thôi nhớ mong

niềm vui chung dân tộc
ôi rộng biển dài sông...

(Kỷ Dậu)
PHONG SƠN



Thơ gửi Nàng Xuân

Ta đặt bút viết bài Thơ cho nàng
Trao về trước dịp ngày Xuân sắp sang
Ta gửi cho nàng vài câu nhàn hoi
Trông lúc vui, buồn—thiên hạ xôn xang...

Đẹp lắm! Nàng Xuân—tên rất mỹ-miệu
Lông lẩy, tung bưng, rộn rã bao nhiêu
Nhan sắc xinh tươi muôn phần điểm lệ
Hớn hờ vui mừng đáng nét tự kiều!!!

Mỗi độ Đông tàn, nàng đợi hước sang
Trông đầu nhân loại hạnh phúc muôn vàn
Nhưng chỉ đem vui cho người dư dả
Còn kẻ khốn cùng sao nàng không ban?

Nàng đến những nơi quyền quý cao sang
Về thăm những kẻ danh lợi bạc vàng
Đề họ tôn nàng lên ngôi thần tượng
Thật béo tưng nong nhào đồ rên vang!!!

Trong lúc bao người đời rách lăm than
Vất vả quanh năm sống kiếp cơ hàn
Ngõ hẹp bùn dơ—Xuân, về ấm đạm
Nàng đầu một lời thăm viếng hoi han...

Mỗi dịp Xuân về lòng họ đón đau
Thiên hạ mừng vui họ những âu sầu
Người ta sướng no, họ bao đói khổ
Cùng một kiếp người sao tương phản nhau???

Nàng là tượng trưng muôn sự bất công
Reo rúc bao nhiêu chia rẽ trong lòng
Kẻ được nàng thăm sinh điều kiều ngộ
Người không an ủi—tội cực lòng dong

Nàng là nguyên nhân gây họa chiến tranh
Đầu cơ đẹp vui tươi mát thườn lành
Muôn kẻ oán than khi nàng vừa đến
Ồi, mĩa may thay! nàng Xuân? hừ danh!!!

Ta muốn nàng đi biệt khỏi nơi đây
Đề mặc nhân sinh với vũ trụ này
Đói rách, ấm no—người ta cam chịu
Nếu Xuân không về, sầu vui ai hay!!!

Bao giờ thế gian nhân loại thái hòa
Người người no ấm hạnh phúc muôn nhà
Xuân hãy tái lai và Xuân bất diệt
Ta sẽ mừng Xuân—Nàng Thơ của ta...

PHỤNG - HOÀNG

Thần Kê Linh Từ

(tiếp theo trang 30)

Con gà vàng của nhà cự phú thì nhanh như báo, khỏe như sư, nhất hiệp đã tấn công như vũ bão. Nhưng con gà ô của quan huyện Tứ Mạc vững như đá, nhanh như chớp, cũng tỏ ra gan mực trong thế thủ kiên trì.

Tuồng đá nhau giữa «gà cùng một giống» diễn ra thật lâu dưới sự chứng kiến hồi hộp của hai ông chủ.

Trong khoảng thời gian lâu chừng hai khắc, đôi thủ xem ra vẫn giữ thế cầm đồng.

Nhưng chẳng bao lâu, trận đấu đã bước qua hồi chung cuộc. Sau một hồi dững cậm cậm cự, con gà ô đã bắt đầu xuống nước. Bị trúng một vài đòn khá nặng, nó xem ra kiệt sức dần. Thế thua của con gà ô đã rõ ràng trước mắt...

Cố nhiên trước tình trạng ấy, nhà cự phú phân vô cùng hân hờ. Hắn thấy rõ rằng gà vàng đã thắng, hẳn thấy rõ rằng hắn đã thắng. Hừ, ba ngàn lượng đánh cược! Phen này, tên quan huyện khà ó này hẳn là sạt nghiệp! Và hắn, hắn lại giàu thêm...

Bất giác, nhà cự phú đưa mắt liếc nhìn quan huyện. Hân vui như mở cờ trong bụng mà nhìn thấy đối thủ của hắn đang đứng sững người ra như kẻ mất hồn, bộ mặt đưa ma cúi gằm xuống như không dám nhìn thẳng vào sự thực...

Nhưng mà... thực ra, sự thật như thế nào?

Nhà cự phú Đỗ Hùng bỗng nghe đâu kẻ rưng rưng đôi mắt thành im lặng. Từ mấy khắc qua, nơi này đang không ngớt vang lên những tiếng động của giao phong, nay trong một

chớp mắt đột nhiên trở thành im lặng, một sự im lặng bất kỳ.

Kính ngạc, nhà cự phú quay đầu lại.

Cái gì kia? Nhà cự phú bỗng dừng nghe chổng văng.

Giữa đấu trường, một cảnh tượng không thể tưởng tượng được đang bày ra: con gà vàng, con gà vàng vô địch, con gà vàng mà nhà cự phú đã bỏ ra một lúc ba trăm lượng để «dành lấy quyền làm chủ», con gà vàng mà suốt trong mấy khắc vừa qua đang trở những ngón vô công tuyệt vời để đánh tà toi đối thủ, con gà vàng ấy... trước đôi mắt tròn xoe kinh ngạc của nhà cự phú... đang nằm phục sát đất, cúi đầu cúi cùi, rõ ràng là ra đầu quy hàng!

Thế này hỏi có té giữa người không? hỏi có tức uất người không? Gà nhà đang thắng rõ ràng, đang giờ thần công cho địch ném những cú đòn trời giáng, dồn địch vào tử địa... thì bỗng dưng trời không đánh thành không vật, lại nằm phục ra đó như một kẻ thua trận, đầu hàng!

Và con gà ô, mình mẩy lông cánh mặc dù đang tả tơi rách nát, thân phận mặc dù đang ở trong thế chiến bại hai năm rưỡi, nhưng... nhìn thấy cử chỉ của đối phương, nó cũng không thể không làm cái việc mà bốn phen một chiến sĩ lúc bấy giờ bắt nó phải làm được... Nó bèn thu hết tâm lực — thu hết cả lòng can đảm nữa — chân nam đá chân chiêu, loạng quạng xóc tới bên đối thủ, và... một cách ượng trượng, đưa mỏ mổ lên mõng con gà vàng một cái!

Con gà vàng, đau đớn thay cho nhà cự phú, vẫn nhẫn nhục nằm yên.

Thế là con gà Ô đã thắng! Mặc dù, sau khi hoàn tất cái hành động chiến thắng xong,

nó đã kiệt lực, ngã nhào ra, nằm yên không cử cựa.

Rốt cuộc, quan huyện được cả ba ngàn lượng vàng ròng. Còn nhà cự phú, hẳn thua cả ba ngàn lượng ấy.

Kể như gia tài của hắn đã «vùng trắng ai xẻ làm đôi»!

Thất bại lần này, nhà cự phú vô cùng kinh mang và tuyệt vọng.

Hắn không buồn làm ăn gì nữa, treo cầu, đóng cửa, tạ khách nằm nhà lười.

Và chẳng bao lâu, đời hắn tàn trong cô tịch. Linh hồn hắn, trước khi rời cõi thế, vẫn còn còn mang nặng niềm cay cú con gà vàng.

Nhưng cái điều kỳ diệu nhất trong câu chuyện cổ tích «con gà vàng» là sau khi cúi đầu xếp cánh tỏ vẻ quy hàng, con gà vàng vô địch của nhà cự phú Đỗ Hùng đã ngừng đầu lên xanh không, cả lên một tiếng gáy ngân nga rồi vỗ cánh bay lên «tên chim từng trời». Thì ra, đó là con gà thần, có nhiệm vụ xuất hiện giữa đời để «trừ tham diệt ác».

Con gà thần ấy sau này được dân chúng lập đền thờ ở ngoài ô thành Thượng Hải, bên sườn núi Bạch Tuyết Sơn.

Hàng năm, cứ tới đầu xuân, người Trung Hoa lại tổ chức lễ tế thần để tạ lòng trọng. Trong dịp ấy, những kẻ có máu mê cờ bạc lại bày ra những cuộc đá đá gà, sát phạt nhau tiền muôn bạc triệu. Và khi xưa, chính phủ Tưởng giới Thạch cũng nhân dịp này mà thu được nhiều thuế, cũng như chính phủ Ngô đình Diệm với trường đua Phú Thọ ngày nào.

Chẳng biết con gà thần trước tích cảnh ấy có chút đau lòng nào không?

ĐẠ-GIAO-ĐĂNG

Hai mùa Xuân con gà huy hoàng trang lịch sử Việt - Nam

(tiếp theo trang 26)

dong sông Nhị lại là mở chôn quân xâm lược, xác ngập dòng, nước không lưu thông nổi.

Điểm đặc biệt là uy vũ của quân ta dưới sự chỉ huy của vua Quang Trung thần công đã làm chấn động cả vùng biên giới Trung-Hoa, thậm chí dân Tàu trong vòng 100 dặm gần đó phải tản cư bỏ ruộng hoang nhà trống, vì sợ quân ta thừa thắng tràn sang như Lý thường Kiệt thuở trước.

Đúng giờ Thân ngày 5 tháng giêng Kỷ Dậu Vua Quang Trung coi ngửa vào Thăng Long, uy dũng như một vị Thần chiến thắng, áo màu đen sậm vì khói thuốc súng và loang lổ máu đao của quân thù xâm lược.



Chiến công của Quang Trung Nguyễn Huệ được xem như một chiến công hiển hách nhất trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc chống ngoại xâm của tất cả các dân tộc trên thế giới. Chiến công này, riêng đối với Việt Nam là một đòn sấm sét giáng xuống đầu con mòng xà Trung Hoa luôn luôn truền xuống phía Nam để áp bức và đô hộ. Mùa xuân Kỷ Dậu (1789) là một mùa xuân đánh dấu sự cáo chung của ước

Mùa Xuân cây cối và Quê hương

(tiếp theo trang 15)

Cây cối và quê hương, chuyện không thể nào nói hết được trong mấy ngàn chữ.

Lại càng không thể nào nói hết được trong mấy ngàn năm chữ bởi vì qua những năm dài chiến tranh có rất nhiều chuyện về sự di tản đổ vỡ của thảo mộc. Quê hương dân tộc bị mất yên vui, bị phá phách thì làm sao cây cối hoa cỏ được yên vui? Bởi lẽ cây cối, hoa cỏ với dân tộc là một: trên tổ quốc này, cây cối hoa cỏ và dân tộc đã sống nhờ vào nhau, đã cho nhau, đã vì nhau rất nhiều thì cái vận mệnh của hai bên đâu có rời nhau và tương lại của nhau là chung, là một.

Bây giờ đang vào xuân. Với xuân này, tin rằng sự yên vui sẽ trở về với quê hương. Để cho người và cây cối, và cả chim chóc nữa được sống trọn vẹn, được lớn lên và nảy nở trong tình yêu thương. Cây cối ơi, hãy tin! Xuân đang về, vườn mình đây, trở lại đâm cành và đơm hoa kết trái đi! Rồi dưới gốc của các cây cối, người người sẽ về tụ họp vui vẻ, và trên cành thì chim chóc rủ nhau chuyền cành ca hát và làm tổ.

KIM - MINH

vọng xâm lấn và cướp nước của người Tàu và cũng kể từ mùa Xuân đó, dân tộc ta không còn bị kẻ thù phương Bắc dòm ngó tới nữa.

Kỷ niệm mùa Xuân Kỷ Dậu (1968), chúng ta phải hồi tưởng lại mùa Xuân Kỷ Dậu (1789) cùng mùa Xuân Ất Dậu (1285) trong lịch sử VN đồng thời cầu nguyện cho mùa Xuân mới sẽ là mùa Xuân quét sạch hết bóng mây mờ xâm lược, áp bức đè bầu trời VN được sáng rõ lên trong ánh nắng thanh bình và tự chủ, trong âm thanh của tiếng gà gáy sáng trên đất nước quật cường.

QUANG NGUYỄN

Thăng Vui diên Xứ Huế

(tiếp theo trang 29)

lực cơ từng hồi từ lên như muốn phá vỡ màng tai Hai chiếc đang đảo lên, đâm xuống, vọt lên ở khu của Đông-Ba. Súng phòng không khác lên dữ dội. Những quả bom rơi xuống trông rõ mồn một và những tiếng nổ tung chuyển về mặt đất. Cửa kính các ngôi nhà quanh vùng vỡ vụn dần. Càng về trưa, phần lực cơ càng cánh tay dữ dội vùng ngoài cửa Đông-Ba. Đồng bào toàn khu đó, đang ăn núp trong các cao-ốc, hoặc ẩn, hoặc nhào cả lên. Nhưng không một ai dám chạy ra khỏi nhà và thật ra, cũng không biết chạy đi đâu hơn nữa.

Ở giữa cái công viên nhỏ nhỏ giữa đoạn đường Phan Bội Châu chẻ hai mà tôi vừa nói trên, thăng Vui diên đang nằm ngù dưới bóng mát của gốc cây cổ thụ. Không biết hẳn có ngủ được không nhưng người ta thấy hẳn nằm bất động từ lâu. Máy bay vẫn nhào lộn gao thét trên vùng trời ảm, tang tặc. Máy bay về lại về phía ngoài cửa Đông-Ba. Nhưng tiếng nổ kinh hồn lại vang lên rất gần. Mọi người khiếp đảm, lấp bắp với nhau.

— Chết rồi, không nhà ông S. chủ hàng xích lô và xe đạp...

— Nhà bà Tôn làm nem cũng... xong rồi...

— Ôi, Đức Thọ Đường mới bị xong...

Thăng Vui diên bỗng nhòm dậy vì một tiếng nổ toát tai, muốn hất tung hẳn lên khỏi mặt đất. Gạch ngói, cây gỗ rơi xuống người hẳn rào rào. Trước mặt hắn, ngòi cao ốc ba tầng đổ sập đang sụp xuống. Lửa bốc lên từ dưới phía sau, phía hàng xa xe hơi.

Không hiểu sao, hắn đứng phắt dậy cơ do chạy tới nơi cao ốc vừa bị một quả bom hạng

Tình Trăng Nước

(tiếp theo trang 9)

trước khi chàng qua đời, Kinh-Tử chính mình cũng không biết được.

Kinh-Tử nghĩ tới, thật ra, thêm khát cái hình ảnh của nàng đang làm vườn, hình ảnh đó được coi trong gương do tay chồng nàng cầm; nàng thêm màu trắng của hoa huệ (yazuri), cái đầm trẻ con trong làng nó đưa giữa cánh đồng bên, và mặt trời ban mai mọc trên những núi phủ tuyết xa với ánh sáng vọng cái thế giới tách rời đó mà nàng đã chia sẻ với chồng.

Với người chồng hiện tại, Kinh-Tử bóp nghẹt cảm giác đó khiến nó sắp trở thành một thêm muốn hầu như hoàn toàn thể chất, và định coi nó như một cái gương tự với hình ảnh xa với của thần tiên.

Một buổi sáng tháng Năm, Kinh-Tử nghe tiếng chim rừng hót trong mây thu-thanh. Đây là một buổi sáng phát triển từ một nỗi gần những ngọn đồi mà nàng đã ở với chồng cũ cho đến lúc mất. Nàng trở nên có thói quen là tiền chồng hiện tại đi tìm, Kinh-Tử lấy gương tay nơi ngăn kéo của giá gương và chiếu nhìn trời trong trẻo. Rồi nàng nhìn mặt nàng trong gương; Nàng ngạc nhiên bởi một khám phá mới. Nàng không nhìn mặt mình được nữa không nhìn trong gương. Người ta không thể nhìn chính mặt mình được. Hằng ngày người ta rời mặt mình, tự hỏi mặt trong gương có phải là mặt thật của mình không. Kinh-Tử đôi khi miễn man suy tư trong ý nghĩ này. Tại sao hóa công tạo ra mặt người tự người không nhìn được mặt?

«Giả thử bạn nhìn được mặt bạn, bạn sẽ chuồn loạn lộn không? Bạn có sẽ trở nên không hạnh phúc được không?»

Nhưng rất có thể người ta đã tiến hóa đến nỗi họ không nhìn được chính mặt họ nữa. Có chuồn chuồn, có các loài vật lại trông được chính mặt của chúng.

Song, rồi hình như chính mặt mình cũng là để cho người khác nhìn. Nó có giúp gì tính không? Để lấy gương tay vào ngăn kéo, Kinh-Tử cũng phải để ý sự phối hợp kỳ lạ của màu xanh và đỏ đầu. Vì gương trước đã bị thiếu hủy với người chồng đầu, cái giá gương này cũng có thể vì như một góa phụ. Nhưng gương tay lại có những phần lợi và bất lợi của nó.

vào cuộc sống ăn chơi, phóng phí. Nhiều phần tử bị hóa, phách lối, những cái đình hách dịch của Huế bỗng biến thành những con người trầm trầm suy tư. Đến đây, cũng đến, hoàng thành đã đổ nát, thành phố trở nên hoang vắng, tàn lụi, những con đường lố lổ bụi bặm, những ngôi nhà đổ nát, những ngôi nhà đổ nát, những ngôi nhà đổ nát.

Và tôi đã gặp thắng Vui điên trong một quán nước. Nếu không chú ý thì không nhận ra hẳn. Áo quần hẳn thay đổi hẳn, trước rất sạch sẽ như bất cứ một người nào. Hẳn đội cái mũ dạ che kín vùng trán. Gương mặt hẳn trầm lặng. Cốc cà phê trước mặt và điều thuốc trên tay. Tôi xích lại gần hẳn và làm như đã quen biết hẳn từ lâu, tôi hỏi:

— Mấy lâu cậu đi đâu? Lành bệnh hồi nào, cậu có tự biết không?

Hắn gật đầu nhìn tôi rồi lại cúi xuống. Chờ cho mọi người chung quanh bớt chăm chú nhìn hẳn, hẳn nói rất nhỏ vừa đủ cho tôi nghe:

— Căn nhà lâu ba từng và ba mươi hai mạng người bị chôn vùi trong đó. Những cánh tay ngoắt gọi tôi. Tiếng nổ rinh tai nhức óc trước đó... Sau những giờ phút ấy, tôi tự nhiên thấy kinh tởm, biết sợ hãi... và tôi vứt huyệt về nhà một người bà con của tôi ở vùng

Chồng nàng lúc nào cũng thì chung ngắm mặt mình trong đó. Vậy thì có lẽ chính là đã so từ thần. Nếu sự quá đời của chàng là một tư vấn tâm lý qua trung gian một cái gương thì Kinh-Tử lại là kẻ phạm tội sát nhân tâm lý. Kinh-Tử đã có lần nghĩ tới bất lợi của cái gương, và định cất gương, và định cất gương ra khỏi phòng. Nhưng chàng không chịu.

«Có phải em định không để anh nhìn thấy gì không? Còn sống ngày nào thì anh còn cần yêu một cái gì anh nhìn được, người chồng nói. Chàng có thể quên sinh để bảo vệ thế giới trong gương. Sau những trận mưa thác lũ, vợ chồng sẽ ngắm trong gương, cái nguyệt ảnh trong vũng nước ngoài vườn. Một mảnh trăng gần được như phản ảnh của một phản ảnh cứ lần lần trong tâm khảm Kinh-Tử nữa.

«Một tình yêu lành mạnh chỉ có trong một con người lành mạnh. Khi người chồng thế này nói thế, Kinh-Tử gạt đầu ra, nhưng chàng không hẳn đồng ý với chàng. Khi người chồng trước bệnh hoạn qua đời, Kinh-Tử tự hỏi câu dục liệu có ích gì; nhưng chàng bao lâu sự chú ý trở thành một kỷ niệm, sôi động của tình ái, một kỷ niệm với những tháng ngày tràn đầy yêu thương và những luyện tặc của nàng hẳn toàn biến hẳn. Có lẽ người chồng mới xem tình yêu của phụ nữ quá đơn giản. «Sao anh lại bỏ vợ anh, khi anh là một nam nhi thế?», chàng như vậy? Kinh-Tử có lần hỏi chàng sai. Chàng chẳng bao giờ trả lời cả. Kinh-Tử đã lấy chàng vì anh của người chồng trước đã khản khản. Họ kết hôn sau bốn tháng trong tình bạn. Chàng ta lớn hơn nàng 15 tuổi.

Khi nàng có thai, Kinh-Tử kinh hoàng đến nỗi khuôn mặt nàng cũng thay đổi.

«Em sợ! Em sợ!» Nàng ôm chặt lấy chồng. Nàng rất khổ sở về thai nghén và trở nên dằn dặt nữa. Nàng lo lắng không vào vườn và nhất những lá thông. Nàng cho con riêng của chồng đem đi học hải học (betta) trưa, cả hai học đầy những gạo. Nàng ngồi nhìn sừng vào gương, ngỡ rằng nàng nhìn được thắng qua gương đó. Nếu đây, nàng đây ngồi trong gương, và nhìn vào mặt chồng đang ngồi. Bị đây vô bởi sợ hãi khi biết rằng đời người là phù du, nàng tự cỡi giấy lưng áo ngủ của nàng. Nàng làm

như muốn siết cổ chồng. Phút sau thì nàng thò thức một cách cuồng dại. Chồng nàng thức dậy và bước lại đây lưngcao nàng nhẹ nhàng. Nàng rung mình ớn lạnh trong đêm lạnh.

«Hãy tin cậy dựa con trong em, Kinh-Tử. Chồng nàng ru nàng trong tay.

Bác sĩ đề nghị để nàng vào bệnh viện. Kinh-Tử không chịu, nhưng rồi bác sĩ lòng theo lời thuyết phục.

«Tôi sẽ vào nhà thương, làm ơn cho tôi thêm gia đình vài ba ngày trước đây.

Lần đầu tiên, chồng nàng đưa nàng về nhà cha mẹ vợ. Hôm sau, Kinh-Tử trốn khỏi nhà và treo lên những ngọn núi gần đó nơi nàng đã sống với người chồng trước. Trời về đầu tháng chín, mười ngày sau hơn ngày nàng đi rừng trước đến đó. Kinh-Tử muốn nôn óe. Nàng choàng văng trong tàu hỏa và bị bắt an bởi ý muốn định nhảy ra ngoài. Khi chuyển tàu qua nhà ga trên đỉnh núi, gió mát làm nàng dễ chịu. Nàng hồi tỉnh, làm như quý ám ảnh nàng đã đi khỏi. Nàng xuống chân, hoang mang nhìn vào những núi bao quanh cao nguyên. Đường viền của những rừng núi xanh giờ đây đang dần màu lại, trở nên rõ ràng trên nền trời, và nàng thấy những cánh rừng đã trong một thế giới sống thực. Lau mắt nhìn những giọt lệ ẩm, nàng đi bộ tới mi cửa nhà nơi hai người đã sống. Hôm ấy, từ những cánh rừng mở trong ánh tà dương, lại hiện lên tiếng hát của một con chim sáo. Có ai đang ở trong nhà và một màu trắng-tan trắng treo ở cửa sổ trên lầu hai. Không đến quá gần, Kinh-Tử nhìn đắm đắm vào căn nhà.

«Nếu con phải giống anh thì sao?» Giật mình về chính lời của nàng, nàng quay lại, yên dạ và tâm hồn thư thái.

HUYỀN-KHÔNG dịch



Cánh Hạc Non Nam

(tiếp theo trang 16)

TÔI Chi-Khả thơ tri ảnh Pháp-Hoa. Mỗi lần lung đèn phàm Dược Vương — tự chuyển Ngài Dược Vương đối một cánh tay để cùng đường chữ Phật — lại xúc cảm vô ngôn. Nghi đến công đức của chữ Phật, mười phương, tâm thức những thống hoa vào tận bố thí ba la mật.

Một hôm, vào năm hai mươi bốn tuổi, bên phát nguyện thiếu thân để cúng dường.

Bãi Đâu. Tôi chỉ còn nhớ từng ấy hình ảnh đó và bây giờ tôi đang sống trở lại. Mọi việc về trước, tôi không còn nhớ gì cả.

Thằng Vui điên lại uống một ngụm cà phê, rít một hơi khói thuốc. Tôi thích thế nhìn hẳn, một thằng Vui hết vì không còn điên nữa.

S.igon Cuối đông Mậu Thân

PHONG-SON

Chiến đấu chất chứa từng cơn. Tin hữu bốn phương quy về cố quán.

Dưới mặt trời mai, tôi Chi-Khả tự mình chạm ngọn lửa trong cơn lửa đang cao chín tương, phách thần vận niệm vững an nhiên tay lên mặt mặt, miệng mỉm cười, nhân nhà trong dòng như ngôi nhà mát.



TRONG nhật ký của tôi — nói về địa lý của chùa — có ghi chép như sau: Tại Bảo Vực xưa, lần một trong buổi nhai khi nhất phúc đại đại bị mất. Ý nói là ở xứ Bảo Vực (làng Ai Tử), gần thấy huyệt đất như con voi đang đi như năm xuống, như đứng đàng, đôi đôi không bao giờ dứt. Địa lý như thế, ấy là điềm hiệu tốt lành, mãi mãi vượt qua trăm tai nghìn nạn đã mãi mãi trung hưng.

Thế đất — Vật phục nhất khởi — ấy, là thế đất của chùa Tịnh-Quang, làng Ai Tử. Phải chăng vì thế, mà trải qua bao cơn bão lửa, chùa Tịnh-Quang vẫn còn? làng Ai Tử vẫn còn?

— Tiết giao thừa Thân-Dậu —

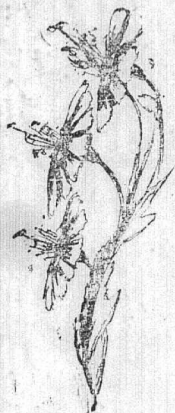
THÍCH TRÍ THỦ

Cung

Chúc

Tân

Xuân



Đón tất cả cho ngành Kiến trúc

210F Võ-Tánh Phái Thuận SAIGON

Phan-Văn-Mỹ

Xưởng Công

TÂM-PHƯƠNG

47A, Trần - Quốc - Toản SAIGON



Đặc biệt :

Sản xuất

các loại bột

(chín) Gạo

lức, hạt sen,

đậu rành,

đậu xanh,

đậu đỏ v.v...

Bột chín sẵn rất tiện lợi.

HÀNG PHİM

TRUNG-QUỐC



— Chuyên nhập cảng các phim kiêm hiệp xã hội tình cảm Trung Hoa.

Cung Chúc Tân Xuân



Phan-văn-Phong

NHÀ MAY

ĐẠI HƯNG

Số 7, đại lộ Trần-Quang-Khải SAGON
(Nhà riêng 4434)

Chuyên may Âu-phục và Quân-phục
Cắt may theo đúng Hợp thời trang
và các quốc kỳ bằng vải, bằng Nylon
các kiểu nón v.v...

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Ciné VĂN HOA

62 Trn Quang Khải — TÂNĐÌNH

Kính chúc quý vị khán giả
một năm mới đầy vui tươi
và Hạnh Phúc

Cung Chúc Tân Xuân

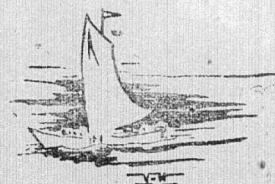
Tân Xuân Vạn Hạnh

HÀNG PHİM

MẪU ĐƠN



— Chúc quý vị khán giả
một năm nhiều hạnh
phúc.



BẢNG LƯỢC DỊCH

về SAO HẠN

L.T.S. Vì có nhiều độc giả gởi thư về tòa soạn, muốn biết Sao hạn vận niên của mình. Chúng tôi không thể trả lời thư riêng từng vị một, nên xin sưu lục và đăng tải hầu công hiến chung, cho những ai cần muốn hiểu về sao hạn. Bảng lược dịch này đăng mỗi năm nào cũng được và từ 11 tuổi trở lên mới có Sao hạn. Tuổi đông tuổi, như nam nữ khác nhau, vì vậy để giúp độc giả dễ tìm chúng tôi để hàng tuổi ở giữa để xem chúng qua lại hai bên nam và nữ. (mọi chi tiết xin xem sách khác)

Do ĐD THIÊN TU sưu soạn

AN-LAC

Nam			Nữ		
SAO	HẠN	TUỔI	SAO	HẠN	
Thỏ-Tinh	Tam-Kheo	11	Hỏa Tinh	Thiên Tinh	
Thủy-Tinh	Ngũ-Mộ	12	Mộc Tinh	Ngũ Mộ	
Kim-Tinh	Thiên-Tinh	13	Thái Âm	Tam Kheo	
Thái-Dương	Toán-Tân	14	Thổ tinh	Huỳnh Tuyền	
Hỏa-Tinh	Thiên-La	15	La Hầu	Diêm Vương	
Kế-Đô	Địa-Vong	16	Thái Dương	Địa Vong	
Thái Âm	Diêm-Vương	17	Kim Tinh	Thiên La	
Mộc-Tinh	Huỳnh-Tuyền	18	Thủy tinh	Toán Tân	
La-Hầu	Tam-Kheo	19	Kế Đô	Thiên Tinh	
Thỏ-Tinh	Tam-kheo	20	Hỏa tinh	Thiên Tinh	
Thủy-Tinh	Ngũ-Mộ	21	Mộc tinh	Ngũ Mộ	
Kim-Tinh	Thiên-Tinh	22	Thái Âm	Tam Kheo	
Thái-Dương	Toán-Tân	23	Thổ tinh	Huỳnh Tuyền	
Hỏa-Tinh	Thiên-La	24	La Hầu	Diêm Vương	
Kế-Đô	Địa-Vong	25	Thái Dương	Địa Vong	
Thái Âm	Diêm-Vương	26	Kim Tinh	Thiên La	
Mộc-Tinh	Huỳnh-Tuyền	27	Thủy tinh	Toán Tân	
La-Hầu	Tam-Kheo	28	Kế Đô	Thiên Tinh	
Thỏ-Tinh	Ngũ-Mộ	29	Hỏa tinh	Ngũ Mộ	
Thủy-Tinh	Ngũ-Mộ	30	Mộc tinh	Tam Kheo	
Kim-Tinh	Thiên-tinh	31	Thái Âm	Huỳnh Tuyền	
Thái-Dương	Toán-tân	32	Thổ Tinh	Diêm Vương	
Hỏa-Tinh	Thiên-La	33	La Hầu	Địa Vong	
Kế-Đô	Địa-Vong	34	Thái Dương	Thiên La	
Thái Âm	Diêm-Vương	35	Kim Tinh	Toán Tân	
Mộc-Tinh	Huỳnh Tuyền	36	Thủy Tinh	Thiên Tinh	
La-Hầu	Tam kheo	37	Kế Đô	Ngũ Mộ	
Thỏ-Tinh	Ngũ Mộ	38	Hỏa tinh	Tam Kheo	
Thủy-Tinh	Thiên tinh	39	Mộc Tinh	Tam Kheo	
Kim-Tinh	Thiên tinh	40	Thái Âm	Huỳnh Tuyền	
Thái-Dương	Toán tân	41	Thổ tinh	Huỳnh Tuyền	
Hỏa-Tinh	Thiên La	42	La Hầu	Diêm Vương	
Kế Đô	Địa Vong	43	Thái Dương	Địa Vong	
Thái Âm	Diêm Vương	44	Kim Tinh	Thiên La	
Mộc-Tinh	Huỳnh Tuyền	45	Thủy tinh	Toán Tân	
La-Hầu	Tam Kheo	46	Kế Đô	Thiên Tinh	
Thỏ-Tinh	Ngũ Mộ	47	Hỏa Tinh	Ngũ Mộ	
Thủy-Tinh	Thiên tinh	48	Mộc tinh	Tam Kheo	
Kim-Tinh	Toán tân	49	Thái Âm	Huỳnh Tuyền	
Thái-Dương	Toán tân	50	Thổ Tinh	Huỳnh Tuyền	
Hỏa-Tinh	Thiên La	51	La Hầu	Diêm Vương	
Kế-Đô	Địa Vong	52	Thái Dương	Địa Vong	
Thái Âm	Diêm Vương	53	Kim Tinh	Thiên La	
Mộc-Tinh	Huỳnh Tuyền	54	Thủy tinh	Toán Tân	
La-Hầu	Tam Kheo	55	Kế Đô	Thiên Tinh	
Thỏ-Tinh	Ngũ Mộ	56	Hỏa Tinh	Ngũ Mộ	
Thủy-Tinh	Thiên tinh	57	Mộc tinh	Tam Kheo	
Kim-Tinh	Toán tân	58	Thái Âm	Huỳnh Tuyền	
Thái-Dương	Thiên La	59	Thổ tinh	Huỳnh Tuyền	
Hỏa-Tinh	Thiên La	60	La Hầu	Diêm Vương	
Kế-Đô	Địa Vong	61	Thái Dương	Địa Vong	
Thái Âm	Diêm Vương	62	Kim Tinh	Thiên La	
Mộc-Tinh	Huỳnh Tuyền	63	Thủy Tinh	Toán Tân	
La-Hầu	Tam Kheo	64	Kế Đô	Thiên Tinh	
Thỏ-Tinh	Ngũ Mộ	65	Hỏa Tinh	Ngũ Mộ	
Thủy-Tinh	Thiên tinh	66	Mộc Tinh	Tam Kheo	
Kim-Tinh	Toán tân	67	Thái Âm	Huỳnh Tuyền	
Thái-Dương	Thiên La	68	Thổ Tinh	Diêm Vương	
Hỏa-Tinh	Địa Vong	69	La Hầu	Địa Vong	
Kế-Đô	Địa Vong	70	Thái Dương	Địa Vong	
Thái Âm	Diêm Vương	71	Kim Tinh	Thiên La	
Mộc-Tinh	Huỳnh Tuyền	72	Thủy Tinh	Toán Tân	
La-Hầu	Tam Kheo	73	Kế Đô	Thiên Tinh	
Thỏ-Tinh	Ngũ Mộ	74	Hỏa Tinh	Ngũ Mộ	
Thủy-Tinh	Thiên tinh	75	Mộc Tinh	Tam Kheo	
Kim-Tinh	Toán tân	76	Thái Âm	Huỳnh Tuyền	
Thái-Dương	Thiên La	77	Thổ Tinh	Diêm Vương	
Hỏa-Tinh	Địa Vong	78	La Hầu	Địa Vong	
Kế-Đô	Diêm Vương	79	Thái Dương	Thiên La	
Thái Âm	Diêm Vương	80	Kim Tinh	Thiên La	
Mộc-Tinh	Huỳnh Tuyền	81	Thủy Tinh	Toán Tân	
La-Hầu	Tam Kheo	82	Kế Đô	Thiên Tinh	
Thỏ-Tinh	Ngũ Mộ	83	Hỏa Tinh	Ngũ Mộ	
Thủy-Tinh	Thiên tinh	84	Mộc Tinh	Tam Kheo	
Kim-Tinh	Toán tân	85	Thái Âm	Huỳnh Tuyền	
Thái-Dương	Thiên La	86	Thổ Tinh	Diêm Vương	
Hỏa-Tinh	Địa Vong	87	La Hầu	Địa Vong	
Kế-Đô	Diêm Vương	88	Thái Dương	Thiên La	
Thái Âm	Huỳnh Tuyền	89	Kim Tinh	Toán Tân	
Mộc-Tinh	Huỳnh Tuyền	90	Thủy Tinh	Toán Tân	

ẢNH HƯỞNG TỐT XẤU CỦA MỖI THỨ SAO TRONG MỖI THÁNG

LA HẦU chánh thiết hung tinh
Tháng giêng, tháng bảy, thường sinh tai nạn
THỎ TU, THỦY DIỆU, lo toan
Tháng tư, tháng tám, buồn than không cùng
THÁI BẠCH (Kim Tinh) năm đến có hung
Tháng năm kỵ mạng, đề phòng tai ương
THÁI DƯƠNG vận gặp kiệt tướng
Tháng mười, tháng sáu, của tiền đang thất
VÂN HỖN (Hỏa Tinh) khảm thiết lo âu
Tháng hai, tháng tám, phiền rầu chẳng an
KẾ ĐÔ buồn bức khổ nan
Tháng ba, tháng chín, khốc than li bi
THÁI ÂM tháng chín kiệt kỳ
Kỵ tháng mười một, có khi chẳng lành
MỘC ĐỨC tháng chạp lộc sinh
Có điều lợi đến cho mình an vui

HẠN (gặp nạn nào tốt hay xấu)

- ★ HUYNH-TUYỀN đại hạn đến kỳ.
Hao tài bệnh tật, mạng thì hiểm hung.
- ★ TAM KHEO tiểu hạn kỵ trung
Mãi đau, nhức mỏi khắp cùng tay chân
- ★ NGŨ MỘ tiểu hạn lo lắng.
Hao tiền, tổn của, mạng thì khổ cùng
- ★ THIÊN TINH hạn ấy chẳng lành
Mình đau khổ thiết vào vòng kiến thư
- ★ TOÁN TÂN đại hạn chẳng vừa
Hao tài, tật bệnh, ưu tư nào quên
- ★ THIÊN LA hạn gặp chẳng yên
Qui mả ăn phá liên miền trong nhà
- ★ ĐỊA VONG, tai họa xảy ra
Thị phu tranh biện, thiết là dở thay
- ★ DIÊM VƯƠNG, phòng gặp họa tai
Nhược, điều buồn bức, vãng lai nhiều phước

SAO (gặp sao nào tốt hay xấu)

THÁI DƯƠNG

Hành niên gặp thái dương
Nam ấy trọn an khang
Nam nhân thường bị lạc
Phụ nữ gặp tai ương

THÁI ÂM

Hành niên gặp Thái Âm
Mọi việc toại kỳ tâm
Cầu danh cầu lợi lộc
Vận tới xứ xa tâm

MỘC TINH

Hành niên gặp Mộc Tinh
Phụ nữ gặp tai sinh
Tay là tật bệnh thọ
Nam tháng vận vương mình

HỎA TINH

Hành niên gặp Hỏa Tinh
Lớn củ quạ ăn mình
Ngờ nhơn nhiều nạn ạch
Nam mạng vương tại tinh

THỔ TINH

Hành niên gặp Thổ Tinh
Thừa kiến đến cho mình
Ra vào không tiện lợi
Phong kô tiền nhơn kinh

KIM TINH

Hành niên gặp Kim Tinh
Mọi việc trái tâm nhĩ
Nam nhơn sâu nào ít
Phụ nữ khổ đa sinh

THỦY TINH

Hành niên gặp thủy tinh
Tiền của đang hưng thịnh
Nam nhơn phước lộc tới
Phụ nữ khổ thiết sinh

LA HẦU

Hành niên gặp La hầu
Mọi việc thấy buồn rầu
Nam nhơn và quan đến
Nữ tử đại bị sầu

KẾ ĐÔ

Hành niên gặp kế đô
Tai hại thấy liên vô
Nữ nhơn phòng khẩu thiết
Nam tử ít buồn lo.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
SƠ CẤP, MÀU GIÁO, VƯỜN TRÈ
HOA - NIÊN

2 Ngô-Tùng-Châu GIA-ĐÌNH
(gần ngã ba Chi-lăng Ngô-Tùng-Châu)
Điện thoại : 40434

- ★ CHƯƠng TRÌNH PHÁP-VIỆT
 - ★ HAI BUỔI MẠI, CHIỀU
 - ★ CÓ XE ĐƯA RƯỢC
 - ★ GIÁO SƯ KINH NGHIỆM
- VƯỜN CHƠI MẮT RỘNG

**CUNG
CHÚC
TÂN
XUÂN**



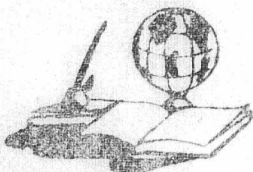
BẢO CHÍ
Được trao đến tận tay độc giả,
từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà-Mâu
ĐỀU DO

NHA TỔNG PHÁT HÀNH
NAM-CƯỜNG
ĐÁM TRÁCH

NƠI ĐẾN

SÁCH

**NÊN NGHĨ NGAY MỘT
ĐỊA CHỈ TIN CẬY**



Nhà Sách KHAI - TRÍ

62, Đại lộ Lê Lợi SAIGON — Điện Thoại : 20 348
Phát hành đầy đủ SÁCH, BẢO
VIỆT và NGOẠI QUỐC

Xuân năm con Gà
ĐI TÂM Ở ĐẦU THÍCH HỢP
HỒ TÂM

**Cung
Chúc
Tân
Xuân**

CHI LĂNG
36, Đan Sơn — GIAĐÌNH
(gần đường Chi Lăng)
Điện thoại : 40.434

★ Một nơi lý tưởng của bạn trẻ nam nữ
và các giới đồng bào trong khi xã hội

TÌM ĐẦU CỎ ?

Một tặng phẩm giá trị độc đáo thuộc vào loại quốc cấm

Hình Thượng tọa TRÍ- QUANG

Thượng tọa PHÁP-TRI

Đầu tranh trước Dinh Độc Lập

In Oppset 5 màu : Một tài liệu Quốc sử muôn đời

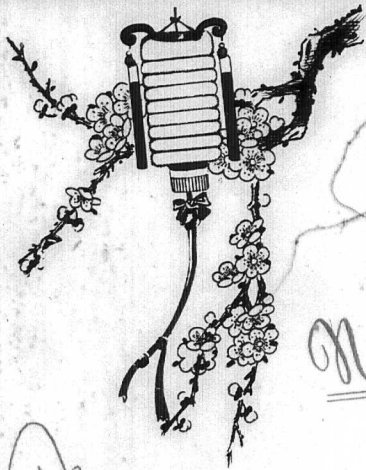


Xin đồng bào các giới nhất là độc giả tuần báo An-lạc
Hãy hỏi ngay các sạp báo sẽ được, tặng theo Số
« tắt và Tân niên » tuần báo An Lạc

★ **Số báo thực hiện còn hùng hậu hơn số Xuân AN LẠC**

XUÂN CON GÀ

★ **Số tắt và Tân niên tuần báo An Lạc phát hành**
vào năm khi ngày ông Táo chầu trời



Hoa thơm tuy ẩn nhưng rất quý
Việt Nam nhỏ hẹp nhưng rất đại hùng

Nhà Cliché Việt-Hoa

62 đường TÂN-ĐÁ CHỢ-LỚN

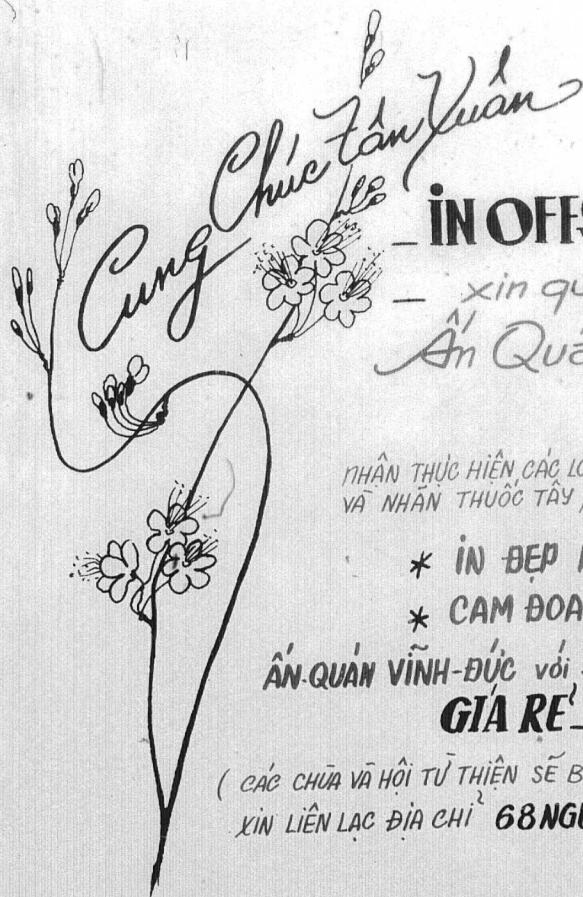
- * NƠI LÂM PHIM ĐỂ IN HÌNH MÀU
- * ĐÃ ĐƯỢC KHÁCH HÀNG XA GẦN TÍN NHIỆM

Cliché VIỆT-HOA

đã từng đóng góp cho nền văn-hoà Việt-Nam
rất nhiều hình ảnh mỹ-thuật

- * xin liên-lạc Giản-Tiếp Bằng ĐIỆN-THOẠI 40.151
- * hoặc số: 68 NGUYỄN-HUỆ Phú-Nhuận

Mừng
Xuân
Thịnh
Vượng



IN OFFSET

nhiều Mẫu ở đây..

ĐẸP ?

xin quý vị đến =

Ấn Quán

VĨNH-ĐỨC

Đ. AN-ĐIỂM CHỢ-LỚN

NHÂN THỰC HIỆN CÁC LOẠI TRANH ẢNH, HÌNH BIẢ, LỊCH, BẢO
VÀ NHÂN THUỘC TÂY, NHÂN HIỆU BUỒN V.V.

- * IN ĐẸP KHÔNG THUA NGOẠI QUỐC
- * CAM ĐOAN NẾU KHÔNG ĐẸP KHÔNG LẤY TIỀN

ẤN-QUÁN VĨNH-ĐỨC với 3 ĐẶC ĐIỂM :

GIÁ RẺ - IN ĐẸP - ĐÚNG HẸN

(CÁC CHỮA VÀ HỘI TỬ THIÊN SẼ BỐT BA MƯƠI PHẦN TRĂM)

XIN LIÊN LẠC ĐỊA CHỈ 68 NGUYỄN-HUỆ PHÚ-NHUẬN. ĐIỆN THOẠI SỐ 40.151